NITOBE INAZO

VÕ SĨ ĐẠO,

LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

BUSHIDO

the soul of Japan





NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI



Quảng Văn



NITOBE INAZO

Nitobe Inazo (1862-1933): Tiến sĩ nông nghiệp, tiến sĩ pháp chính học, tiến sĩ văn học, nhà văn hóa tầm cỡ của Nhật Bản ở cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.

Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như giáo sư Đại học Kyoto, hiệu trưởng trường Ikko (Đại học Tokyo ngày nay), Phó Tổng thư ký Hội Quốc Liên... Ngoài *"Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản"* ông còn có tác phẩm *"Tu dưỡng"*... Ông mất năm 1933 ở Canada. Hình ông hiện được in trên giấy bạc 5.000 Yên của Nhật Bản.

VÕ SĨ ĐẠO,

LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng Văn
rất mong nhận được góp ý của bạn đọc
Mọi ý kiến xin gửi về Email: publicationqvg@gmail.com



Quảng Văn
www.quangvanbooks.com

Hợp đồng xuất bản được ký giữa Công ty cổ phần Truyền thông Quảng Văn với dịch giả Lê Ngọc Thảo.

Bản quyền bản tiếng Việt Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản © Công ty cổ phần Truyền thông Quảng Văn và dịch giả Lê Ngọc Thảo 2011.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Inazo Nitobe
Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản / Inazo Nitobe ; Lê Ngọc Thảo dịch - H. : Thời đại ; Công ty Truyền thông Quảng Văn, 2011. - 223tr. ; 20cm

1. Đạo đức 2. Tinh thần 3. Võ sĩ đạo 4. Nhật Bản
170.952 - dc14
TDF0009p-CIP

Bản quyền: Trang Nguyễn
Biên tập Quảng Văn: Minh Tuấn - Thúy Thúy

NITOBE INAZO

VÕ SĨ ĐẠO,

LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

(Lê Ngọc Thảo *dịch*)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Mục lục

LỜI TỰA

(cho bản in lần đầu năm 1899)

Khoảng mười năm trước, tôi có dịp được cố giáo sư De Laveleye, nhà pháp chính học lỗi lạc của nước Bỉ, mời đến chơi một vài ngày ở nhà ông. Một ngày nọ, khi tán chuyện lan man với nhau, câu chuyện của chúng tôi quay sang vấn đề tôn giáo. Vị giáo sư khả kính hỏi tôi: "Vậy anh muốn nói là trường học ở Nhật Bản không có dạy về tôn giáo à". Tôi trả lời rằng: "Không có". Giáo sư bất ngờ khựng lại vì kinh ngạc, và bằng giọng nói mà tôi không thể nào quên được, giáo sư đã hỏi lại: "Không có dạy về tôn giáo à? Vậy làm sao giáo dục đạo đức được?". Câu hỏi này làm tôi điếng người, không biết trả lời ra sao. Tôi không trả lời ngay được vì những lời dạy về đạo đức tôi học hồi thơ ấu đã không được dạy ở trường. Và mãi cho đến khi tôi phân tích những nhân tố tạo nên quan niệm về phải trái, thiện ác của tôi, cuối cùng tôi mới hiểu ra được rằng chính võ sĩ đạo đã đưa những nhân tố đó vào trong tôi.



Nguyên do trực tiếp dẫn đến việc viết quyển sách mỏng này là vì nhà tôi thường hỏi lí do tại sao tư tưởng này, tập quán nọ phổ biến rộng rãi ở Nhật Bản.

Trong nỗ lực tìm ra câu trả lời thỏa đáng đối với giáo sư De Laveleye và đối với nhà tôi, tôi hiểu ra rằng nếu thiếu hiểu biết về chế độ phong kiến và võ sĩ đạo, thì quan niệm đạo đức của Nhật Bản hiện đại, rốt cuộc, sẽ giống như quyển sách bị niêm phong.

Nhờ có được một khoảng thời gian dài không làm gì trên giường bệnh, tôi đã sắp xếp lại và nay có dịp công bố những gì tôi đã trả lời trong lúc nói chuyện với nhà tôi. Nội dung chủ yếu bao gồm những điều tôi đã nghe và được chỉ dạy trong thời niên thiếu khi chế độ phong kiến còn thịnh hành.

Đã có Lafcadio Hearn, và bà Hugh Fraser ở bên này và ngài Ernest Satow cùng với giáo sư Chamberlain ở bên kia, thật dễ ngã lòng khi tôi phải dùng tiếng Anh để viết những sự việc liên quan đến Nhật Bản. Điều duy nhất mà tôi nghĩ rằng tôi có lợi thế hơn họ là tôi có thể lấy thái độ của cá nhân bị cáo, trong khi những tác gia cao danh này chỉ có thể là những người buộc tội hay trạng sư biện hộ. Tôi thường nghĩ: "Giá mà tôi có

tài năng ngôn ngữ ngang bằng họ thì tôi có thể hùng biện hơn trong việc trình bày lập trường của Nhật Bản". Nhưng người mượn ngôn ngữ của nước khác để nói, thì nên bằng lòng khi mình chỉ có thể làm cho độc giả hiểu được những điều mình nói.

Trong suốt quyển sách này, tôi tìm cách giải thích những điểm luận chứng của mình bằng cách trích dẫn những tỉ dụ tương tự từ văn học và lịch sử của châu Âu, và tôi tin rằng những tỉ dụ đó có ích trong việc đem vấn đề đến gần hơn trong vòng hiểu biết của độc giả ngoại quốc.

Nếu có câu nào của tôi liên quan đến vấn đề tôn giáo hay những người truyền giáo ngộ nhỡ bị xem là có vẻ khinh mạn đi nữa, tôi tin rằng thái độ của tôi đối với đạo Cơ đốc không có chỗ nào đáng nghi ngờ. Điều mà tôi không mấy đồng tình là những phương cách của giáo hội và những hình thức làm cho những lời chỉ dạy của đức Jesus thành ra khó hiểu, chứ không phải là bản thân của những giáo huấn đó. Tôi tin vào tôn giáo mà Christ chỉ dạy và truyền lại trong thánh kinh "Tân ước", cùng với giới luật được ghi ở trong lòng mình. Tôi tin rằng Thượng đế đã kí kết khế ước, được gọi là "Cựu ước" với tất cả mọi dân tộc, mọi quốc dân - bất kể người đó là người Do Thái hay

không, tín đồ Cơ đốc hay người ngoại đạo. Chắc tôi không cần phải nói thêm những suy nghĩ khác của tôi đối với thần học vì chắc chỉ làm cho độc giả mất kiên nhẫn.

Để kết thúc lời tựa này, tôi mong được bày tỏ lòng cảm ơn của tôi đối với người bạn, Anna C. Hartshorne về những đề nghị quí báu của cô.

Nitobe Inazo

Malvern, Pa., tháng 12, 1899

LỜI TỰA

(cho bản in lần thứ 10 năm 1905)

Từ khi phát hành bản in đầu tiên sáu năm trước đây, cuốn sách nhỏ này đã có một lịch sử bất ngờ, kết quả có được thật phong phú vượt qua mong muốn của tôi.

Bản in ở Nhật Bản đã tái bản được chín lần. Bản in lần này được phát hành đồng thời tại New York và London dành cho những độc giả Anh ngữ khắp nơi trên thế giới. Cho đến nay, quyển sách này đã được ông Dev ở Khandia dịch ra tiếng Mahratti, được cô Kaufman ở Hamburg dịch ra tiếng Đức, được ông Hora ở Chicago dịch ra tiếng Bohemia, được "Hiệp hội khoa học và sinh mạng" ở Lemberg dịch ra tiếng Poland. Bản dịch tiếng Na Uy và tiếng Pháp đang chuẩn bị phát hành, và bản dịch ra tiếng Hoa đang nằm trong kế hoạch. Quốc dân Hungary và Nga cũng có được vài chương của "Võ sĩ đạo" bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Bản bình luận tường tận tựa như một quyển sách chú giải đã được phát hành bằng tiếng Nhật. Và những chú giải dành cho sinh viên học Anh ngữ nghiên cứu,

đã được bạn tôi, ông Sakurai biên soạn. Tôi cũng mang ơn ông bạn này ở nhiều điểm khác.

Tôi hết sức vui mừng khi biết rằng cuốn sách nhỏ này của mình đã tìm được sự đồng tình của nhiều độc giả ở khắp nơi trên thế giới, chứng tỏ vấn đề mà cuốn sách này đề cập, được mọi người trên thế giới quan tâm. Điều khiến tôi hết sức vinh hạnh là có tin (đến với tôi từ một nguồn tin đáng tin cậy) rằng Tổng thống Roosevelt đã tự mình đọc quyển sách này và đã cho phân phát bản in đến bạn bè của ông.

Trong lần tái bản này, tôi đã hạn chế việc điều chỉnh, chỉ chủ yếu thêm vào những tỉ dụ cụ thể. Tôi lấy làm tiếc vì đã không thể thêm một chương nói về "hiếu nghĩa", đây là đức tính cùng với "trung nghĩa" tạo thành hai bánh xe của cỗ xe đạo đức Nhật Bản. Khó khăn mà tôi gặp phải trong việc viết một chương về "hiếu nghĩa" không phải vì tôi không biết thái độ của quốc dân chúng tôi mà vì tôi không biết tình cảm của người Tây phương ra sao đối với đức tính này, nên tôi đã không đưa ra được những so sánh có thể làm mình vừa lòng. Tôi hi vọng một ngày nào đó tôi có cơ hội nói đến đề tài này. Tất cả những vấn đề được đề cập trong quyển sách này, dĩ nhiên, còn có nhiều chỗ có thể được áp dụng và luận bàn nhiều

hơn nữa; nhưng tôi cảm thấy có trở ngại trong việc làm cho quyển sách này dày hơn.

Lời tựa này sẽ không hoàn hảo và không công bình nếu tôi quên cảm ơn khổ công duyệt đọc bản thảo, cùng những đề nghị hữu ích và hơn cả, đó là sự khuyến khích không ngừng của nhà tôi.

Nitobe Inazo

Koishikawa, Tokyo, ngày 10, tháng giêng, 1905

LỜI TỰA

Trần Văn Thọ

Giáo sư kinh tế học, Đại học Waseda, Tokyo

Sống ở Nhật một thời gian tương đối dài ai cũng nhận thấy tính cách độc đáo của người Nhật về lối giao tiếp, về nghi lễ, về cách xử thế, v.v. Nhiều người nước ngoài có thể thấy phiền toái hoặc thấy khó hiểu về lễ nghi, về cách thể hiện trách nhiệm cá nhân, về quan niệm đạo đức của người Nhật. Nhưng nếu suy nghĩ kỹ ta sẽ thấy bề sâu của tính cách độc đáo ấy là sự tuyệt hảo của các quy phạm đạo đức Đông phương như nhân, nghĩa, lễ, dũng, tín. Trong giới trẻ ngày nay, lối sống và quan niệm giá trị dần dần đa dạng hóa và đi gần với các chuẩn mực quốc tế, nhưng những bậc cha mẹ hoặc nhà giáo dục Nhật Bản vẫn mong các thế hệ đi sau giữ lại, dù chỉ một phần, những đức tính truyền thống cao đẹp đã trở thành con đường (đạo) được xây dựng từ giới võ sĩ thời phong kiến.

Đọc lịch sử Nhật, nhất là thời cận đại, tôi luôn bắt gặp những điển hình của con đường xây đắp

bằng nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng đó, những điển hình đã gây cho tôi thán phục, cảm động, cảm kích... Một Oda Nobunaga (1534-1582) thời Chiến Quốc Nhật đã biểu lộ một tinh thần thượng võ đáng phục. Trong trận chiến Okehazama (1560), Nobunaga đã tiêu diệt đội quân đông đảo, hùng mạnh của Imagawa Yoshimoto (1519-1560), lãnh chúa tài giỏi và mạnh nhất thời đó. Quân đội của Nobunaga đã đột nhập vào bản doanh và giết được Imagawa. Từ sự khâm phục một người tài giỏi, Nobunaga chẳng những đã nghiêng mình trước thủ cấp của Imagawa mà quân đội mình vừa đem nộp, lại còn giao binh sĩ tẩm liệm cẩn thận và đưa về quê quán chôn cất.

Cảm động biết bao trước lòng nhân của Sugiura Chiune (1900-1986). Trong Thế chiến thứ hai, hơn 6.000 người Do Thái đã thoát ra được từ cõi chết trước sự tàn bạo của Đức Quốc xã là nhờ Sugiura (làm việc ở Tổng lãnh sự quán của Nhật ở Litorania, lúc đó thuộc Liên Xô) cấp chiếu khán đi Nhật, một việc làm vừa trái lại nguyên tắc của Bộ Ngoại giao Nhật, vừa chuốc lấy nguy hiểm cho bản thân và gia đình Sugiura vì lúc đó cảnh sát chìm của Đức Quốc xã đã len lỏi vào mọi cơ quan ngoại giao ở những nước, những nơi mà họ đang chiếm đóng. Nhưng trước một nhóm người rất

đông đang trông cậy vào mình để được cứu sống, lòng nhân của Sugiura đã trỗi dậy bất chấp luật pháp va sự nguy hiểm có thể đến với bản thân. Nghĩ cho cùng, đạo đức phải đứng trên cả luật pháp, và Sugiura đã thể hiện điều đó với cả sự cao đẹp đáng ngưỡng mộ.

Trong quá trình xây dựng đất nước với khẩu hiệu phải theo kịp và vượt các nước Âu - Mỹ, nhiều quy phạm đạo đức truyền thống của người Nhật, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm, được thăng hoa thành lòng yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Các điển hình này rất nhiều, không thể kể hết trong khuôn khổ của bài viết ngắn này. Ngay cả trong hoạt động doanh nghiệp, là lãnh vực tưởng như mục tiêu chính là lợi nhuận, ta cũng thấy tinh thần dân tộc rõ nét ở những người sáng lập các công ty nổi tiếng ngày nay. Chẳng hạn, Ibuka Masaru (1908-1997), người sáng lập công ty mà sau này có tên là Sony, đã nói một câu thật cảm động trong bài diễn văn thành lập công ty năm 1946: "Phải cố gắng đem công nghệ, kỹ thuật góp phần vào việc phục hưng tổ quốc chúng ta". Giữa cảnh hoang tàn đổ nát sau chiến tranh, tinh thần trách nhiệm đó đã động viên mọi người hăng hái trong công cuộc khôi phục đất nước.

Shirasu Jiro (1902-1985) được người đời truyền tụng về năng lực và khí khái của một nhà ngoại giao xuất sắc. Một sự kiện nổi bật được ghi lại như điểm son của một quan chức yêu nước và đầy tự trọng. Trong thời gian Mỹ chiếm đóng Nhật (1945-1951), có lần Shirasu được lệnh mang quà của Thiên hoàng đến biếu Thống soái Douglas MacArthur, người có trách nhiệm tối cao của đội quân chiếm đóng. Thấy thái độ trịch thượng của MacArthur, coi thường quà của Thiên hoàng, Shirasu nổi nóng phản ứng: "Chúng tôi chỉ là nước bại trận chứ không phải là nô lệ của các ông". Thấy thái độ khảng khái, đầy tự trọng, không sợ quyền lực, không sợ khả năng mất chức tước, mất quyền lợi của Shirasu, Mac Arthur chột dạ phải xin lỗi và từ đó có thái độ khác đối với Nhật.

Những câu chuyện như trên kể mãi không hết. Ta có thể đặt câu hỏi là tại sao ở mọi tình huống của lịch sử Nhật đều có những con người biểu hiện một cách sâu sắc, mạnh mẽ những quy phạm đạo đức rất cao đẹp và những đạo đức đó do đâu mà có? Tôi nghĩ ta có thể tìm câu trả lời qua cuốn sách "Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản".

Nitobe Inazo, tác giả của cuốn sách, cũng là người thấm nhuần và thể hiện bằng hành động rất xuất sắc những tinh túy của võ sĩ đạo ấy. Cuốn sách

viết năm 1899, xuất bản năm 1900, tức là năm Minh Trị thứ 33. Sau hơn 30 năm cận đại hóa, Nhật đã theo kịp Tây phương về một số phương diện. Trong quá trình đó, tuy du nhập nhiều tri thức khoa học, luật lệ, phương pháp tổ chức chính quyền và công nghệ từ phương Tây nhưng Nhật luôn thể hiện tính tự chủ, nhất là tính độc lập về văn hóa. Động cơ trực tiếp của Nitobe khi viết sách này là từ câu hỏi của một người Bỉ về giáo dục tôn giáo của Nhật, và mục đích của cuốn sách là cho người Tây phương hiểu rằng tuy Nhật không có giáo dục tôn giáo ở học đường, nhưng võ sĩ đạo của thời phong kiến đã hình thành cốt cán luân lý của người võ sĩ. Tuy nhiên qua ngòi bút của ông, ta cũng thấy được tinh thần dân tộc của một trí thức yêu nước, muốn chứng minh cho Tây phương biết rằng Nhật cũng có nền văn hóa độc đáo, có một giá trị tinh thần, một tư tưởng mà Nhật rất tự hào.

"Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản" đúng là một cuốn sách kinh điển về văn hóa Nhật. Tôi rất vui mừng thấy cuốn sách được dịch ra tiếng Việt. Hơn nữa, bản dịch được thực hiện bởi một người Việt sống ở Nhật hơn 40 năm và thấm nhuần văn hóa Nhật Bản. Dịch giả Lê Ngọc Thảo, cũng như trong những cuốn sách khác về văn hóa, văn học Nhật mà anh đã dịch, ngoài cố gắng chuyển chính

xác nội dung các trang sách sang tiếng Việt, còn bỏ công chú giải thêm để những độc giả chưa quen với lịch sử và văn hóa Nhật có thể hiểu sâu hơn.

Xin chúc mừng anh Lê Ngọc Thảo đã hoàn thành một công việc rất có ý nghĩa.

Tokyo, thu 2007

LỜI NGƯỜI DỊCH

Ngày xưa, Việt Nam chúng ta có phân chia các thành phần xã hội theo "sĩ nông công thương" nhưng không khắc nghiệt đến mức biến thành giai cấp.

Nhật Bản là nước chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, họ cũng có chỗ giống chúng ta, cũng có "sĩ nông công thương" và họ còn có một giai cấp khác ở trên là quý tộc. Sĩ nông công thương ở Nhật Bản là giai cấp, và từ cuối thế kỉ 16 đến thời Minh Trị Duy tân, thành viên các giai cấp theo chế độ cha truyền con nối, không ai được quyền thay đổi thân phận của mình (nông dân hoặc thương nhân dẫu là trí thức cũng không thể trở thành thành viên của giai cấp "sĩ").

Chữ "sĩ" ở Việt Nam thường được dùng để chỉ những người trí thức, cả văn lẫn võ, nhưng "sĩ" ở Nhật Bản có thể nói tất cả đều là những người xuất thân từ võ sĩ, họ là giai cấp trí thức đại diện cho quần chúng Nhật Bản. "Võ sĩ đạo" là qui phạm đạo đức của giai cấp "sĩ" này.

Xưa nay, Nhật Bản liên tục du nhập tinh hoa của văn hóa thế giới và liên tục biến những tinh hoa đó thành cái của riêng mình. Và đó là truyền thống của văn hóa Nhật Bản. Do đó, về bản chất những qui phạm của võ sĩ đạo tuy không có gì mới mẻ đối với những dân tộc Á Đông, nhưng qua cách vận dụng, những qui phạm này đã biến thành những cái gì đó có tính cách độc đáo, đậm đà bản sắc Nhật Bản.

"Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản" lần đầu tiên được xuất bản ở Philadelphia ("The Leeds and Biddle Company, Philadelphia" xuất bản) vào năm 1899. Tiến sĩ Nitobe Inazo[1] viết tác phẩm này với mục đích giới thiệu qui phạm đạo đức của Nhật Bản (của giai cấp "võ sĩ") đến những người Âu - Mỹ. Vì thế các tí dụ được tác giả đem ra để so

[1] Nitobe Inazo (1862-1933): Tiến sĩ nông nghiệp, tiến sĩ pháp chính học, tiến sĩ văn học, nhà văn hóa tầm cỡ của Nhật Bản ở cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20. Sinh ra ở Morioka (vùng đông bắc Nhật Bản) vào năm 1862, sau khi tốt nghiệp trường Nông học Sapporo, ông đi du học ở Mỹ và Đức. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như giáo sư Đại học Kyoto, hiệu trưởng trường Ikko (Đại học Tokyo ngày nay), Phó Tổng thư kí Hội Quốc Liên v.v. Ngoài "Võ sĩ đạo" ông còn có tác phẩm "Tu dưỡng" v.v. Ông mất năm 1933 ở Canada. (Hình ông hiện được in trên giấy bạc 5.000 Yên của Nhật Bản).

sánh với trường hợp của Nhật Bản phần lớn đều được lấy ra từ kho tàng triết học, văn học v.v. của Âu - Mỹ. Nguyên tác được viết bằng tiếng Anh với cách viết cô đọng, với văn hóa độc đáo của Nhật Bản, nhiều chỗ có cả tiếng La tinh nên rất khó hiểu. Để giải quyết những vấn đề này, ngoài bản gốc tiếng Anh đăng trên mạng, người dịch đã tham khảo bản dịch tiếng Nhật được xem là rất ưu tú của Yanai Haratadao (bản dịch năm 1938). Trong phần dịch thuật, các chú thích của ND (người dịch) được viết bằng chữ nghiêng, nhưng để tránh rườm rà, những chú thích dài hơn được viết ở dưới trang.

Người dịch xin chân thành cảm tạ các bạn trong "Nhóm Dịch thuật Văn học Nhật Bản" đã khổ công kiểm tra, chỉnh lý để bản dịch được hoàn hảo.

Lê Ngọc Thảo

Kuala Lumpur, tháng 6, năm 2007

LỜI NGƯỜI DỊCH

(*cho lần xuất bản năm 2011*)

Ngày 11 tháng 3 năm 2011 một trận động đất kinh hoàng 1.000 năm một thuở với cường độ 9 độ richter đã xảy ra ở ngoài khơi vùng biển đông bắc Nhật Bản, thuộc Thái Bình Dương. Đồ đạc văng gãy tứ tung, nhà cửa xiêu vẹo đổ nát. Nhiều người bị đè bẹp, những người may mắn còn sống sót chưa kịp hoàn hồn thì không đầy mười lăm phút sau sóng thần giăng trắng ngoài khơi từng đợt tràn vào, có nơi cao hơn bờ đê chắn sóng gần 20 mét. Xe ô tô ở bãi đậu bị đẩy trôi như đồ chơi trẻ nít. Nhà cửa răng rắc sụp đổ và những người không kịp thời chạy lên những vùng đất cao bị sóng lùa theo dòng nước. Người thoát nạn không kịp mang theo một món đồ gì ngoài manh áo dính thân. Họ lần lượt tụ về những nơi tị nạn ở những vùng đất cao. Bi kịch chưa từng thấy đã được tivi truyền chiếu trước mắt mọi người qua lăng kính của những người vừa thoát nạn.

Trước đó cũng từng có những trận động đất lớn ở Indonesia hay ở Tahiti. Màn ảnh tivi đã cho

thấy những cảnh hỗn loạn khi lánh nạn và hình ảnh cướp bóc vì đói khát.

Chắc mọi người trên thế giới đang theo dõi điều gì sẽ xảy ra ở Nhật sau trận động đất kinh hoàng này. Nhưng thật bất ngờ, sau cơn ác mộng, tuy nước mắt có rơi vì bị mất người thân, bị mất nhà cửa nhưng không có cảnh la gào thảm thiết, không có cảnh hỗn loạn xảy ra. Hình ảnh cướp bóc vì đói khát cũng không có. Một ngày sau đó, hiện trên tivi hình ảnh những người lánh nạn xếp thành hàng dài trước cửa hàng thực phẩm với số lượng hàng hóa ít ỏi còn sót lại, đợi đến lượt mình. Có người đến lượt mình thì hàng đã hết. Họ chỉ lắc đầu tủi cho số phận không may của mình. Chính phủ và các cơ quan từ thiện đã hành động nhanh chóng trong việc chi viện, nhưng không thể nào đáp ứng đầy đủ nhu cầu vì số người bị nạn quá đông. Những người không mua được thực phẩm chỉ được phát một nửa nắm cơm cho một bữa ăn. Những người nhận thức ăn cúi đầu cảm ơn, không thấy ai có lời phàn nàn. Tuy mọi người đều đói khát nhưng có thể thấy trong số người lánh nạn có người đã nhường phần ăn của mình cho trẻ nhỏ và người già yếu. Những hành động của người Nhật đã làm cho cả thế giới kinh ngạc. Điều gì đã tạo nên phẩm chất của người Nhật như thế này?

Không hề đơn giản để có một câu trả lời về hành động của người Nhật. Nhưng nếu bạn có dịp sống ở Nhật Bản có lẽ phần nào bạn có thể hiểu được đây là những hành động tất nhiên của người Nhật. Có thể nói sự trầm tĩnh đáng ngạc nhiên của người Nhật trước thiên tai là một truyền thống. Phải chăng đó là một biểu hiện của đức tính "dũng khí" trong võ sĩ đạo, một đức tính của các samurai xưa. Dũng khí được đề cao và được hiểu (ở trạng thái tĩnh) với nghĩa là lúc nào cũng tỉnh táo, không hốt hoảng sợ sệt khi ra chiến trận hay khi gặp thiên tai.

Bằng cách nào người Nhật có thể tiếp nối truyền thống của cha ông mình khi mà ngày nay từ mẫu giáo cho đến trung học phổ thông, không có môn học nào về thần đạo hay võ sĩ đạo cả. Những ý thức đạo đức ngàn xưa của nước Nhật mà đại biểu là những điều ta có thể thấy được trong giáo huấn hành vi của giai cấp võ sĩ vẫn còn ẩn hiện qua những bài học về xã hội ở học đường hoặc trong gia đình. Tỉ dụ như trẻ em được huấn luyện và được khuyến khích phải hành động hợp với lễ nghĩa (cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi gây hại hay đã làm phiền người khác, cảm thông đối với tình cảm người khác bằng hành vi giúp đỡ người yếu kém hơn mình v.v.). Những đức tính

khác như thành thật (trình báo đến nhà trường hay văn phòng cảnh sát khi nhặt được những vật bị đánh rơi v.v.), hoặc trọng danh dự trong cách hành xử v.v. (không được làm những việc có thể hạ phẩm cách của mình như chen lấn, hoặc không xếp hàng ở những nơi cần phải xếp hàng, v.v.) cũng luôn luôn được nhắc nhở. Mọi hành vi sẽ được những người xung quanh (hoặc ở học đường, hoặc trong gia đình .v.v.) kiểm chứng qua hành động cụ thể của mỗi cá nhân.

Người dịch xin được giới thiệu tới bạn đọc bản tác phẩm "Võ sĩ đạo - Linh hồn của Nhật Bản" của tác giả Nitobe Inazo với mong ước giúp bạn đọc có được một cái nhìn khái quát về ý thức đạo đức và cách hành xử của người Nhật ngày xưa (mà giai cấp "võ sĩ" là đại diện) và qua đó ít nhiều hiểu được ý thức đạo đức va hành động của người Nhật ngày nay.

Người dịch xin cảm ơn Công ty cổ phần truyền thông Quảng Văn và nhà xuất bản Thời đại đã có nhã ý giới thiệu bản dịch này đến bạn đọc Việt Nam.

Chiba ngày 23 tháng 3 năm 2011

Người dịch: Lê Ngọc Thảo

LỜI GIỚI THIỆU

(Bản tiếng Anh - 1905)

Thể theo yêu cầu của nhà xuất bản mà Tiến sĩ Nitobe đã dành cho một chút ít tự do trong việc biên soạn lời tựa, tôi hân hạnh được viết một vài lời giới thiệu bản "Võ sĩ đạo" mới này đến các độc giả Anh ngữ trên toàn thế giới. Thật ra, tôi đã quen biết với tác giả trên mười lăm năm, và ở một chừng mực nào đó, tôi có liên quan đến chủ đề của ông ít nhất cũng được khoảng bốn mươi lăm năm.

Chuyện vào năm 1860, ở Philadelphia (nơi tôi chứng kiến việc hạ thủy kì hạm Susquehanna của Đô đốc Perry vào năm 1847) lần đầu tiên tôi được thấy người Nhật và được gặp những người trong phái đoàn ngoại giao đến từ Edo. Tôi đã có ấn tượng hết sức mạnh mẽ về những người ngoại quốc này, nguyên tắc hành xử và lí tưởng của họ là võ sĩ đạo. Sau đó, trong khoảng thời gian ba năm ở đại học Rutgers, thuộc thành phố New Brunswick, bang New Jersey, tôi có dịp sinh sống cùng với những thanh niên đến từ Nhật Bản, tôi

đã dạy hoặc quen biết họ như bạn học. Chúng tôi thường nói chuyện với nhau về võ sĩ đạo và tôi đã tìm thấy võ sĩ đạo là đầu đề hết sức hấp dẫn. Trong sinh hoạt của những người mà trong tương lai sẽ là thống đốc, nhà ngoại giao, đô đốc, nhà giáo, hoặc giám đốc ngân hàng, có mùi hương thật dịu của loài hoa thơm nhất từ xứ sở Nhật Bản xa xôi. Đúng vậy, ngay trong giờ phút lâm chung của ít ra cũng trên một người trong số những người đã yên nghỉ trong những nấm mồ ở nghĩa địa Willow Grove, cũng có mùi hương này. Tôi không bao giờ quên một samurai trẻ, tên là Kusakabe, khi được mời đến chỗ có nghi thức tế lễ cao quí nhất, với hi vọng to lớn nhất, trong lúc hấp hối đã trả lời rằng "Dẫu tôi có biết đến Chúa Jesus của anh, tôi không thể chỉ dâng cho ngài cặn bã của đời tôi". Vâng, tôi cảm thấy hoàn toàn đồng ý với những gì mà bạn tôi, Charles Dudley Warner đã viết trước đó trong bài "Biện bác giấu diếm của nhà truyền giáo" khi chúng tôi thảo luận về đạo đức và lí tưởng, hoặc trong những lúc nói đùa vui vẻ ở bàn ăn khi so sánh sự vật của Nhật và Mỹ, hoặc trong lúc chơi thể thao, hay "trên bờ đê của con sông cũ Raritan". Ở một vài điểm, qui phạm về đạo đức và lễ nghĩa tuy có khác nhau, nhưng đó chỉ là khác biệt ở điểm hay ở tiếp tuyến, chớ không phải là khác biệt kiểu

nhật thực hay nguyệt thực. Một nhà thơ của họ đã viết - có lẽ cả ngàn năm trước - khi đi ngang qua hồ nước, áo của nhà thơ đã chạm vào một cành hoa làm giọt sương đọng trên đó nhỏ giọt lóng lánh trên tay áo gấm, "vì hương thơm của nó, tôi sẽ không phủi giọt sương trên tay áo". Thật ra, tôi vui mừng như ếch được ra khỏi đáy giếng, cái giếng chỉ khác với nấm mồ về chiều dài. Vì, so sánh không phải là sinh mệnh của kiến thức và học vấn hay sao? Trong nghiên cứu về ngôn ngữ, đạo đức, tôn giáo, phép tắc lễ nghi, thì đúng là "kẻ chỉ biết một là kẻ không biết gì cả".

Tôi được đến Nhật Bản vào năm 1870 với tư cách một nhà giáo khai sáng, nhằm giới thiệu phương pháp và tinh thần của hệ thống giáo dục công cộng của nước Mỹ, nhưng tôi hết sức vui mừng vì được rời khỏi thủ phủ để đến Fukui, một tỉnh trong vùng Echizen (*vùng đất ở khoảng giữa đảo Honshu, sát liền với biển Nhật Bản, ND*), được tận mắt nhìn thấy chế độ phong kiến nguyên chất đang vận hành. Tôi đã quan sát võ sĩ đạo không phải như một sự việc ngoại lai mà ở chính vùng đất sản sinh ra nó. Trong đời sống hằng ngày, qua cha-no-yu (*nghệ thuật uống trà, ND*), ju-jutsu (*nhu thuật, ND*), hara-kiri (*mổ bụng, ND*), qua cách phủ phục lễ phép sát chiếu hay gập mình thật sâu ở



ngoài đường, qua phép tắc về đao kiếm và đi đứng, tất cả những cách chào hỏi ung dung và cách thức ăn nói trịnh trọng, những qui phạm về nghệ thuật và cư xử, cùng với việc xả thân của người vợ, của tôi tớ, và của con trẻ, tôi hiểu ra rằng võ sĩ đạo đã thành tín điều phổ biến và tập quán cư xử hằng ngày của tất cả giai cấp thượng lưu sống trong thành thị và ở địa phương. Đó là trường học sống động của tư tưởng và sinh hoạt, ở đó thiếu niên, thiếu nữ đều được huấn luyện như nhau. Tôi đã nhìn bằng con mắt của mình những gì mà Tiến sĩ Nitobe đã thừa hưởng như một di sản, đã hít vào mũi mình và viết về nó một cách tao nhã và mạnh mẽ, với sự am hiểu sâu xa, với cái nhìn rộng rãi, thấu đáo. Chế độ phong kiến của Nhật Bản "đã biến mất ra ngoài tầm nhìn" của người biện hộ tin ở nó nhất và có năng lực giải thích về nó nhất. Đối với ông ấy, đó là mùi hương phảng phất. Đối với tôi đó là "cây và là hoa của ánh sáng".

Nhờ tôi đã sống dưới chế độ phong kiến, mẹ đẻ của võ sĩ đạo, và chứng kiến cái chết của nó, cho nên tôi có thể trở thành nhân chứng nói rằng tất cả những điều mà Tiến sĩ Nitobe miêu tả, nay vẫn là sự thật về bản chất và những phân tích và tổng quát hóa của ông là trung thực. Với ngọn bút tài

tinh của mình, ông đã tái hiện màu sắc của bức tranh phản ánh lộng lẫy văn học Nhật Bản trong một ngàn năm. Võ sĩ đạo đã tiến hóa và trưởng thành trong thời gian một ngàn năm, và tác giả đã ghi lại một cách đáng yêu những tinh hoa trang điểm con đường mà hàng triệu đồng bào cao quí của ông ta đã dẫm lên.

Nghiên cứu phê phán chỉ khiến cảm giác của chính tôi về năng lực và giá trị của võ sĩ đạo đối với quốc dân Nhật Bản sâu xa hơn. Ai muốn hiểu Nhật Bản của thế kỉ hai mươi thì cần phải biết cái rễ của nó trong mảnh đất quá khứ. Bây giờ không chỉ người ngoại quốc mà ngay chính người Nhật hiện nay cũng không thể thấy, nhưng nhà nghiên cứu sẽ hiểu được kết quả của ngày hôm nay từ sức mạnh được tích tụ trong những thời đại đã qua. Nhật Bản ngày nay đào lấy động lực cho chiến tranh và hòa bình của mình từ những lớp đất do ánh sáng mặt trời xa xưa tạo nên. Tất cả những cảm giác về tinh thần của những người được võ sĩ đạo nuôi dưỡng vẫn bén nhạy. Cục kết tinh đã tan mềm trong tách, nhưng hương thơm ngọt ngào vẫn tiếp tục làm vui lòng người. Nói ngắn gọn, võ sĩ đạo đã tuân theo điều luật cao hơn do Người mà chính người giải thích của nó đã cung kính và nhìn nhận là Chúa phát biểu - "Một hạt lúa mạch



rơi xuống đất, nếu không chết thì cứ nằm ở đó một mình; nhưng nếu chết thì hãy sinh thêm nhiều hạt".

Tiến sĩ Nitobe đã lí tưởng hóa võ sĩ đạo ư? Tốt hơn là chúng ta nên hỏi, nếu không làm như vậy ông có chịu được không? Ông gọi mình là "bị cáo". Ở bất cứ giáo lí, tín điều, và hệ thống nào, thí dụ và giảng giải sẽ thay đổi cùng với sự bành trướng của lí tưởng. Sự điều hòa được tích tụ dần và từ từ đạt được. Đó là một nguyên tắc. Võ sĩ đạo không bao giờ tới được mục tiêu cuối cùng. Võ sĩ đạo đã quá sôi nổi, và cuối cùng nó đã chết nhưng chết trong vẻ đẹp và sức mạnh. Xung đột giữa chuyển động của thế giới và chế độ phong kiến của Nhật Bản - cái tên mà chúng tôi dành cho những sự kiện và những ảnh hưởng dồn dập sau khi Perry và Harris đến Nhật - đã không làm cho võ sĩ đạo biến thành một xác ướp, mà vẫn là một linh hồn còn sống. Võ sĩ đạo đúng thật là tinh thần đầy sức sống của nhân loại. Thế rồi cái nhỏ sẽ được cái lớn ban phước. Theo những tiền lệ cao quí của mình, Nhật Bản đã tiếp nhận và sau đó đã đồng hóa những điều tốt nhất mà thế giới cung hiến mà không làm mất cái tốt nhất trong lịch sử và văn minh của mình. Nhờ đó Nhật Bản đã thành nước duy nhất có cơ hội ban phước cho châu Á và nhân loại và

Nhật Bản đã đường đường nắm bắt cơ hội này - "phạm vi càng rộng, càng mạnh hơn". Ngày nay, Nhật Bản không chỉ đem hoa lá, tranh ảnh, và những vật đẹp đẽ khác của mình làm cho vườn hoa, hoặc nghệ thuật, hoặc nhà cửa của chúng ta có được những "trò tiêu khiển trong chốc lát hay là thắng lợi vĩnh viễn", mà Nhật Bản còn đến với chúng ta với hai tay đầy những tặng vật của khoa học tự nhiên, của vệ sinh công cộng, hay những bài học về hòa bình và chiến tranh.

Luận giải của tác giả trong quyển sách này không phải chỉ là lời biện hộ hay khuyên bảo dành cho bị cáo, mà tác giả còn có khả năng chỉ bảo chúng ta với tư cách là người dự ngôn, là gia chủ khôn ngoan biết nhiều việc mới và cũ. Không ai ở Nhật Bản có thể bằng tác giả trong việc kết hợp nhịp nhàng những giáo huấn và thực hành của võ sĩ đạo với cuộc sống và sinh hoạt, với lao động và công việc, với sự khéo léo của đôi tay và ngòi bút, với canh tác đất đai và khai hóa linh hồn. Là người lớn lên và thành danh trong Nhật Bản cũ, tiến sĩ Nitobe đích thực là một người đã tạo ra Nhật Bản mới. Ở Đài Loan, vùng đất mới của Nhật Bản, cũng như ở Kyoto, tiến sĩ được biết như là một học giả, một người thực hành, tinh thông khoa học tối tân và học thức tối cổ.



Quyển sách mỏng về võ sĩ đạo này không chỉ là một thông điệp quan trọng đến những quốc dân thuộc hệ Anglo - Saxon. Đây còn là một cống hiến đáng chú ý đối với việc giải quyết vấn đề lớn nhất của thế kỉ này - sự hòa hợp và thuần nhất giữa Đông và Tây. Xưa nay có nhiều nền văn minh: trong một thế giới tốt đẹp hơn sắp tới, chỉ nên có một nền văn minh. Danh từ Đông phương và Tây phương, cùng với ý nghĩa đầy ngu dốt và vô lễ đối với nhau, dần dần trở thành những cái của quá khứ. Nhật Bản giờ đây đã dần dần có tác động như một thế lực không thể cưỡng được, một vế trung gian đủ tài năng điều hòa giữa trí tuệ và chủ nghĩa tập đoàn của Á châu, giữa sức mạnh và chủ nghĩa cá nhân của Âu - Mỹ.

Tinh thông học vấn cổ kim, có tri thức sâu rộng về văn học thế giới, tiến sĩ Nitobe chứng tỏ mình thích hợp tuyệt diệu với việc làm này. Ông đích thực là người giảng giải và là người hòa giải. Ông không cần và lại ông cũng không biện giải thái độ của mình đối với Chúa, người mà ông đã trung thành đi theo từ lâu. Học giả quen thuộc với con đường của Thánh Linh, với lịch sử của nhân loại được người Bạn Tuyệt Đối của con người dẫn dắt, sẽ phải phân biệt đâu là lời dạy của đấng Sáng Lập và những kinh điển chính gốc, với đâu là

những thêu dệt thêm bớt của giáo hội, của dân tộc, hoặc để hợp lí hóa. Giáo lí cho rằng mỗi dân tộc đều có "Cựu ước", theo ám chỉ trong lời tựa của tác giả, là lời dạy của Chúa người đã đến không phải để phá hoại mà là để thi hành trọn vẹn giáo lí này. Ngay ở Nhật Bản, nếu đạo Cơ đốc tháo gỡ hình dáng và bao bì ngoại quốc của mình, từ bỏ việc mình là tác phẩm dị quốc thì chắc chắn sẽ bám rễ sâu xuống lòng đất nơi võ sĩ đạo đã trưởng thành. Cởi bỏ những thứ như dây thắt lưng và quân phục ngoại quốc, giáo hội Cơ đốc chắc chắn sẽ thành không khí, biến thành cái của bản xứ.

William Elliot Griffis

Ithaca, tháng 5 năm 1905

Chương I

VÕ SĨ ĐẠO, MỘT HỆ THỐNG ĐẠO ĐỨC

Võ sĩ đạo là loài hoa cố hữu của đất nước chúng tôi, giống như hoa anh đào là biểu trưng của Nhật Bản. Hoa này cũng không phải là vật mẫu khô cằn của đạo đức cổ xưa, được giữ trong bảo tàng cây cỏ khô của lịch sử. Hiện tại, võ sĩ đạo vẫn là đối tượng sống động của sức mạnh và vẻ đẹp trong lòng chúng tôi. Và tuy không hiển hiện thành hình thành dạng, võ sĩ đạo vẫn toả hương trong không gian đạo đức và ngày nay vẫn tiếp tục cảm hóa sâu đậm chúng tôi. Môi trường xã hội sinh đẻ và nuôi dưỡng nó đã tiêu mất từ lâu. Nhưng giống như những ngôi sao xa xôi ngàn xưa mà nay tuy không còn thấy nữa, vẫn tiếp tục chiếu sáng trên đầu chúng ta; ánh sáng của võ sĩ đạo, đứa con của chế độ phong kiến, đã vượt qua thời đại để còn tiếp tục soi sáng con đường đạo đức cho chúng tôi. Thật thú vị cho tôi được khảo cứu vấn đề này bằng tiếng mẹ đẻ của Burke (*chính trị gia kiêm nhà văn của*

Anh quốc 1729-1797, ND), người trước đây đã có lời ai điếu cảm động nổi tiếng, khi kị sĩ đạo, mô hình võ sĩ đạo ở châu Âu, bị chôn xuống huyệt trong lãnh đạm của người đời.

Buồn thay, khi một học giả bác học như Tiến sĩ George Miller vì thiếu kiến thức liên quan đến Viễn đông, đã không ngần ngại khẳng định rằng "Kị sĩ đạo, hoặc một chế độ giống như thế, không hề có ở những dân tộc cổ đại và cũng không có ở Á đông hiện đại". (Trong "History Philosophically Illustrated", 3rd ed. 1853, Vol.II.p2) Tuy nhiên sự dốt nát này có thể tha thứ được vì tác phẩm của Tiến sĩ tốt lành này đã được in lần thứ ba vào năm Đô đốc Perry[1] gõ cửa quốc gia bế quan tỏa cảng của chúng tôi. Mười mấy năm sau, Karl Marx bằng cách viết trong "Tư bản luận", đã kêu gọi độc giả chú ý đến ý nghĩa đặc biệt của chế độ phong kiến hiện chỉ còn sống sót ở Nhật Bản trong việc nghiên cứu những định chế chính trị và xã hội của chế độ phong kiến khi chế độ phong kiến của chúng tôi sắp cáo chung. Cũng giống như thế, tôi muốn khuyến khích những nhà nghiên cứu lịch sử và

[1] Mathew Calbraith Perry: Đô đốc Perry đã dẫn hạm đội Đông Ấn của Mỹ đến Nhật vào năm 1853, đưa thơ của Tổng thống Mỹ yêu cầu Mạc phủ Nhật Bản mở cảng biển thông thương.

luân lý Tây phương hãy nghiên cứu võ sĩ đạo ở Nhật Bản hiện nay.

Nghiên cứu lịch sử nhằm so sánh chế độ phong kiến giữa Âu châu và Nhật Bản, so sánh kị sĩ đạo với võ sĩ đạo, đúng là một đề tài hấp dẫn, nhưng bài viết này không có mục đích đi sâu vào vấn đề này. Điều tôi muốn nói ở đây thứ nhất là gốc và nguồn của võ sĩ đạo; thứ hai là đặc tính và giáo dục của nó; thứ ba là sự cảm hóa của võ sĩ đạo đối với mọi người; thứ tư là ảnh hưởng liên tục và lâu dài của nó. Điều thứ nhất sẽ được trình bày một cách ngắn gọn, nếu không thì độc giả sẽ bị dẫn vào ngõ hẹp quanh co trong lịch sử Nhật Bản. Điều thứ hai sẽ được nêu rõ hơn về cách suy nghĩ và cách hành động của chúng tôi, đây là điều mà các nhà nghiên cứu luân lý và phong tục quốc tế quan tâm vào bậc nhất. Phần còn lại sẽ được trình bày tùy theo mức độ cần thiết.

Chữ võ sĩ đạo trong tiếng Nhật mà tôi đã tạm dịch là Chivalry, về ngữ nguyên, có nhiều hàm ý hơn chữ Horsemanship (*thuật cưỡi ngựa, tinh thần thượng mã, ND*). Võ sĩ đạo có nghĩa đen là đạo (con đường) của võ sĩ, đạo mà võ sĩ cần phải giữ trong đời sống hằng ngày cũng như trong khi thi hành chức vụ. Nói một cách khác, đó là nguyên tắc của võ sĩ, là nghĩa vụ của giai cấp võ sĩ. Vì có ý

nghĩa như thế nên tôi muốn được phép dùng nguyên ngữ "võ sĩ đạo" ở đây. Dùng nguyên ngữ còn có một lí do tiện lợi khác. Vì đây là một giáo huấn độc đáo khác thường, nó đã tạo ra nhân cách và lối suy nghĩ hết sức đặc biệt, lại có tính địa phương rất mạnh, nên cần phải đưa tính đặc dị của nó ra phía trước. Kế đó, về ngôn ngữ, vì đây là tiếng nói mang nặng đặc thù dân tộc tính nên một dịch giả thật giỏi đi nữa cũng khó tìm ra được một dịch ngữ tương ứng. Vì thế không nên tìm kiếm một dịch ngữ không tương ứng để rồi mãi không bằng lòng. Tiếng Đức, chữ "Gemuth" có ai dịch thật đúng được không? Có ai không cảm thấy có sự khác biệt giữa chữ Gentleman trong tiếng Anh và chữ gentilhomme trong tiếng Pháp?

Như đã nói ở phần trước, võ sĩ đạo là qui phạm đạo đức của võ sĩ, võ sĩ được chỉ dạy và bị đòi hỏi phải tuân thủ. Nhưng đây không phải là qui phạm thành văn. Có đi chăng nữa, nó cũng chỉ gồm có một vài cách ngôn được truyền miệng hoặc được truyền lại từ ngòi bút của một vài võ sĩ hoặc một vài học giả nổi tiếng. Phần lớn đó là qui phạm không lời và bất thành văn, nó là luật pháp được khắc trong con tim của võ sĩ, chính vì thế cho nên càng thực hành, nó càng có hiệu lực mạnh mẽ. Nó không phải là tư tưởng được sáng tạo bằng một cái

đầu ưu tú, cũng không phải là thứ được tạo ra dựa theo cuộc đời của một nhân vật nổi tiếng nào đó. Nó từ từ phát triển và được hình thành dần trong cuộc sống của võ sĩ qua hàng chục, hàng trăm năm. Địa vị của võ sĩ đạo trong lịch sử đạo đức có lẽ cũng giống như địa vị của hiến pháp Anh quốc trong lịch sử chính trị. Nhưng võ sĩ đạo không có gì để so sánh với Magna Charta[2] (*Đại hiến chương, ND*) hay với Habeas Corpus Act[3] (*Sắc lệnh bảo hộ thân người, ND*). Thật ra, luật nhà võ (Buke Hatto) (*năm 1615, ND*) được công bố vào đầu thế kỉ thứ 17. Luật này có 13 điều, chủ yếu qui định những việc liên quan đến sách lược hôn nhân, thành trì, liên minh v.v. và những qui chế đạo đức tuy cũng được nói đến nhưng rất sơ sài. Vì thế chúng tôi không thể chỉ ra rõ được là ở đâu và vào lúc nào, để có thể nói rằng "đây là nguồn gốc của nó". Bắt đầu được ý thức trong thời đại phong kiến, cho nên về thời gian, có thể nói võ sĩ đạo đã phát sinh cùng lúc với chế độ phong kiến. Nhưng

[2] Magna Charta (Đại hiến chương): được công bố vào năm 1215 ở Anh Quốc, buộc nhà vua phải hủy bỏ một số quyền hạn và phải tôn trọng thủ tục pháp luật. Bản hiến chương này là bước đầu dẫn đến việc thành lập hiến pháp về sau

[3] Habeas Corpus Act (Sắc lệnh bảo hộ thân người): Sắc lệnh cấm việc bắt bớ, bỏ tù trái phép.

chế độ phong kiến là chế độ được đan bằng nhiều đường chỉ (*quan hệ, ND*) dọc ngang, và giống như thế, võ sĩ đạo cũng chia sẻ tính chất phức tạp đó. Chế độ phong kiến ở Anh quốc được cho là đã nẩy nở trong thời đại bị Normandie[4] chinh phục. Ở Nhật Bản có thể nói rằng chế độ này được sinh ra khi Yoritomo (1147-99) giành được bá quyền, tức khoảng cuối thế kỷ 12. Tuy nhiên, cũng giống như những yếu tố xã hội của chế độ phong kiến ở Anh quốc đã có từ xưa, trước khi bị vua William chinh phục, ở Nhật Bản, mầm mống của chế độ phong kiến cũng đã có trước thời kỳ nói trên khá lâu.

Ở Nhật Bản cũng như ở châu Âu, khi chế độ phong kiến được chính thức thành lập, giai cấp võ sĩ chuyên nghiệp tự nhiên trở thành có thế lực. Họ được biết với cái tên "samurai", chữ này giống như chữ cniht (knecht, knight) trong tiếng Anh xưa, có nghĩa là vệ sĩ hay người tuỳ tùng, có tính chất giống như soldurii được Caesar[5] nói là có ở địa

---

[4] Vào thế kỉ thứ 11, Hầu tước William xứ Normandie (miền bắc nước Pháp) đã chinh phục Anh quốc, lập ra vương triều Norman. Chế độ phong kiến của Anh quốc bắt đầu từ đó

[5] Ceasar (102 trước CN-44 trước CN): Quân nhân, chính trị gia lỗi lạc của La Mã. Ceasar là nhà độc tài đã chuyển Cộng hoà La Mã sang thành Đế quốc La Mã.

phương Aquitania, hoặc giống như comitati mà theo Tacitus là bộ hạ của tù trưởng người German vào thời ông ta; hay, để đối chiếu với nhân vật ở đời sau, có thể gọi họ là milites midii thấy trong lịch sử trung cổ ở châu Âu. Tiếng Hán - Nhật "buke" (võ gia) hay "bushi" (võ sĩ) cũng thường được dùng để chỉ những người này. Họ là giai cấp có đặc quyền, bản chất là những người thô bạo, lấy chiến đấu làm nghề nghiệp của mình. Giai cấp này bao gồm những người được gạn ra một cách tự nhiên từ những người táo bạo, can đảm nhất trong một thời kỳ lâu dài luôn có chiến tranh, trong thời gian đó quá trình gạn lọc diễn tiến, kẻ yếu đuối, hèn nhát bị loại bỏ, chỉ có những "kẻ thô bạo, đầy nam tính, có sức mạnh như dã thú" theo như lời của Emerson (*nhà văn, nhà thơ người Mỹ 1803-82, ND*), còn sống sót đã tạo ra những dòng họ và giai cấp "samurai". Những người này với tư cách giai cấp samurai có đặc quyền và danh dự lớn lao, tự giác với trách nhiệm của mình. Họ cảm thấy sự cần thiết phải có một tiêu chuẩn hành động chung, nhất là đối với kẻ có lập trường luôn phải chiến đấu, và lại là thành viên của những dòng họ khác nhau. Giống như y sĩ, dùng đạo đức nghề nghiệp để hạn chế cạnh tranh, hoặc như luật sư, phải ra trước hội đồng thẩm vấn trong trường hợp vi phạm điều lệ của hội; võ sĩ cũng thế, họ cũng cần

phải có những qui ước để kiềm chế nghiêm khắc những hành động phản đạo đức.

Tỉ dụ như cách nói "đường đường đánh nhau" có dấu hiệu đạo đức hết sức phong phú nằm trong cách diễn tả sơ khai có vẻ man rợ và trẻ nít đó. Phải chăng đây là đạo đức căn bản cho cả văn lẫn võ. Chúng ta cười những ước mơ có vẻ trẻ nít của cậu bé người Anh tên Tom Brown[6], rằng cậu ta muốn "để lại cho đời sau tên mình như là một người không bao giờ ăn hiếp trẻ nhỏ, hoặc không bao giờ quay mặt đi khi gặp kẻ mạnh" (tưởng chừng như là ta đã qua rồi cái tuổi có những ước mơ đó). Thế nhưng, phải chăng ước mơ này chính là nền móng để cho những kiến trúc đạo đức vĩ đại có thể được dựng lên trên đó? Nói rộng hơn, những tôn giáo ôn hòa, yêu hoà bình nhất, chắc sẽ tán thành ước mơ của cậu bé này. Mơ ước của Tom là nền tảng trên đó Anh quốc vĩ đại được xây dựng lên, và không cần phải mất thì giờ để khám phá ra rằng võ sĩ đạo cũng đứng trên một nền tảng không thua kém gì. Những tín đồ Quaker[7] cho rằng chiến đấu

[6] Tom Brown: Nhân vật chính trong tiểu thuyết "Tom Brown chơi bóng bầu dục ở học đường" của nhà văn Thomas Hughes.

[7] Quaker: Tổ chức tôn giáo được thành lập ở Anh vào thế kỉ thứ 17, có chủ trương ôn hòa và chân thật.

thì dẫu là tấn công hay là phòng thủ đều là xấu xa và tàn bạo, thế nhưng chúng ta vẫn có thể nói giống như Lessing (*nhà văn, triết học gia người Đức 1729-91, ND*) rằng "chúng ta biết rằng khuyết điểm dẫu có lớn lao nhưng đức hạnh của chúng ta đã nảy mầm từ đó". Đối với những người thật thà, lành mạnh, từ "nham hiểm" và "nhút nhát" là những tiếng có tính sỉ nhục nhất. Cuộc sống thời ấu thơ bắt đầu với những khái niệm như thế đó. Võ sĩ cũng giống như thế. Tuy nhiên, khi sinh hoạt trở thành rộng lớn hơn, quan hệ với xã hội nhiều ra, người ta sẽ tìm sự thừa nhận từ quyền uy cao hơn và tìm đến những nguồn gốc hợp lý hơn để chứng minh cho lòng tin lúc thiếu thời, để thỏa mãn và phát triển hơn nữa. Nếu mục đích chỉ nhắm vào những lợi hại quân sự mà không có một qui chuẩn đạo đức cao hơn làm nền tảng thì lí tưởng của võ sĩ chắc đã rơi vào một chỗ nào đó xa xôi đối với võ sĩ đạo. Ở châu Âu, đạo Cơ Đốc đã diễn giải một cách nhân nhượng có lợi cho kị sĩ đạo. Tuy nhiên đạo Cơ Đốc đã đưa được những yếu tố tâm linh vào kị sĩ đạo. Liên quan đến việc này, nhà thơ Lamartine (*người Pháp 1790-1869, ND*) đã nói "Tôn giáo cùng chiến tranh và danh dự là ba linh hồn của một kị - sĩ - cơ - đốc hoàn hảo". Ở Nhật Bản, cũng có một số yếu tố là nguồn gốc của Võ sĩ đạo.

Chương II

NGUỒN GỐC CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Trước hết tôi xin bắt đầu với Phật giáo. Phật giáo trang bị cho võ sĩ đạo một thái độ yên lặng, phó thác mọi việc cho vận mệnh, đó là sự điềm nhiên có tính cách stoic[1] (*khắc kỉ, ND*) khi đối mặt với nguy hiểm hoặc tai ương, sự coi thường cái sống làm thân với cái chết, sự bình tĩnh phục tùng số mệnh không thể tránh được. Một kiếm khách lỗi lạc (*Yagyu Tajima-no-kami, ND*) khi biết môn đệ của mình (*Tokugawa Iemitsu, tướng quân đời thứ 3 (1604-51, khi còn trẻ, ND*)), đã đạt đến chỗ tinh thông nghệ thuật kiếm đạo, đã nói rằng "Ta không còn gì để dạy cho ngươi nữa, từ nay ngươi nên học ở thiền". Thiền là chữ dịch từ tiếng Phạn Dhyâna, có nghĩa là "nỗ lực của con người qua trầm tư mặc tưởng, tự mình đạt đến lãnh vực tư

[1] Stoic: Chỉ thái độ xử thế có tính cách cấm dục, khắc kỉ. Môn phái triết hoc Stoa của Hy Lạp chủ trương về mặt đạo đức mọi người phải tuân thủ nghĩa vụ một cách nghiêm khắc (với thái độ khắc kỉ, cấm dục).

tưởng vượt qua phạm vi có thể diễn tả bằng lời nói" (theo Lafcadio Hearn 1850-1904, Exotics and Retrospectives, p.84). Phương pháp của thiền là trầm tư mặc tưởng, và theo chỗ tôi hiểu, mục đích của thiền là xác nhận nguyên lý hiện hữu dưới đáy của tất cả mọi hiện tượng, và nếu có thể, tìm cái tuyệt đối và tự điều chỉnh mình cho hợp với cái tuyệt đối đó. Theo định nghĩa này, lời dạy của thiền không còn là giáo nghĩa riêng của một giáo phái nào nữa, bất cứ ai nếu nhận thức được những điều tuyệt đối thì có thể giải thoát mình ra khỏi những hiện tượng có tính phàm tục và tìm ra một thế giới mới cho mình.

Thần đạo phong phú lấp đầy những chỗ mà Phật giáo không cung cấp được cho võ sĩ đạo. Tỉ dụ như trung với chua quân (*vương hầu mà mình phụng sự, ND*), tôn kính tổ tiên, hiếu thảo với cha mẹ, là những điều không có trong giáo lí của bất kì tôn giáo nào, nhưng được ghi trong giáo lí Thần đạo, dạy võ sĩ tính phục tùng, đồng thời kiềm chế tính kiêu ngạo của họ. Trong giáo lí của Thần đạo không co quan niệm "nguyên tội"[2] (của Cơ đốc giáo). Ngược lại, Thần đạo tin con người có tính

[2] Nguyên tội: Theo "Sang thế ký" của "Cựu ước thánh kinh", đây là tội do tổ tiên của nhân loại là Adam phạm

tốt thiên bẩm, xem linh hồn của con người tinh khiết giống như thần thánh, và dạy phải sùng bái đình thờ thần, nơi nghe những lời thần báo. Người nào đến đình của Thần đạo sẽ thấy ở đó có rất ít đối tượng hoặc đồ vật để cúng bái, chỉ có một tấm gương đơn sơ, là trang trí chủ yếu treo ở trong phòng. Lí do vì sao có tấm gương có thể được giải thích một cách dễ dàng. Tấm gương tiêu biểu lòng người, khi hoàn toàn trầm lặng, trong sáng, lòng người sẽ phản chiếu hình dáng thật sự của thần linh. Vì thế, khi một người nào đó đứng lễ bái trước điện, người đó sẽ thấy được hình dáng của chính mình chiếu trong mặt lấp lánh của tấm gương. Hành vi lễ bái như thế đó có nghĩa là "hãy tự mình biết mình" giống với lời thần báo[3] trong điện Delphi cổ Hy Lạp. Trong tôn giáo Hy Lạp cũng như trong Thần đạo Nhật Bản, việc biết mình không ám chỉ tri thức về thân thể con người, cũng không phải là những việc có liên quan đến

---

phải vì không tuân theo lệnh của thượng đế là không được ăn trái cấm. Nhân loại tất cả đều là con cháu của Adam nên khi được sinh ra ai cũng mang "nguyên tội", cái tội của tổ tông.

[3] Lời thần báo: Thời cổ Hy Lạp, thần điện Delphi được xem là trung tâm của vũ trụ. Ai muốn nghe lời thần báo, đến điện Delphi viết câu hỏi đưa cho nữ tu sĩ, thì sẽ được nữ tu sĩ cho biết lời thần báo.

giải phẫu học hay tâm lí học mà tri thức ở đây là cái có liên quan đến đạo đức, có nghĩa là sự phản tỉnh có tính chất đạo đức của chúng ta. Mommsen (*sử học gia người Đức 1817-90, ND*) khi so sánh người Hy Lạp và người La Mã đã nói "khi khấn vái, người Hy Lạp đưa mắt nhìn trời vì lời cầu nguyện của họ là những suy tưởng, trong khi đó người La Mã gục đầu trầm tư vì lời cầu nguyện của họ là những lời phản tỉnh". Quan niệm tôn giáo của người Nhật về bản chất giống người La Mã, nhưng sự phản tỉnh của chúng tôi nghiêng về ý thức quốc dân hơn là ý thức đạo đức cá nhân. Sự sùng bái thiên nhiên trong Thần đạo khiến chúng tôi yêu quí đất nước. Sự sùng bái tổ tiên, truy tìm dòng dõi của mình, đã đưa đến việc xem hoàng gia là nguồn gốc chung của toàn quốc dân. Đối với chúng tôi, đất Nhật không phải chỉ là một mảnh đất cho chúng tôi đào xới ra vàng bạc hay gặt hái lúa gạo, nhưng đây là mảnh đất thiêng liêng nơi đó có thần linh là linh hồn của tổ tiên chúng tôi cư ngụ. Đối với chúng tôi, thiên hoàng không đơn thuần chỉ là người đứng đầu cơ quan trị an của quốc gia pháp trị, hay chỉ là người bảo hộ một quốc gia văn hóa. Thiên hoàng là người đại diện bằng xương bằng thịt của thượng đế trên trái đất này, là người có trong mình cả lòng nhân

ái lẫn quyền lực. Nếu điều mà ông Boutmy (*khoa học gia về chính trị người Anh, 1835-1906, trong The English people, p.188*) nói rằng hoàng gia Anh quốc "không chỉ là đại diện của quyền uy mà còn là hình ảnh tạo lập và là tượng trưng cho sự thống nhất quốc gia" là sự thật như tôi tin, thì điều đó cần phải được nhấn mạnh hai hoặc ba lần hơn, đối với hoàng gia Nhật Bản.

Trong đời sống tình cảm của dân tộc chúng tôi, Thần đạo dạy chúng tôi hai đặc tính nổi bật. Đó là ái quốc và trung quân. Arthur May Knapp (*nhà nghiên cứu tôn giáo người Mỹ 1841-1921, ND*) nói một cách thành thật rằng "trong văn học Hebrew[4], thường khó biết tác giả đang nói về chuyện gì, chuyện về thượng đế hay là về quốc gia, chuyện về thiên đường hay là về Jerusalem, chuyện về đức cứu thế hay là về toàn thể quốc dân?" (*trong Feudal and modern Japan, vol.i, p.183*). Cách dùng chữ trong tôn giáo dân tộc của chúng tôi cũng có những lộn xộn tương tự. Tôi nói lộn xộn là vì những lời nói đó hết sức mơ hồ đối với một đầu óc luận lí. Thế nhưng, vì tín ngưỡng dân tộc này giới hạn trong bản năng quốc dân và

[4] Hebrew: Danh từ Hebrew được dùng để chỉ dân tộc Israel.

tình cảm dân tộc, nên không bao giờ đòi hỏi một nền triết học có hệ thống hay một nền thần học có tính hợp lí. Tôn giáo này, nói đúng hơn, tình cảm dân tộc mà tôn giáo này biểu hiện, đã nhuộm màu võ sĩ đạo bằng quan niệm trung quân, ái quốc. Những quan niệm này có tác dụng như những kích thích về tình cảm hơn là như những giáo lí. Khác với nhà thờ Cơ đốc thời trung cổ, Thần đạo hầu như không có những qui định chặt chẽ về tín ngưỡng cho những người mộ đạo, mà chỉ có tiêu chuẩn về những hành vi có hình thức thẳng thắn đơn thuần.

Liên quan đến những giáo lí đạo đức có ý nghĩa nghiêm chỉnh thì giáo huấn của Khổng Tử (*551-479 trước CN, ND*) là nguồn phong phú nhất của võ sĩ đạo. Khổng tử giảng ngũ luân, tức là những quan hệ giữa quân thần, phụ tử, phu phụ, trưởng ấu và bằng hữu. Bản năng dân tộc cũng đã biết được những quan hệ này trước khi kinh điển được du nhập từ Trung Quốc. Giáo huấn của Khổng Tử như để xác nhận lại những điều này. Những lời dạy về đạo đức chính trị của Khổng Tử như trầm tĩnh, khoan dung, thêm vào đó sự khôn ngoan trong việc xử thế, rất thích hợp với giai cấp thống trị samurai. Những lời nói có tính cách tao nhã, bảo thủ của Khổng Tử thích ứng với những



đoi hỏi của những chính trị gia võ sĩ này. Sau Khổng Tử, có Mạnh Tử (*372-289 trước CN, ND*) , Mạnh Tử đã trở thành chỗ dựa lớn của võ sĩ đạo. Giáo huấn của Mạnh Tử đầy tính thuyết phục, nhiều chỗ có tính dân chủ cao, lay động được trái tim của võ sĩ, tạo ra nhiều cảm tình trong họ. Vì giáo huấn này bị coi như là những tư tưởng nguy hiểm gây xáo trộn có thể đưa đến lật đổ trật tự xã hội hiện hữu nên tác phẩm của Mạnh Tử đã bị cấm trong một thời gian dài. Nhưng lời chỉ bảo của hiền nhân này vĩnh viễn có chỗ ở trong lòng samurai.

Tác phẩm của Khổng - Mạnh là sách giáo khoa chính yếu của thanh thiếu niên và là quyền uy cao nhất trong những cuộc tranh luận của người lớn. Tuy nhiên, người chỉ hiểu biết những lời nói mẫu mực của hai thánh nhân này không được thiên hạ đánh giá cao. Có ngạn ngữ "ham học Luận ngữ mà lại dốt Luận ngữ" để chế nhạo những người chỉ có hiểu biết về Khổng Tử nặng về lý thuyết. Một samurai tiêu biểu (*Saigo Takamori 1827-77, ND*) gọi "kẻ tinh thông văn học là con mọt sách", còn có một người khác nữa (*Miura Baien 1727-89, ND*) đã ví "học vấn như cọng rau hôi, cần phải nấu đi nấu lại mới ăn được. Người đọc sách ít thì ít hôi mùi ta đây là học giả, kẻ càng đọc nhiều thì càng hôi; cả hai đều là

chuyện bực mình". Điều này có nghĩa là tri thức chỉ có giá trị khi tri thức được đồng hóa trong lòng người học và hiện ra trong đặc tính của người đó. Người chỉ có tri thức bị coi như một cái máy chuyên môn. Trí lực được đặt ở dưới tình cảm đạo đức. Con người và vũ trụ được hiểu như có linh hồn và có đạo đức. Võ sĩ đạo không chấp nhận sự phán đoán của Huxley (*nhà văn Anh 1825-95, ND*) rằng "tiến trình của vũ trụ ở ngoài vòng đạo đức".

Võ sĩ đạo xem thường những tri thức chỉ là tri thức. Tri thức không phải là mục đích cuối cùng mà là phương tiện để đạt được trí tuệ. Có nghĩa là kẻ không đạt được đến lãnh vực này sẽ bị coi như là một cái máy tiện lợi dùng để sản xuất ra những bài thơ hay những câu cách ngôn theo lời sai bảo của người khác. Vì thế tri thức phải được hiểu là phải đồng nhất với thực hành trong đời sống. Và người giải thích vĩ đại cho giáo lý có tính cách Socrates này là triết gia Trung Quốc, Vương Dương Minh (*1472-1528, ND*), người chẳng bao giờ mệt mỏi trong việc lặp đi lặp lại chủ trương "tri hành hợp nhất".

Tôi xin được lạc đề một chút. Trong những võ sĩ có nhân cách cao quí, nhiều người đã bị những lời chỉ dạy của Vương Dương Minh cảm hóa sâu

đậm. Những độc giả Tây phương sẽ dễ dàng tìm thấy trong sách của Vương Dương Minh có nhiều chỗ rất giống với "Tân Ước Thánh kinh". Mặc dầu có sự khác biệt trong cách dùng chữ nhưng câu nói "trước hết hãy tìm đến xứ trời và chính đạo của ngài, và tất cả mọi vật sẽ được thêm vào cho ngươi" đã truyền đạt một tư tưởng có thể tìm thấy ở mọi nơi trong sách của Vương Dương Minh. Một người Nhật (*Miwa Shissai 1669-1740, ND*) tôn Vương Dương Minh là bậc thầy, đã nói "chúa tể của trời đất, của tất cả mọi sinh vật, cư ngụ trong tim người, sẽ trở thành tấm lòng của người đó; vì thế tấm lòng thành vật sống và sáng ngời mãi mãi". Lại còn nói "Ánh sáng tinh thần của bản thể lúc nào cũng tinh khiết, không theo ý của con người. Ánh sáng này tự nhiên xuất hiện trong lòng người, nó chỉ bảo cho con người cái nào đúng, cái nào sai, nó được gọi là lương tri; chính nó là ánh sáng tỏa ra từ thiên thần vậy". Lời nói này thật giống với câu nói của Isaac Pennington (*người Anh, theo giáo phái Quaker 1616-79, ND*) hay những triết gia khác theo chủ nghĩa thần bí.

Theo tôi, tâm tính của người Nhật hầu như được diễn tả bằng những giáo lí đơn giản của Thần đạo, rất thích hợp cho việc tiếp nhận lời dạy của Vương Dương Minh. Vương Dương Minh đã đưa

thuyết "lương tâm vô mậu" (lương tâm không lầm lẫn) đến chủ nghĩa siêu việt cực đoan, chủ trương lương tâm không những phân biệt được chính tà, mà còn có năng lực nhận thức được tính chất của những hiện tượng vật lý và những sự việc thuộc tâm linh. Ông còn đi xa hơn, nếu không nói là đã vượt qua cả Berkeley[5] và Fichte[6], trong chủ nghĩa lí tưởng của ông, ông phủ định sự hiện hữu của sự vật vượt quá sự hiểu biết của con người. Dẫu hệ lí luận của ông bao gồm tất cả những luận lí của duy ngã luận bị phê phán là sai lầm, nhưng nó có sức mạnh nhờ ở niềm tin vững chắc và việc học thuyết này coi trọng đạo đức trong quá trình nuôi dưỡng cá tính và khí chất bình thản là điều không thể phản bác được.

Như vậy, dẫu nguồn gốc của nó là gì đi nữa, nguyên lí chủ yếu mà võ sĩ đạo đã hấp thu và đồng hóa thì rất ít và rất đơn thuần. Dẫu ít và đơn thuần, những nguyên lí này cũng đủ để cung cấp những chỉ dạy vững vàng về cách xử thế ngay

---

[5] George Berkeley (1685-1753). Triết gia người Ai-len, phủ định sự tồn tại khách quan của vật chất. Ông chủ trương "tồn tại là biết được bằng tri giác".

[6] Johann Gottlieb Fichte (1762-1814): Triết gia người Đức, có công trong việc hệ thống hóa "Quan niệm luận" dựa trên nền tảng luân lí.



trong những ngày tháng bất an của thời đại bấp bênh nhất trong lịch sử Nhật Bản. Tính tình chất phát và lành mạnh của võ sĩ, tổ tiên của chúng tôi, đã lượm lặt những giáo huấn rời rạc, tầm thường từ những đường lớn và hẻm nhỏ của tư tưởng cổ đại, lấy đó làm món ăn phong phú cho tinh thần, và nương theo đòi hỏi của thời đại, đã tạo ra một đạo làm người mới mẻ, độc đáo từ những giáo huấn đó. Nhà bác học thông tuệ người Pháp, ông De la Mazeliere (*trong "Nhật Bản sử luận", ND*) đã tóm tắt ấn tượng của ông về Nhật Bản ở thế kỷ mười sáu như sau.

"Cho đến giữa thế kỷ thứ mười sáu, chính trị, xã hội, tôn giáo ở Nhật Bản tất cả đều ở trong tình trạng hỗn loạn. Nội loạn xảy ra liên tục, cách thức sinh hoạt đã trở ngược lại trạng thái dã man, mọi người cần phải bảo vệ quyền lợi của mình - đã tạo ra ở Nhật những người có thể so sánh với những người Ý ở thế kỷ thứ 16 mà Taine (*triết gia người Pháp 1828-93, ND*) đã khen là "những người có sức sáng tạo dồi dào, có thói quen quyết định và khởi sự nhanh chóng, có năng lực to lớn trong thực hành và chịu đựng". Ở Nhật cũng như ở Ý, "những tập quán sinh sống thô bạo của thời trung cổ" đã biến con người thành một con vật vĩ đại "hoàn toàn chiến đấu và phản kháng". Và đây là lí

do tại sao đặc tính chủ yếu của dân tộc Nhật, có sự đa dạng đáng chú ý về tinh thần và khí chất, đã được phát huy cao độ vào thế kỷ thứ 16. Ở Ấn Độ cũng như ở Trung Quốc, người ta được xem khác nhau chủ yếu về khí lực và trí lực, trong khi đó, ở Nhật Bản người ta còn phân biệt nhau bằng cá tính độc đáo của người đó. Cá tính là dấu hiệu của những dân tộc ưu tú và của những nền văn minh đã phát triển. Mượn lời của Nietzsche[7] thường nói là ở châu Á, nói về dân tộc là nói về đồng bằng, nhưng ở Nhật cũng như ở châu Âu, núi non là đại biểu tối thượng của những dân tộc đó.

Sau đây, tôi xin làm rõ đặc tính chung của dân tộc chúng tôi mà Mazeliere đã bình luận. Tôi xin bắt đầu với "Nghĩa".

[7] Nietzsche (1844-1900): Triết gia người Đức, là người tiên phong của chủ nghĩa thực tồn, có nhiều tác phẩm phê bình (có tính cảnh cáo và ngược thuyết) tôn giáo, đạo đức, ảnh hưởng đến văn hóa, triết học và khoa học hiện đại.

Chương III

NGHĨA HAY CHÍNH NGHĨA

Nghĩa, đây là giáo huấn nghiêm khắc nhất trong võ sĩ đạo. Đối với võ sĩ, không có việc gì đáng ghét bằng những hành vi bất chính và những việc làm ám muội. Quan niệm về nghĩa có thể có chỗ sai lầm, hoặc có thể có chỗ hẹp hòi. Một võ sĩ trứ danh (*Hayashi Shihei 1738-93, ND*) định nghĩa đó là năng lực quyết đoán, " "Nghĩa" là năng lực phán đoán dũng cảm, không một chút do dư, quyết làm những việc hợp với đạo lí. Khi cần phải chết thì phải chết, khi cần phải đánh thì phải đánh". Một người khác (*Maki Izumi 1813-64, ND*) đã nói về "nghĩa" như sau: ""Nghĩa" giống như bộ xương trong thân thể con người. Không có xương, cái đầu không thể ngồi trên đỉnh xương sống được, tay không cử động được, chân không thể đi đứng được. Nghĩa là nếu không có "nghĩa", con người dẫu có tài năng, dẫu có học thức cũng thành người vô dụng. Có "nghĩa" thì dẫu có thô kệch, vô lễ thì vẫn được coi là "võ sĩ". Mạnh Tử gọi

"nhân" là lòng của con người và "nghĩa" là đạo của con người. Ông than rằng: "Thật là đáng thương cho kẻ thơ ơ, không theo đuổi cái đạo, để mất tâm hồn và không biết tìm lại với đạo. Khi người ta mất chó mất gà, người ta có thể tìm lại được chúng, nhưng khi người ta mất tâm hồn, người ta không thể tìm lại được". Sau Mạnh Tử ba trăm năm, ở một nước khác, một người thầy vĩ đại (*Jesus, ND*) đã nói "không thấy nó lờ mờ như chiếu trong gương hay sao?" ẩn dụ rằng ta là con đường của nghĩa mà người đánh mất có thể tìm lại được. Nhưng có lẽ tôi hơi lạc đề. "Nghĩa", theo Mạnh Tử, đó là con đường thẳng và hẹp mà người ta phải đi để lấy lại thiên đường đã mất.

Trong những ngày cuối của thời đại phong kiến, thái bình kéo dài nên võ sĩ được rảnh rỗi trong cuộc sống, nhờ thế mà mọi thứ ăn chơi và nhiều nghệ thuật điêu luyện đã phát sinh. Ngay cả trong thời đại đó, danh từ "nghĩa sĩ" vẫn được coi ở trên tất cả mọi danh từ mà người ta dùng để chỉ những người tinh thông nghệ thuật và học vấn. Truyện bốn mươi bảy trung thần (*sự kiện vào năm 1702, ND*), tục gọi là bốn mươi bảy nghĩa sĩ[1], được kể nhiều trong giáo dục quốc dân.

---

[1] Bốn mươi bảy nghĩa sĩ: Truyện của bốn mươi bảy samurai có chúa tướng bị kẻ gian hãm hai (khiến chúa

Trong thời đại mà mưu mẹo gian xảo được xem như chiến thuật, sự dối trá triệt để được dùng cho chiến lược, đức hạnh của những người đàn ông thật thà chất phác (*được gọi là nghĩa sĩ, ND*) này lấp lánh sáng chói như viên ngọc và được mọi người ca ngợi không tiếc lời. "Nghĩa" là anh em sinh đôi của "Dũng", một đức tính khác của võ sĩ. Trước khi nói về "Dũng", hãy cho tôi một chút thời giờ nói về "giri (nghĩa lý)", đây là chữ phái sinh của "nghĩa", đức tính này ban đầu có ý nghĩa chỉ khác với "nghĩa" một chút, sau đó dần dần có khoảng cách, cuối cùng trong dân gian, ý nghĩa của nó đã bị hiểu sai. "Giri" ban đầu được dùng theo nghĩa "đạo lý của chính nghĩa", nhưng qua nhiều thời đại, nó mang nghĩa của một quan niệm mơ hồ về nghĩa vụ mà thế gian mong muốn người hưởng lợi phải làm. Đầu tiên, ý nghĩa thuần túy, nguyên lai của "giri" rất đơn giản và rõ ràng, đó là nghĩa vụ. Từ đó, người ta nói có "giri" đối với cha mẹ, đối với người trên, đối với kẻ dưới, đối với

---

tướng mắc phải tội tử hình) Bốn mươi bảy người này đã phải sống nhẫn nhục để tìm cách trả thù cho chúa tướng và cuối cùng đã được mãn nguyện. Sau khi trả được thù cho chúa tướng, bốn mươi sáu người đã bị phán tội chết, phải mổ bụng chỉ có người trẻ tuổi nhất được tha mạng suốt đời cung dưỡng những người đã mất.

quần chúng trong xã hội, và v.v. Trong những thí dụ này, "giri" là nghĩa vụ. Nghĩa vụ ở đây không có gì khác hơn là điều mà "đạo lý của chính nghĩa" yêu cầu và ra lệnh cho chúng ta làm. "Đạo lý của chính nghĩa" không phải là những mệnh lệnh tuyệt đối đối với chúng ta hay sao?

Như đã nói ở phần trên, ban đầu "giri" chỉ có nghĩa là nghĩa vụ, ngoài ra không có nghĩa nào khác và tôi dám nói là "giri" phát nguyên từ sự thật trong hành vi của chúng tôi. Tỉ dụ đối với việc phụng dưỡng cha mẹ, tình thương phải là động cơ duy nhất, nếu thiếu tình thương thì cần phải có một quyền uy khác nào đó bắt người ta phải hiếu hạnh; và quyền uy đó được công thức hóa thành "giri". Việc công thức hóa này là chính đáng vì trong trường hợp tình thương không thúc giục được hành vi đức hạnh, thì chỉ còn có cách nhờ vào trí năng, và lúc đó lí trí sẽ lập tức hành động để thuyết phục về sự cần thiết của một hành vi đúng đắn. Cũng có thể nói giống như thế đối với những nghĩa vụ đạo đức khác. Nếu có người cảm thấy nghĩa vụ là gánh nặng không thích làm thì "giri" sẽ lập tức can thiệp để phòng ngừa người đó trốn tránh nghĩa vụ.

"Giri" được hiểu như thế đó, sẽ giống như một ông giáo nghiêm khắc, tay cầm roi đánh những

người lười biếng, bắt phải làm tròn bổn phận của mình. Vì thế nên "giri" chỉ là sức mạnh đứng hàng thứ hai, là một động cơ khi so sánh với giáo lý tình thương trong đạo Cơ đốc, ở đó tình thương là luật pháp, thì nó kém hơn nhiều. Tôi cho rằng "giri" là một sản phẩm do nhiều điều kiện của một xã hội con người tạo ra. Một xã hội trong đó sự phân biệt giai cấp được thiết lập trên những đặc ân không đáng có và trên việc được sinh ra một cách ngẫu nhiên, một xã hội trong đó gia đình là đơn vị, người lớn tuổi được coi trọng dẫu không có tài năng, và tình yêu thương tự nhiên thường bị áp đảo bởi những tập quán tùy tiện do người ta tạo ra. Vì tính chất rất nhân tạo này, "giri" đã thoái hoá thành một cảm giác mơ hồ, thích nghi trong việc biện minh điều này, thừa nhận điều kia, tỉ dụ như trong việc phải giải thích lí do tại sao nếu cần thì người mẹ phải hi sinh tất cả những con nhỏ của mình để cứu trưởng nam; hoặc tại sao đứa con gái phải bán trinh tiết của mình, kiếm ra tiền của để trả nợ cho sự lãng phí của người cha, và những chuyện tương tự như vậy. Theo tôi, "giri" bắt đầu từ "đạo lí của chính nghĩa, nhưng nay thường phải khuất phục trước quyết nghị luận (*quyết định hành vi cá nhân là tốt hay xấu dựa trên nguyên lý tổng quát của luân lí, đạo đức, ND*) dựa trên quan

niệm về nghĩa vụ có tính cách giai cấp. "Giri" lại còn thoái hóa thanh một loại lo lắng sợ bị chỉ trích. Scott (*nhà văn, thi sĩ người Anh 1771-1832, ND*) đã viết về lòng ái quốc như sau: " Đó là tình cảm cao đẹp nhất, nhưng đồng thời, đó cũng là tình cảm đáng nghi nhất vì đôi lúc nó trở thành cái mặt nạ của những tình cảm khác". Có thể nói y như thế đối với "đạo lí của chính nghĩa", "giri" khi bị dùng sai, xa rời đạo lí, sẽ trở thành một cái tên giả quái dị cất giấu trong đó đủ loại ngụy biện và ngụy thiện. Nó dễ dàng biến thành chỗ ẩn náu của những kẻ nhút nhát nếu võ sĩ đạo không có cảm giác đúng đắn và sắc bén về dũng khí, về tinh thần gan dạ và kiên nhẫn.

Chương IV

DŨNG KHÍ, TINH THẦN GAN DẠ VÀ NHẪN NẠI

"Dũng khí" không có giá trị là bao, để được kể như một đức tính nếu nó không được thực hành vì "nghĩa". Trong "Luận ngữ", với cách lí luận tiêu cực như mọi khi, Khổng Tử đã định nghĩa "dũng khí" như sau: "Biết điều đúng mà không làm, đó là thiếu dũng khí". Có thể nói lại câu nói này theo cách tích cực như sau: "Dũng khí là làm điều đúng". Người ta thường xem "dũng khí" đồng nhất với những hành vi bất chấp mọi nguy hiểm, liều mạng đối mặt với tử thần. Những hành vi thiếu suy nghĩ mà Shakespeare[1] gọi là "con hoang của dũng khí" này của những kẻ cầm vũ khí chuyên nghiệp, đã được ca ngợi không đúng. Nhưng "dũng khí" trong võ sĩ đạo không

[1] William Shakespear (1564-1616): Thi sĩ, kịch tác gia vĩ đại của Anh quốc. Ông có bốn đại bi kịch nổi tiếng là "Hamlet", "Othello", "Vua Lear" và "Macbeth". Ngoài ra ông cũng có những bi kịch, hài kịch nổi tiếng khác như "Romeo và Juliet", "Người lái buôn thành Venice" v.v.

phải như thế. Chết vì những điều không đáng chết bị gọi là "cái chết của con chó" (Inujini). Platon[2] định nghĩa dũng khí là "sự biết rõ những việc phải sợ và những việc không cần phải sợ". Lãnh chúa xứ Mito (*Mito Komon 1628-1700, ND*), người chưa từng nghe tên Platon bao giờ, nói như sau: "Xông pha nơi trận mạc và bị giết ở đó, đó không phải là việc khó, người lỗ mãng nào cũng có thể làm được. Nhưng biết sống lúc cần phải sống, biết chết lúc cần phải chết, mới đúng là "dũng khí" vậy". Ở Tây phương, người ta phân biệt dũng khí về thân thể và dũng khí về đạo đức. Chúng tôi cũng biết được sự khác biệt này từ lâu. Những thiếu niên được sinh ra trong gia đình võ sĩ có ai không biết sự khác nhau giữa "đại dũng" và "cái dũng của kẻ thất phu" đâu.

Cương nghị, nhẫn nại, can đảm, gan lì, dũng khí là những phẩm chất tinh thần dễ gây chú ý trong lòng những võ sĩ trẻ tuổi, và những người trẻ đã được huấn luyện để có được những đức tính này qua thực hành và qua những thí dụ mẫu mực. Đây cũng là những đức tính được ưa thích nhất, được tranh đua trong giới trẻ từ lúc còn thơ.

---

[2] Platon (427 trước CN-347 trước CN): Triết gia Hi Lạp, đệ tử của Socrates và là thầy của Aristotle. Platon và Aristotle được xem là sư tổ của triết học phương Tây.

Những truyện quân kí được kể đi kể lại từ lúc còn ở trong lòng mẹ cho đến khi dứt sữa. Đứa trẻ nào khóc la khi gặp đau đớn chắc chắn sẽ bị mẹ rầy. "Chỉ đau đớn một chút mà cũng la khóc lên à. Sao mà nhút nhát như thế! Ra ngoài chiến trường nếu bị chặt đứt tay thì làm sao hả? Nếu bị ra lệnh phải mổ bụng thì làm sao hả?". Chúng tôi ai cũng biết câu chuyện cương nghị cảm động của một samurai trẻ (*tên Chimatsu, ND*) trong vở kịch Kabuki "Sendai hagi", khi gặp đói đã nói với tiểu đồng như thế này: "Ngươi hãy xem những con chim con trong tổ, cái mỏ vàng của chúng mở thật là rộng. Mẹ chúng mang sâu bọ đến cho chúng ăn kìa. Bọn chim con thật là sung sướng, thật là tham ăn. Nhưng với samurai, khi bụng mình rỗng không mà cảm thấy đói thì thật là nhục nhã". Ngoài ra còn có nhiều chuyện nhi đồng nói về tinh thần chịu đựng và dũng cảm, tuy đây không phải là phương pháp duy nhất được dùng để nuôi dưỡng tính can đảm và gan lì khi còn nhỏ. Cha mẹ nghiêm khắc đối xử với con, nhiều lúc gần như tàn khốc theo kiểu "sư tử hất con xuống vực sâu" để luyện tập cho con tính can đảm. Con của samurai bị bỏ xuống vực thẳm của khổ sở và khó khăn, bị khuyến khích làm những việc khó

nhọc kiểu Sisyphus[3]. Đẩy ra ngoài trời lạnh, hoặc bỏ đói thường được xem như những cách huấn luyện rất hiệu quả trong việc tập cho trẻ tính nhẫn nại. Sai trẻ đi việc đến những chỗ xa chưa từng biết, hoặc đánh thức trẻ dậy sớm trước rạng đông, tập đọc trước bữa cơm sáng, hoặc bắt trẻ đi chân không đến nhà thầy dạy trong những ngày đông giá lạnh. Trong ngày lễ cúng "thần học vấn", hoặc một tháng một hai lần, bọn trẻ thường tập hợp lại thành những nhóm nhỏ thay phiên nhau ê a tập đọc suốt đêm. Trò chơi được bọn trẻ ưa thích là đi xem những chỗ buồn bã rùng rợn, tỉ dụ như chỗ hành hình tội phạm, bãi tha ma, hoặc nhà có ma qui. Trong những ngày mà tội phạm còn bị chặt đầu công khai trước quần chúng, bọn trẻ không những bị đưa đi xem cảnh rùng rợn này mà đôi lúc chúng còn bị ra lệnh đi đến chỗ đó một mình vào ban đêm, để dấu của mình lại trên đầu lâu.

---

[3] Sisyphus: (trong thần thoại Hy Lạp) Sisyphus biết chuyện xấu của thần tối cao Zeus và đem nói cho cha mình biết nên bị thần Zeus ghét. Sau khi chết Sisyphus bị đưa đến Tartarus phục dịch việc khiêng đá lên núi. Khi Sisyphus khiêng đá lên đến đỉnh, thì thần Zeus lại hất cho đá rơi xuống núi. Vì vậy nên Sisyphus phải vĩnh viễn lên xuống khiêng đá lên núi.

Cách huấn luyện kiểu siêu - Sparta[4] này, "luyện tập cho dạn dĩ", làm nhà giáo thời nay phải kinh hoàng, tạo ra trong lòng họ nỗi sợ hãi và nghi ngờ - nghi ngờ rằng cách dạy này sẽ chỉ làm cho trẻ trở nên hung bạo, và chỉ làm mất tính đa cảm của con tim khi còn trong trứng nước, phải không? Sau đây chúng tôi xin khảo sát những khái niệm khác về "dũng khí" trong võ sĩ đạo.

Ngoài mặt tinh thần của "dũng khí" được biểu lộ bằng sự trầm tĩnh, tức sự tỉnh táo của con tim. Bình tâm là trạng thái yên tĩnh của "dũng khí". Bình tâm là biểu hiện tĩnh, và hành vi gan dạ là biểu hiện động của "dũng khí". Người dũng cảm thật sự là người lúc nào cũng trầm tĩnh, không bao giờ hốt hoảng; không có việc gì có thể làm tinh thần của người đó dao động. Tỉnh táo trong lúc chiến đấu ác liệt, không kinh hoàng hấp tấp khi gặp thiên tai. Không run sợ trước động đất, coi thường giông tố bão bùng. Chúng tôi khâm phục người dũng cảm thật sự, đó là người lúc nào cũng vững lòng, có thể làm thơ trong lúc

[4] Sparta (8 thế kỉ trước CN - 3 thế kỉ trước CN): Quốc gia đô thị cổ Hi Lạp, có chế độ giáo dục thiếu nhi hết sức nghiêm khắc. Giáo dục Sparta nhằm mục đích đào tạo con người có tinh thần và thân thể cường tráng, có lợi cho quân sự.

nguy hiểm cận kề, có thể ngâm thơ trong lúc trực diện với tử thần. Giọng ngâm và bút tích lúc đó vẫn như lúc bình sinh, không có gì thay đổi. Đó là bằng chứng của một bản tính thơ thới. Chúng tôi gọi đó là tinh thần thơ thới (*tiếng Nhật gọi là "yoyu", ND*), một tinh thần không vội vàng, không lo lắng, lúc nào cũng có chỗ trống cho một vài vật nữa vào.

Một câu chuyện được truyền tụng như sự thật lịch sử, kể rằng Ota Dokan (1432-86) , người kiến thiết thành Edo (*Tokyo ngày nay, ND*) đã bị thích khách dùng giáo đâm vào mình. Thích khách biết ông ta thích thơ ca nên trong khi đâm đã ngâm một câu thơ như sau.

"Ôi, những lúc này, lòng mình mới tiếc mạng".

Nghe câu này, người anh hùng sắp tắt thở, không để ý gì đến vết thương chí mạng ở bên hông, đã ngâm thêm câu thơ.

"Đã nhiều lần, biết mạng mình tợ như lông".

Trong "dũng khí" cũng có yếu tố vui tính. Chuyện nghiêm trọng đối với người thường, nhiều khi chỉ là một trò chơi đối với người dũng cảm. Trong những trận chiến ngày xưa không hiếm gì chuyện những kẻ chiến đấu làm thơ đối đáp hoặc tranh nhau chơi chữ. Chiến đấu không phải chỉ là

vấn đề bạo lực mà đó cũng là vấn đề tranh đua trí tuệ với nhau.

Cuối thế kỷ mười một, trong trận đánh với đoàn quân từ miền đông đến ở bên bờ sông Koromo, đại tướng Abe Sadato (1019-62) đã thua chạy. Đại tướng của đoàn quân miền đông là Minamoto Yoshi-ie đuổi theo sát nút, lớn tiếng gọi với theo "samurai mà đưa lưng cho địch xem thì thật là nhục nhã". Sadato gò cương ngựa lại nên Yoshi-ie liền hứng khẩu ngâm.

"Koromo[5] (áo xống, ND) bị tuốt thành vải vụn".

Còn đang ngâm chưa dứt, bại tướng Sadato không một chút nao núng, đã ngâm tiếp để hoàn thành bài thơ.

"Xài lâu nên chỉ bị ăn mòn".

Cây cung của Yoshi-ie (1039-1106) đang cong mình chờ lúc nhả tên, nhưng bất ngờ Sadato chạy mất. Bộ hạ nhìn thấy hành vi kì lạ của chủ tướng, hỏi lí do tại sao. Yoshi-ie đã trả lời rằng "bị địch đuổi ráo riết mà lòng vẫn bình thản, làm sao ta có thể làm nhục một người kiên cường như thế được".

---

[5] Koromo: Là tên của con sông, lại có nghĩa là áo xống. Yoshi-ie đã chơi chữ ở đây

Antony và Octavius cảm thấy bi ai trước cái chết của Brutus[6], đó là cảm giác thường có ở những dũng sĩ. Kenshin (1531-78) chiến đấu với Shingen (1520-73) mười bốn năm trời, đã khóc hu hu khi nghe Shingen bị bệnh mất, vì đã bị mất đi một kì phùng địch thủ. Kenshin là người lúc nào cũng đối xử hết sức cao thượng đối với Shingen. Lãnh địa của Shingen là vùng đất núi cách xa biển, nên phải nhờ dòng họ Hojo vùng Tokaido cung cấp muối ăn. Tuy không ở trong tình trạng chiến tranh, nhưng để làm cho Shigen yếu đi, dòng Hojo đã cắt đứt mọi đường mậu dịch cung cấp nhu yếu phẩm cho Shingen. Kenshin nghe được tình trạng khó xử của địch, biết muối là vật có thể tự cung cấp từ bãi biển thuộc lãnh địa của mình, nên đã viết thơ cho Shingen trách dòng Hojo đã dùng thủ đoạn hèn hạ và nói rằng tuy đang giao chiến nhưng sẽ ra lệnh cho dân của mình cung cấp đầy đủ muối cho Shingen và thêm rằng: "Ta chiến đấu với các hạ bằng gươm giáo, chứ không phải bằng muối gạo". Lời nói này đủ

---

[6] Brutus (85TCN-42TCN): Nghị viên Nguyên lão viện La Mã, giữ vai trò chỉ đạo trong việc mưu sát Ceasar. Sau khi ám sát Ceasar, Brutus đã cùng với Cassius chạy qua Hi Lạp, nhưng đã bị Antony và Octavius đuổi theo đánh bại nên đã tự tử (năm 42 trước CN).



sức đối chiếu với lời nói của Camillus (*tướng lãnh La Mã 446 trước CN – 365 trước CN, ND*) rằng "Chúng ta, người La Mã chiến đấu bằng sắt chớ không phải bằng vàng". Nietzsche nói đúng tâm tình của samurai khi viết rằng: "Ngươi hãy hãnh diện vì địch thủ của ngươi; và như vậy thì sự thành công của địch thủ sẽ là sự thành công của ngươi". Thật vậy, dũng khí và danh dự là những giá trị đòi hỏi ở kẻ địch trong thời chiến, đồng thời cũng là giá trị cần có để xứng đáng là bạn bè trong thời bình. Khi dũng khí đạt đến mức cao như thế, ý nghĩa sẽ gần với chữ "nhân".

Chương V

NHÂN, TẤM LÒNG TRẮC ẨN

Yêu thương, khoan dung, đồng tình và thương hại được xem như những đức tính tối thượng, thuộc tính cao cả nhất của linh hồn con người. Nhân có thể được xem là đạo đức của bậc đế vương trong hai nghĩa: Trước hết nó chiếm vị trí đế vương trong những đức tính cần phải có của một tâm hồn cao thượng; thứ đến đặc biệt nó là cái đức cao cả hơn hết, thích hợp với chức vụ của kẻ làm vua. Để diễn tả bằng lời nói chắc chúng ta cần phải nhờ đến Shakespeare, rằng "Lòng từ bi thích hợp với đế vương hơn vương miện, lòng từ bi có ảnh hưởng mạnh hơn sự cai trị bằng quyền lực". Nhưng để cảm nhận bằng con tim, chúng ta cũng như moi người trên thế giới không nhất thiết phải cần đến Shakespeare. Khổng Tử cũng như Mạnh Tử đã nhiều lần lập lại rằng đòi hỏi cao nhất ở người cai trị là "nhân". Khổng Tử nói "Quân tử trước hết phải rèn luyện đức tính, có đức sẽ có người, có người sẽ có đất, có đất sẽ có tài sản, có tài



sản sẽ có chỗ dùng. Đức là gốc, tài sản là ngọn". Lại còn nói: "Không có thần dân nào không ưa thích việc nghĩa dưới một đế vương có lòng nhân". Mạnh Tử nói rõ hơn về việc này: "Có chuyện kẻ bất nhân lấy được một nước, nhưng không có chuyện cả thiên hạ bị rơi vào tay của một kẻ thiếu đức". Lại còn nói: "Không làm cho dân tâm phục thì không thể thành vua". Khổng Tử và Mạnh Tử đều nói rằng điều kiện không thể thiếu của người cai trị là "nhân" - nhân tạo ra người".

Dưới chế độ phong kiến, chính trị dễ thoái hoá thành chế độ quân phiệt. Trong trường hợp đó, chỉ có "nhân" là có thể giải phóng chúng ta từ chế độ chuyên chính tồi tệ nhất này. Khi nhân dân hoàn toàn giao sinh mạng và thân thể của mình cho chúa quân mà chúa quân lại cai trị một cách tùy tiện, thì kết quả tất nhiên của việc này là sự phát triển của chủ nghĩa tuyệt đối, thường được gọi với cái tên là "chính trị chuyên chế Á đông" tuồng như trong lịch sử Tây phương không có ai là bạo chúa cả!

Tôi nhất định không ủng hộ bất cứ chế độ chuyên chế nào; nhưng sẽ là sai lầm khi xem chế độ chuyên chế và chế độ phong kiến là một. Đại vương Frederic[1] nói: "Vua là đầy tớ hạng nhất của

[1] Đại vương Frederic (1712-1786): Minh quân xứ Prussia, có công lớn trong chiến tranh thống nhất nước Đức.

quốc gia". Lời bình luận của những học giả luật pháp là đúng khi cho rằng lời nói này cho biết một thời đại mới đã đến trong sự phát triển của chủ nghĩa tự do. Ngẫu nhiên gần như cùng một lúc, trong vùng Tây Bắc xa xôi hẻo lánh của Nhật Bản, lãnh chúa Yozan (1752-1822) của Yonezawa đã có một câu tuyên bố giống y như vậy. Điều này chứng tỏ chế độ phong kiến không phải hoàn toàn là chế độ chuyên chế, áp bức. Chúa quân thời phong kiến tuy không ý thức được nghĩa vụ tương hỗ của mình đối với thần dân, nhưng đã cảm thấy mình có trách nhiệm lớn lao đối với tổ tiên và thượng đế. Vua là cha của thần dân, trời tin vua và giao phó thần dân cho vua. "Thư kinh", cổ điển của Trung Quốc có nói: "Dân đã tấu với thượng đế khi nhà Ân làm mất lòng dân". Trong sách "Đại học", Khổng Tử dạy rằng: "Hãy thích điều dân thích, ghét điều dân ghét, người như vậy mới đúng là bậc cha mẹ dân". Như thế, dư luận của quần chúng và tư tưởng của quân chủ, hay nói cách khác chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa tuyệt đối đã hoà hợp lẫn nhau. Võ sĩ đạo cũng có chỗ giống như vậy. Trong một cách hiểu khác với ý nghĩa thông thường mà từ ngữ này biểu hiện, võ sĩ đạo đã thừa nhận và củng cố chế độ phụ quyền - phong cách của người cha như đối chọi với chế độ thúc quyền

không mấy được quan tâm (chính trị của Uncle Sam!). Chế độ chuyên chế và chế độ phụ quyền khác nhau ở chỗ trong chế độ chuyên chế, người dân phục tùng một cách miễn cưỡng, ngược lại trong chế độ phụ quyền, người dân "hãnh diện trong quy thuận, có phẩm cách trong vâng lời, và tuy là thần hạ phải phục tùng, nhưng phục tùng trong tinh thần tự do cao". (*câu nói của Burke, sử gia người Anh, trong tác phẩm "Cách mạng Pháp", ND*). Có câu tục ngữ xưa không hoàn toàn sai khi gọi vua Anh là vua của ác ma vì thần hạ thường nổi loạn và bắt vua phải thoái vị, gọi vua Pháp là vua của những con lừa vì bắt dân đóng góp nặng nề và đánh thuế dân vô giới hạn, gọi vua Tây Ban Nha là vua của con người vì nhân dân vui lòng vâng lời vua.

Nhưng tôi xin dừng lại ở đây.

Đối với những người Anglo - Saxon, có lẽ đạo đức và quyền lực tuyệt đối là hai thứ không thể dung hòa với nhau. Pobyedonostseff (*chính trị gia người Nga, ND*) đã nói rõ sự tương phản về nền tảng giữa xã hội Anh và những xã hội Âu châu khác. "Xã hội của những quốc gia Âu châu ở đại lục đặt nền tảng trên lợi ích chung của toàn dân, trong khi đó, đặc sắc của xã hội Anh quốc là coi trọng nhân cách độc lập được phát triển cao độ."

Ông còn nói. "Trong những quốc gia ở đại lục châu Âu, đặc biệt trong những dân tộc hệ Slaves[2], nhân cách cá nhân thường phụ thuộc vào quan hệ xã hội, và cuối cùng là phụ thuộc vào quốc gia". Điều này hết sức đúng đối với người Nhật. Ở Nhật, Thiên hoàng được tự do sử dụng quyền lực, không phải để ý đến áp lực nặng nề nào như ở châu Âu. Thế nhưng, Thiên hoàng lấy tình cảm của cha đối với con để đối đãi với thần dân. Bismarck (*thủ tướng Phổ, 1815-98, có công lớn trong sự nghiệp thống nhất nước Đức, ND*) nói "đòi hỏi quan trọng nhất của chế độ chuyên chế là người thống trị phải vô tư, chính trực, coi trọng nghĩa vụ, có nghị lực và biết khiêm nhường". Xin được phép có thêm một trích dẫn nữa về vấn đề này. Một câu trong bài diễn thuyết của hoàng đế nước Đức ở Coblenz: "Vương vị là địa vị được thượng đế ban cho với những nhiệm vụ nặng nề và những trách nhiệm to lớn đối riêng với thượng đế mà không có một người nào, không một đại thần nào, không có một nghị viên nào có thể giải phóng quốc vương ra khỏi những nhiệm vụ và trách nhiệm này".

---

[2] Hệ Slaves: Gồm những nước như Serbia, Bungaria, Nga v.v.

"Nhân" là đức tính hiền dịu ôn hòa, giống như mẫu tính. Nếu đạo nghĩa có tính thẳng thắn, chính nghĩa có tính khắc nghiệt được xem như nam tính, thì nhân ái có tính hiền hòa được xem như nữ tính, là điều có đủ sức thuyết phục. Chúng ta được khuyên không nên chìm đắm trong nhân ái mù quáng không đặt căn bản trên đức nghĩa và chính nghĩa. Masamune (*lãnh chúa xứ Sendai 1567-1636, ND*) thường trích dẫn câu cách ngôn diễn tả đúng điều này. "Nghĩa quá độ sẽ thành cứng nhắc. Nhân quá độ sẽ chìm trong yếu đuối".

May thay, lòng nhân đẹp nhưng không hiếm hoi bởi có câu nói: "Kẻ gan dạ nhất là kẻ hiền hòa nhất, người nhân ái nhất là người dũng cảm nhất". Đó là chân lý phổ biến xưa nay. "Bushi no nasake" - lòng trắc ẩn của võ sĩ - là từ diễn tả tình cảm cao quí của võ sĩ, tạo ra trong lòng chúng tôi ấn tượng đẹp. Lòng nhân ái của võ sĩ, về chủng loại, không khác gì với lòng nhân ái của người khác. Nhưng trong trường hợp của võ sĩ, đó không phải là tình cảm mù mờ, mà đó là lòng nhân ái không quên chính nghĩa, không phải là biểu hiện của xúc động, đó là lòng nhân ái mà ở sau nó, có quyền sinh sát đối với kẻ địch. Các nhà kinh tế thường nói về nhu cầu nào có hiệu quả hay nhu cầu nào không có hiệu quả, tương tự như vậy, ta có thể nói tình

thương của võ sĩ là tình thương có hiệu quả vì nó có năng lực tạo ra hành động có thể đem lại lợi ích hoặc gây tổn hại cho đối phương.

Võ sĩ hãnh diện về việc có sức mạnh võ lực và có đặc quyền sử dụng sức mạnh đó. Đồng thời võ sĩ cũng thừa nhận sức mạnh của tình thương mà Mạnh Tử đã dạy: "Nhân nhất định sẽ thắng bất nhân, giống như nước thắng lửa. Làm việc nhân đức giống như việc dùng một ly nước để dập tắt ngọn lửa của một xe củi đang cháy, không ai ngờ rằng sức mạnh của nước có thể làm tắt lửa". Lại còn nói: "Lòng trắc ẩn là gốc rễ của lòng nhân". Cho nên người có lòng nhân lúc nào cũng lưu ý đến những người đau khổ, buồn phiền. Xa xưa, Mạnh Tử đã giảng dạy như thế đó, trước khi Adam Smith (*thủy tổ của kinh tế học cổ điển, đồng thời cũng là triết gia luân lí, người Scotland 1723-90, ND*) xây dựng nền tảng triết học đạo đức của mình trên lòng thương hại.

Quy định về danh dự của võ sĩ ở một nước sao lại có chỗ giống với qui định ở nước khác đến mức bất ngờ. Nói cách khác, trong những quan niệm đạo đức của Á Đông bị nhiều người phê phán, có nhiều chỗ trùng hợp với cách ngôn cao quí nhất trong văn học Tây phương. Thi nhân La Mã có những câu thơ nổi tiếng như sau:

"Để yên kẻ bại.

Đập tan kẻ chống

Thiết lập hòa bình.

Sự nghiệp của ngươi".

Một thân sĩ người Nhật khi xem bài thơ này chắc hẳn sẽ nghĩ thi nhân đã đạo văn từ văn học của nước mình.

Lòng nhân ái đối với kẻ yếu, kẻ kém, kẻ thua là đức tính của samurai được đặc biệt tán thưởng. Ai yêu thích mỹ thuật Nhật Bản chắc đã có lần nhìn thấy một bức tranh vẽ một ông sư quay lưng ngồi trên lưng bò. Chính ông sư này là một võ sĩ dũng mãnh ngày xưa, mọi người khi nghe tên (*Kumagai Jiro Naozane, ND*) đều phải run sợ. Trong trận đánh khủng khiếp ở Sumanoura vào năm 1184 (*giữa dòng Minamoto và dòng Taira, ND*), trận đánh có tính quyết định trong lịch sử Nhật Bản, mãnh tướng Kumagai đuổi theo địch, và chỉ cần đánh qua loa, ông đã bắt và siết chặt được địch vào trong cánh tay to tướng, lực lưỡng của mình. Phép cư xử ở chiến trường chỉ rằng trong trường hợp như thế này, chỉ được giết đối phương nếu đối phương là võ tướng có thứ bậc hoặc đối phương cũng có sức mạnh không thua mình. Kumagai tự xưng danh và hỏi danh tánh của đối phương. Đối

phương đã từ chối không cho biết nên Kumagai đã hất mũ chiến của đối phương lên nhìn. Khi biết đối phương chỉ là một thiếu niên mặt còn non choẹt, tuấn tú, không râu, ông ta kinh ngạc lỏng tay buông đối phương xuống chân mình rồi nói với giọng của một người cha. "Được rồi, tao tha mạng cho mày, chạy về chỗ mẹ mày đi!. Lưỡi gươm của Kumagai này không muốn nhuộm máu của một thằng bé như mày. Nhanh lên! Địch còn chưa thấy mày. Trốn nhanh lên". Nhưng samurai trẻ đã từ chối và xin Kumagai vì danh dự của cả hai, hãy chặt đầu mình ở nơi đó. Lưỡi gươm lạnh đã nhiều lần lấy đầu kẻ địch, lóe sang trên vầng tóc hoa râm của Kumagai, nhưng hình ảnh của đứa con trai của ông, thằng Kojiro ngày hôm nay lần đầu tiên theo tiếng kèn ra trận, đã hiện ra trước mắt ông khiến ông mềm lòng, tay run rẩy; một lần nữa ông đã khuyên kẻ địch chạy trốn. Thấy lời van nài của mình không có kết quả, lại biết binh lính phía mình sắp đến, ông đã hét to lên, "Nếu như thế này, thà ta xuống tay còn hơn là để một kẻ vô danh tiểu tốt giết ngươi. Chuyện cúng dường! Ta sẽ lo. Nhất niệm di đà phật, tức diệt vô lương tội". Lưỡi gươm lóe sáng trên không, chợt vung xuống nhuộm đỏ máu người võ sĩ trẻ. Trận chiến chấm dứt, Kumagai trở về trong chiến thắng. Nhưng ông đã không

còn nghĩ gì đến huân chương, danh vọng. Ông đã từ bỏ nghề võ, cạo đầu, mặc áo cà sa, suốt đời hành hương, niệm Tây phương tịnh độ, cầu sự cứu rỗi và thề không bao giờ quay lưng về hướng Tây.

Những nhà phê phán có thể chỉ trích nhiều khuyết điểm có tính ngụy biện trong câu chuyện này. Dầu sao, câu chuyện này đã lấy lòng khoan dung, thương hại, và tình thương làm đặc trưng tô điểm cho những chiến công tàn bạo nhất của võ sĩ. Một câu cách ngôn cũ nói rằng, "người đánh bẫy cũng không nỡ giết chim trốn chui vào ngực mình". Câu cách ngôn này nói lên lí do tại sao phong trào Hồng thập tự, vốn được xem như có tính cách Cơ đốc giáo, đã bám rễ được ở cái nước Nhật này. Qua tiểu thuyết của Bakin (*Takizawa Bakin 1767-1848, ND*), tiểu thuyết gia vĩ đại nhất của đất nước chúng tôi, chúng tôi đã quen với việc chăm sóc y tế đối với kẻ địch bị thương, mấy mươi năm trước khi hiệp ước Hồng thập tự được ký kết ở Genève. Satsuma (*ở nam Kyushu, ND*), lãnh địa nổi tiếng về tinh thần thượng võ và giáo dục võ sĩ, có tập quán khuyến khích thanh thiếu niên tập luyện âm nhạc. Âm nhạc ở đây không phải là tiếng kèn, cũng không phải là tiếng trống hành quân, những thứ "tiếng ồn ã báo trước việc đổ máu và chết chóc" (*lời của Shakespeare, ND*), thúc đẩy

chúng ta co hành động dữ dằn như hùm beo. Âm nhạc ở đây là những khúc nhạc tì bà ai oán, hiền hòa làm dịu bớt tinh thần hung hăng, đưa suy tư ra xa mùi máu và những cảnh chém giết lẫn nhau. Theo lời truyền của Polybius (*sử gia Hi Lạp, 203 trước CN – 120 trước CN, ND*) thì trong hiến pháp của Arcadia (*vùng đất của Hi Lạp xưa, ND*) có qui định bắt buộc thanh niên dưới ba mươi tuổi luyện tập âm nhạc với mục đích làm dịu bớt tính tình khắt khe của dân chúng sống trong vùng núi có phong thổ khắc nghiệt Arcadia. Polybius cho rằng dân chúng vùng này không có tính tàn nhẫn là do ảnh hưởng của âm nhạc.

Ở Nhật Bản, Satsuma không phải là nơi duy nhất ở đó giai cấp võ sĩ có tập quán tao nhã này. Trong tùy bút, lãnh chúa xứ Shirakawa (1758-1829) ghi lại những điều chợt hiện ra trong lòng mình như sau: "Mùi hương của hoa đêm, tiếng chuông chùa xa xa, tiếng côn trùng trong đêm sương dẫu chúng có lén đến bên cạnh giường trong đêm thâu, đừng đuổi chúng đi, hãy nhìn chúng với con mắt thương yêu". Lại còn nói: "Dẫu có phật lòng nhưng hãy tha thứ những thứ như gió rung hoa, mây che trăng, và người tìm cách gây gổ với ngươi".

Thi ca được khuyến khích để diễn tả cái đẹp nhưng thực tế là để nuôi dưỡng những cảm xúc

trang nhã ở nội tâm. Vì lẽ ấy nên bi tráng và tao nhã đã thành hai dòng chảy mạnh mẽ dưới đáy thi ca của đất nước chúng tôi. Một câu chuyện nổi tiếng nói về một samurai nhà quê (*Otaka Gengo 1672-1703, ND*) biểu hiện rõ quan điểm này. Có một samurai nhà quê được đi học "haikai"(*thơ ca, ND*), lần đầu tiên hắn đã làm thử một bài "haiku" (*bài thơ ngắn có 3 câu, 17 chữ (5 chữ, 7 chữ, 5 chữ), ND*) lấy tựa là "Tiếng chim sơn ca". Vì tính dũng mãnh dấy lên trong lòng nên hắn đã nhảy đến dâng thầy bài thơ vụng về như sau:

"Anh samurai dũng cảm

Để riêng tai nghe

Tiếng sơn ca mới hót".

Ông thầy không lấy làm lạ gì với tình cảm thô lỗ này, vẫn tiếp tục khuyến khích anh ta. Đến một ngày nọ, âm nhạc trong lòng thức giấc, anh ta đã nghe được tiếng thánh thót của chim sơn ca và viết lại như sau:

"Chợt nghe tiếng sơn ca

Líu lo trong rừng đước

Chàng samurai dừng bước".

Chúng tôi yêu thích và ngưỡng mộ sự kiện anh hùng trong cuộc đời ngắn ngủi của Korner,

khi bị thương ngã xuống trên chiến trường, vẫn cố gắng nguệch ngoạc ghi lại bài thơ nổi tiếng "Từ giã cuộc đời" cho hậu thế. Những chuyện giống như thế cũng thường có trong chiến tranh xưa nay ở nước Nhật. Hình thái đơn giản nhưng súc tích của thi ca chúng tôi rất thích hợp trong việc diễn tả liền ngay những cảm xúc chân thật của mình. Chỉ cần có giáo dục một chút, ai cũng yêu thích thi ca. Trên đường ra chiến trường, samurai dừng ngựa lại, rút bút lông từ bao tên của mình ra làm thơ - và những bài thơ như thế được phát hiện không ít khi người ta lột mũ chiến hay áo giáp ra khỏi thân người chết.

Ở châu Âu, giáo lí đạo Cơ đốc làm được việc khơi dậy lòng trắc ẩn ngay trong lúc đang giao chiến rùng rợn. Ở Nhật, lòng yêu thích thi ca và âm nhạc giữ nhiệm vụ đó. Cảm xúc tao nhã được trau dồi sẽ sinh ra lòng trắc ẩn nghĩ đến nỗi đau khổ của người khác. Khiêm nhượng và ân cần sinh ra từ lòng tôn kính tình cảm của người khác, là nguồn gốc của lễ nghĩa.

Chương VI

LỄ NGHĨA

Người ngoại quốc đi du lịch ở Nhật Bản, ai cũng để ý đến thái độ lễ phép, nhã nhặn của người Nhật và xem đó như là đặc tính của người Nhật. Nếu lễ nghĩa được thực hành chỉ vì sợ bị nghĩ là không sang trọng thì đó là đức tính nghèo nàn. Lễ nghĩa là biểu lộ bên ngoài của sự thông cảm với tình cảm của người khác. Lễ nghĩa cũng bao hàm lòng tôn trọng đối với việc đáng kính, vì thế nó còn có nghĩa là lòng tôn kính vô tư đối với địa vị xã hội. Địa vị xã hội được đề cập ở đây không dựa vào sự phân biệt giàu nghèo mà là những phân biệt dựa vào giá trị thực tế.

Hình thái tối cao của lễ nghĩa rất gần với yêu thương. Với tình cảm kính yêu, ta có thể nói: "Lễ là lòng khoan dung, tử tế đối với người khác; lễ không đố kị, không khoa trương, cũng không kiêu căng; không hành động sỗ sàng, không tìm lợi cho mình, không dễ nổi giận, không nghĩ đến cái xấu

của người khác". Trong sáu yếu tố của nhân sinh mà giáo sư Dean đã đưa ra, không lạ gì khi giáo sư đã đặt lễ ở vị trí cao nhất và xem đó là kết quả thành thục nhất của xã giao.

Mặc dầu khen ngợi lễ nghĩa như thế này, nhưng tôi không có ý muốn đặt lễ nghĩa ở vị trí cao nhất trong đạo đức. Nếu phân tích chúng ta sẽ thấy lễ nghĩa có quan hệ tương hỗ với những đức tính ở vị trí cao hơn. Bất cứ đức tính nào, nếu cô lập thì sẽ không tồn tại được. Lễ được ca tụng như đức tính đặc hữu của võ sĩ, được xem trọng hơn giá trị đáng được tán dương, và vì được tôn trọng như thế nên đã có những thứ lễ nghĩa giả mạo được sinh ra. Khổng Tử đã nhiều lần giảng dạy rằng: "Lễ nghĩa nếu chỉ có bề ngoài thì không phải là lễ nghĩa thực sự, giống như chỉ tạo ra tiếng rền vang thì không phải là âm nhạc vậy".

Khi lễ nghĩa được nâng cao lên thành điều kiện tất yếu trong xã giao, dĩ nhiên thông thường sẽ có một hệ thống phép tắc lịch sự phiền phức được qui định để huấn luyện người trẻ có hành vi xã giao đúng cách. Phải cúi đầu như thế nào khi gặp người khác, phải đi đứng và ăn ngồi ra sao, được dạy và học tập kĩ lưỡng. Phép lịch sự trong cách ăn uống phát triển thành môn học. Cách pha và uống trà được nâng cao thành nghi thức. Và

người có học vấn, dĩ nhiên, được xem như thông suốt tất cả những phép lịch sự đó. Trong tác phẩm của mình, Veblen (*nhà xã hội học người Mỹ, 1857-1929, trong tác phẩm "Theory of the leisure class", N.Y., 1899, p.46*) đã nói một cách thích đáng rằng: "Lễ nghĩa là sản phẩm và biểu trưng của giai cấp nhàn hạ".

Tôi có nghe những chỉ trích của người Âu châu, có ý coi thường lễ nghĩa có tính khuôn phép phiền phức của chúng tôi, cho rằng thật là điên rồ khi chúng tôi đã dành quá nhiều thì giờ để suy nghĩ và tuân theo khuôn phép đó một cách nghiêm khắc. Tôi thừa biết trong nghi thức có những qui định tỉ mỉ không cần thiết. Thế nhưng, so với việc người Tây phương chạy theo thời trang luôn biến đổi thì không biết ai là kẻ điên hơn. Ngay như thời trang, tôi không nghĩ đó chỉ là những thay dạ đổi lòng theo hư vinh; ngược lại tôi xem đó là sự truy tìm không ngừng của con người đối với cái đẹp. Thế nên tôi không nghĩ những qui định lễ nghi tỉ mỉ, chỉ là những thứ hoàn toàn vô nghĩa; mà đó là phương pháp thích hợp nhất, đúc kết từ kinh nghiệm lâu dài để đạt được một kết quả nhất định. Để làm một việc, nhất định sẽ có một phương pháp tốt nhất để làm việc đó, vừa ít tốn kém nhất vừa thanh tao nhất. Spencer (*nhà xã*

hội học người Anh, 1820-1903, ND) định nghĩa thanh tao la cách thức cử động ít tốn kém nhất. Nghi thức uống trà qui định phương thức dùng bát, dùng thìa, dùng khăn v.v. trong tiệc trà. Đối với người mới, phương thức này thật là vô vị, nhưng cuối cùng sẽ hiểu được đó là phương pháp tiết kiệm cả thời gian lẫn công sức, nói khác đó là cách ít dùng sức nhất, nghĩa là nếu theo định nghĩa của Spencer thì đó là cách thanh tao nhất.

Mượn tự vựng "Triết lý của y phục"[1] tôi có thể nói "Phép tắc và nghi thức chỉ là chiếc áo bên ngoài của qui luật tinh thần", nhưng thực ra ý nghĩa tinh thần của phép xã giao lớn hơn nhiều so với vẻ bên ngoài của nó. Bắt chước Spencer tôi có thể ngược dòng lịch sử, đi tìm dấu tích của nguồn gốc và động cơ đạo đức hình thành phép tắc trong xã hội Nhật, nhưng đó không phải là mục đích của cuốn sách này. Điều mà tôi muốn nhấn mạnh ở đây, là những tập huấn đạo đức có ở trong việc tuân thủ nghiêm khắc những phép tắc lễ nghi.

Như đã nói, phép tắc lễ nghi quy định tỉ mỉ mọi hành vi nên đã đẻ ra nhiều môn phái có cách

---

[1] "Y thường Triết học" (Sartor Resartus): Tác phẩm nổi tiếng của Thomas Carlyle (1895-1881), người Anh, luận về phong tục tập quán, chế độ chính trị v.v qua y phục.



thức khác nhau. Nhưng tất cả đều thống nhất với nhau về bản chất. Theo Ogasawara, người sáng lập môn phái Ogasawara trứ danh, thì "tất cả các phép tắc lễ nghi đều có mục đích là huấn luyện tinh thần. Ngồi thẳng đúng lễ, thì không có ai dám làm hại mình, dẫu là kẻ hung bạo nhất". Nói cách khác, qua việc thường xuyên tập luyện đúng phép tắc lễ nghi, tất cả các bộ phận và cơ năng của thân thể sẽ được điều chỉnh hoàn hảo để điều hòa với chính mình và với môi trường xung quanh, nói lên sự chi phối của tinh thần đối với thể xác. Tiếng Pháp "bienséance" (*ngữ nguyên có nghĩa là ngồi thẳng, được dùng với nghĩa là "lễ nghĩa", ND*) có ý nghĩa thật sinh động và sâu xa.

Nếu thanh tao đúng là phương pháp tiết kiệm sức lực thì kết quả luận lý của điều này là nếu thường xuyên thực hành cử chỉ thanh tao thì sẽ giữ và tích trữ được sức lực của mình. Vì thế, cử chỉ thanh lịch có nghĩa là sức lực trong trạng thái nghỉ ngơi. Có chuyện kể lại rằng, trong lúc đánh cướp La Mã, những người Gaul (*người Gaulois, tổ tiên của người Pháp, ND*) dã man đã tràn vào Viện Nguyên lão đang họp hội nghị, cả gan kéo râu những nguyên lão đáng kính. Nhưng điều đáng trách ở đây chắc hẳn là những nguyên lão đã thiếu uy nghiêm và sức mạnh của phép tắc lễ

nghi. Trạng thái tinh thần cao thượng thật sự có thể đạt được từ phép tắc lễ nghi hay không? Tại sao không? Tất cả đường đi đều dẫn đến La Mã kia mà!

Tôi xin đưa ra một thí dụ, ngay như một việc đơn giản nhất cũng có thể biến thành một nghệ thuật và trở thành một cách tu dưỡng tinh thần. Đó là Cha-no-yu, tức là nghi thức uống trà. Uống trà là một nghệ thuật a? Không được sao? Trẻ nhỏ vẽ hình trên cát, hay người thời cổ sơ đã khắc hình trên đá. Nghệ thuật của Raphael[2] và Michael Angelo đã nẩy mầm từ đó. Thế thì trà, một loại nước uống bắt đầu với sự trầm tư mặc tưởng của một ẩn sĩ Bà la môn, có quyền phát triển đến chỗ đóng được vai trò phụ trợ cho tôn giáo và đạo đức cũng được chứ.

Tâm thần điềm tĩnh, tình cảm trong sáng, thái độ bình thản, yên lặng là những giá trị căn bản của Cha-no-yu, và đây là những yếu tố cần thiết nhất để có được tư duy và tình cảm đúng đắn. Căn phòng nhỏ sạch sẽ, chu đáo cách biệt với tiếng động và quang cảnh ồn ào, sẽ đưa tư duy của

---

[2] Raphael (1483-1520): Một trong ba họa sĩ vĩ đại người Ý trong thời Phục hưng ở châu Âu (Leonardo da Vinci, Michael Angelo và Raffaello).



người ta thoát khỏi chuyện thế gian. Tranh treo của Nhật trên vách phòng gợi chú ý bằng sự thanh tao của bố cục hơn là bằng vẻ đẹp của màu sắc, không giống như những phòng khách ở Tây phương có vô số tranh ảnh hoặc đồ cổ ngoạn làm người ta say mê. Mục đích ở đây là tìm đến hương vị tinh tế nhất, tránh xa mọi phô trương và mọi sợ hãi tôn giáo.

Một ẩn sĩ thiền tông (*Sen no Rikyu 1522-91, ND*) đã nghiên cứu và tạo ra cách thức cho nghệ thuật uống trà trong thời mà chiến tranh và những lời đồn đại về chiến tranh luôn xảy ra không ngớt. Sự thật ấy đủ để chứng tỏ nghệ thuật này không phải chỉ để tiêu khiển. Trước khi bước vào không gian yên tĩnh quanh phòng uống trà, những người sẽ ngồi sắp hàng trong tiệc trà phải tháo bỏ qua bên những thanh kiếm họ mang theo, cùng với việc đó họ cũng sẽ dứt bỏ tính hung bạo trong chiến trường, trò hèn mọn trong chính trị, để tìm tình bằng hữu và hòa bình ở nơi uống trà này.

Cha-no-yu là một nghệ thuật hơn là một nghi thức, là thơ ca có âm điệu, là động tác nhịp nhàng, cha-no-yu chính là phương pháp thực hành việc tu dưỡng tinh thần. Giá trị lớn lao nhất của cha-no-yu nằm ở điểm sau cùng này. Thế nhưng trong đám người theo "trà đạo" có nhiều người chỉ chú tâm

vào những chi tiết khác không quan trọng. Dẫu thế, điều này không có nghĩa là bản chất của "trà đạo" không có tính cách tinh thần.

Cho dẫu lễ nghĩa chỉ tạo vẻ tao nhã cho động tác, nhưng học tập và ứng dụng được sẽ có ý nghĩa rất lớn và chức năng của nó không chỉ dừng lại ở đây. Động cơ của lễ nghĩa là nhân ái và khiêm nhường. Lễ nghĩa là biểu hiện tao nhã của sự cảm thông, có từ lòng tử tế thông hiểu tình cảm của người khác. Lễ nghĩa đòi hỏi phải buồn với người đang buồn và phải vui với người đang vui. Yêu cầu có tính cách giáo huấn này, khi được rút lại thành chi tiết nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày, sẽ biểu hiện qua những hành vi nhỏ ít được ai chú ý, hoặc nếu bị chú ý thì đó cũng chỉ là hành vi "hết sức buồn cười" như một phụ nữ truyền đạo đã từng sống ở Nhật hai mươi năm nói với tôi. Tỉ dụ trong ngày nắng chang chang, chị đi ra đường mà quên đem dù che nắng; tình cờ có một người Nhật quen đi qua; khi chị chào người đó, người đó trước tiên sẽ giở mũ ra chào lại chị. Chuyện đến đây còn có vẻ tự nhiên; nhưng chuyện "hết sức buồn cười" là trong suốt thời gian người đó đứng nói chuyện với chị, người đó xếp dù lại và cũng đứng trong nắng chang chang cùng với chị. Sao lại ngớ ngẩn thế! Vâng, đúng là ngớ ngẩn. Dĩ nhiên hành động

này thật ngớ ngẩn nếu không phải là: "Chị đứng trong nắng; tôi cảm thông với chị; tôi muốn che cho chị nếu cây dù của tôi đủ rộng, hay nếu chị là người thật quen thân của tôi; nhưng vì tôi không thể che được cho chị nên ít ra tôi cũng muốn được chia sẻ cái khổ của chị". Những hành động nhỏ kiểu này, không, đôi lúc còn buồn cười hơn nữa kìa, không phải chỉ là cử chỉ hay thói quen mà đó cảm giác lo lắng đến sự an vui của người khác, được thể hiện qua hành động.

Tôi xin đưa thêm một trường hợp "hết sức buồn cười" của thói quen chiều theo tiêu chuẩn lễ phép của chúng tôi. Nhiều người viết chỉ quan sát bề ngoài, đơn thuần cho rằng người Nhật có thói quen cái gì cũng nghĩ ngược ngạo. Người ngoại quốc nào khi tiếp cận với thói quen đó đều thú nhận rằng họ cảm thấy lúng túng không biết phải trả lời như thế nào cho hợp lẽ. Ở Mỹ khi anh biếu một vật gì, anh thường hết lòng ca ngợi vật đó trước mặt người nhận, nhưng ở Nhật chúng tôi sẽ nói vật mình biếu chỉ có giá trị thấp kém hay hèn mọn. Người Mỹ nghĩ như thế này: "Đây là món quà xinh đẹp: nếu nó không xinh đẹp thì tôi nào dám tặng anh; vì nếu tặng anh một vật không xinh đẹp thì hóa ra tôi đã khinh thường anh". Ngược lại với điều đó, người Nhật nghĩ như thế này: "Anh là

người thật tốt. Món quà nào dẫu có xinh đẹp đến mây cũng không xứng đáng để được anh nhận. Xin anh nhận món quà này như là một biểu hiện của lòng chân thành của tôi chứ không phải là ở giá trị của nó. Món quà này dẫu có xinh đẹp đến mấy nhưng bảo rằng xứng đáng với anh thì hóa ra tôi đã xem thường anh". So sánh hai ý tưởng này, chúng ta sẽ thấy cả hai ý tưởng cùng qui về một chỗ và cùng giống nhau. Không có bên nào là "hết sức buồn cười" cả. Người Mỹ nói về giá trị vật chất của vật biếu và người Nhật nói về tinh thần của mình trong khi biếu.

Ý thức lễ nghĩa của người Nhật hiện ra ở mỗi hành vi nhỏ nhặt nên nếu chỉ lấy ra chi tiết ít quan trọng nhất và xem đó như là hành vi điển hình để phê phán về bản chất của lễ nghĩa thì đúng đây là lí luận ngược đời. Ăn uống hay giữ đúng lễ ăn uống, việc nào quan trọng hơn. Thánh nhân Trung Quốc (Mạnh Tử) trả lời như sau: "Nếu so sánh người coi việc ăn uống là quan trọng, với một người coi thường lễ nghĩa, thì ta chỉ có thể nói là việc ăn uống là quan trọng hơn". Nói rằng kim loại nặng hơn lông hồng, nhưng đây có phải là câu nói có được khi so sánh một mảnh nhỏ kim loại với một thùng đầy lông hồng hay không? Lấy một miếng gỗ to cỡ bàn chân đặt lên đỉnh tháp, chắc

không có ai nói miếng gỗ cao hơn đỉnh tháp. "Viêc nói thật và việc giữ gìn lễ nghĩa, việc nào quan trọng hơn?". Nếu được hỏi thư thế, người ta cho rằng người Nhật sẽ có câu trả lời trái hẳn với người Mỹ. Tôi xin khất lời bình luận lại ở chương sau khi nói về lòng thành.

Chương VII

CHÂN THẬT VÀ THÀNH THẬT

Thiếu chân thật và thành thật, lễ nghĩa sẽ là diễn kịch và là trò hề. Masamune (*lãnh chúa xứ Sendai, ND*) nói: "Lễ nghĩa quá mức sẽ thành tâng bốc". Một nhà thơ xưa (*Sugawara Michizane, ND*) đã vượt qua cả Polonius[1] khi khuyên rằng: "Nếu lòng ngươi chân thật, không cần cầu nguyện, thần thánh cũng bảo hộ cho ngươi". Sùng bái lòng thành thật, coi đó như một sức mạnh siêu việt sánh ngang với thượng đế, Khổng Tử đã diễn tả trong sách "Trung dung" rằng: "Mọi vật trong thế gian đều bắt đầu từ thành thật và chấm dứt ở thành thật; Thành thật là căn nguyên của mọi vật, không có thành thật, sẽ không có gì cả". Với tài hùng biện, Khổng Tử luận giải thành thật có tính chất lâu dài

---

[1] Polonius: Nhân vật trong bi kịch Hamlet của Shakespeare. Polonius là cha của Ophelia, người yêu của Hamlet. Một trong những câu nói nổi tiếng của Polonius là "To thine own self be true" có nghĩa là "Hãy thành thật với chính mình".



và phạm vi to lớn, có sức mạnh có thể gây biến đổi mà không cần hành động, và cho rằng chỉ cần thành thật thì sẽ đạt được mục đích mà không cần phải cố gắng. Chữ "thành" (thật thà) trong Hán tự, là kết hợp của chữ "ngôn" (lời nói) với chữ "thành" (xong việc) có chỗ giống với chữ Logos (*hoạt động của lí trí được thực thể hóa qua lời nói, ND*) mà phái Tân Platon chủ trương. Khổng Tử đã bay cao như thế đó trong chuyến bay tinh thần có tính phi phàm của mình.

Nói dối hoặc nói tránh được xem như đồng nghĩa với hèn nhát. Võ sĩ giữ địa vị cao trong xã hội, bị đòi hỏi phải có một tiêu chuẩn về thành thật cao hơn thương nhân và nông dân. Bushi no ichigon - "một lời nói của võ sĩ", đúng là đồng nghĩa với từ Ritterwort trong tiếng Đức - là câu nói bảo đảm đầy đủ tính chân thật về nội dung. Lời nói của võ sĩ nặng như núi, những lời hứa chắc chắn được thực hiện nên không cần phải có giấy chứng. Viết giấy chứng là hành vi làm tổn thương tính uy nghiêm của võ sĩ. "Ni-gon" (*hai lời, ND*) có nghĩa nói dối. Có nhiều giai thoại cảm động kể chuyện những võ sĩ đã lấy cái chết để chuộc lỗi "ni-gon" của mình.

Chân thật được coi trọng như thế cho nên khác với phần đông tín đồ Cơ đốc đã không ngớt vi phạm lời chỉ bảo rõ ràng của Chúa rằng không được

thề thốt, một samurai chính hiệu xem việc thề thốt là việc làm tổn thương danh dự của mình. Tôi thừa biết có võ sĩ đã thề trước thần linh hoặc trước thanh gươm của mình nhưng không bao giờ họ có những lời thề có vẻ đùa giỡn hoặc bất kính. Để cho lời thề có ý nghĩa nặng hơn, đôi lúc họ đã dùng máu để viết. Thế nhưng để giải thích chuyện này, tôi mong độc giả tham khảo chuyện Faust[2] của Goethe[3].

Gần đây, nhà văn Mỹ (*Dr. Peery, ND*) đã viết trong sách "The Gist of Japan" ("Chân tướng của Nhật Bản", p.86) của mình. "Nếu hỏi một người Nhật tầm thường điều nào tốt hơn, nói dối hay vô lễ, chắc chắn người đó sẽ không do dự trả lời rằng nói dối". Điều này có phần đúng và cũng có phần không đúng. Đúng vì không phải chỉ có người Nhật tầm thường mà cả samurai chắc cũng trả lời

---

[2] Faust: Faust thất vọng về sự hữu hạn của con người nên đã bán linh hồn cho ác quỷ Mephis. Ác quỷ Mephis kí khế ước với Faust hứa sẽ làm mọi chuyện để Faust thỏa mãn, ngược lại khi đã về cõi chết thì Faust phải làm y những điều mà Mephis đã làm cho Faust. Vì muốn biết và có kinh nghiệm tất cả mọi chuyện nên Faust đã đồng ý. Chuyện Faust đại biểu cho việc thề thốt (có tính cách nhẹ dạ và sôi nổi).

[3] Goethe (1749-1832): Nhà thơ, kịch tác gia, tiểu thuyết gia, khoa học gia... vĩ đại người Đức. Kịch Faust của ông được xem là đỉnh của văn học thế giới.

như thế. Nhưng không đúng ở chỗ Dr. Peery đã dùng chữ falsehood (giả dối) để dịch chữ "uso", chữ này không có ý nghĩa mạnh như thế. Trong tiếng Nhật, "uso" là tiếng được dùng để chỉ một việc không phải là "makoto" (chân thật), hay không phải là "honto" (sự thật). Lowell[4] nói rằng Wordsworth[5] đã không thể phân biệt chân thật với sự thật. Người Nhật tầm thường giống với Wordsworth ở điểm này. Nếu hỏi một người Nhật hoặc một người Mỹ có chút ít học vấn rằng "Anh có ghét tôi không?" hoặc "Anh có đau bụng không?". Chắc chắn người đó sẽ không do dự trả lời dối rằng "Tôi thích anh lắm" hoặc "Không sao cả, cám ơn anh". Nếu vì lễ nghĩa mà phải hi sinh sự chân thật thì đúng đây chỉ là "hư lễ" (*lễ nghĩa hình thức, ND*) và lừa dối bằng những lời ngọt ngào.

Tôi thừa biết là mình đang nói về quan niệm chân thật trong võ sĩ đạo, nhưng có lẽ không sao khi tôi có một vài lời về đạo đức của giới thương nghiệp Nhật Bản. Nhiều sách vở và báo chí ngoại quốc đã than phiền về đạo đức thương nghiệp của

---

[4] Lowell (1855-1916): Nhà văn, nhà toán học, thiên văn học người Mỹ, có nhiều sách viết về tôn giáo, tâm lí, cách hành xử của người Nhật

[5] Wordsworth (1770-1850): Thi sĩ phái lãng mạn người Anh.

người Nhật. Đúng, đạo đức thương nghiệp lỏng lẻo là vết nhơ tồi tệ làm mất thể diện quốc gia. Nhưng trước khi nguyền rủa hoặc vội vã lên án toàn thể người Nhật, hãy bình tĩnh suy xét và nhờ đó chắc chắn sẽ có được sự an ủi trong tương lai.

Trong những nghề nghiệp lớn trên thế gian, không có khoảng cách nào lớn hơn khoảng cách giữa võ sĩ và thương nhân. Thương nhân bị định vị thấp nhất trong phân chia giai cấp sĩ nông công thương. Võ sĩ có thu nhập từ đất đai và có thể say sưa tự mình làm nông nghiệp nghiệp dư, nếu muốn. Nhưng chuyện gảy bàn tính làm buôn bán thì lại ghét. Chúng ta lãnh hội được sự khôn ngoan trong việc sắp đặt trật tự xã hội này. Montesquieu (*tư tưởng gia người Pháp, 1689-1755, ND*) đã nói rõ rằng việc cấm quí tộc làm thương nghiệp là chính sách xã hội rất tốt nhằm ngăn ngừa việc tập trung tài sản vào trong tay những người có quyền lực. Tách rời quyền lực với giàu sang giúp cho việc phân phối tài sản được đồng đều hơn. Giáo sư Dill, tác giả quyển "Xã hội La Mã trong thế kỉ sau cùng của đế quốc phía Tây", cho rằng một trong những nguyên nhân làm cho đế quốc La Mã suy vong là đã cho phép quí tộc làm thương nghiệp gây hậu quả tập trung tài sản và quyền lực vào tay thiểu số nguyên lão và gia đình của họ.

Thương nghiệp của Nhật trong thời phong kiến đã không phát triển cao đến mức độ có thể đạt được nếu được tự do hơn. Nghề này bị mọi người khinh rẻ nên rốt cuộc chỉ tập hợp được những người ít để ý đến những lời gièm pha của thiên hạ. Ở phương Tây có câu nói rằng "Gọi người đó là ăn trộm thì người đó sẽ ăn trộm". Có định kiến không tốt trong cách gọi tên một nghề nào đó thì người theo nghề đó sẽ lần lần có những hành vi tương xứng với định kiến không tốt đó vì như Hugh Black (*nhà thần học người Mỹ gốc Scotland, 1868-1953, ND*) đã nói: "Lương tâm thông thường lên cao đến độ cao được đòi hỏi và dễ dàng rơi xuống đến giới hạn của tiêu chuẩn được mong mỏi, và đó là việc đương nhiên". Không cần phải thêm rằng bất cứ công việc nào, thương nghiệp hay nghề nào khác sẽ không làm được nếu không có qui phạm đạo đức. Thương nhân Nhật Bản trong thời đại phong kiến cũng có qui phạm đạo đức trong cách xử sự với nhau, tuy vẫn còn ở trong trạng thái phôi thai, nếu không thì những chế độ căn bản như tổ chức đoàn thể cùng nghề, ngân hàng, sở giao dịch, bảo hiểm, ngân phiếu, hối đoái chẳng bao giờ phát triển được. Thế nhưng trong liên hệ đối với những người khác nghề, thương nhân có cách cư xử không tốt đúng như đã bị chỉ trích.

Trong tình trạng đó, khi quốc gia mở cửa buôn bán với ngoại quốc, chỉ có những thương nhân mạo hiểm hoặc thiếu thận trọng mới đua nhau ra cảng, trong khi đó những thương gia được tin cậy từ xưa đã từ chối mở chi nhánh buôn bán, mặc dầu đã được giới thẩm quyền yêu cầu nhiều lần. Vậy thì võ sĩ đạo đã bất lực trong việc ngăn chặn dòng chảy thương nghiệp thiếu danh dự này sao? Thử nhìn xem.

Những người hiểu rõ lịch sử Nhật Bản sẽ lưu ý rằng chế độ phong kiến đã bị bãi bỏ chỉ vài năm sau khi Nhật Bản mở cửa mậu dịch. Cùng lúc đó, samurai cũng bị mất bổng lộc (*trong khoảng 1873-1876, ND*), thay vào họ được cho quốc trái và được tự do dùng quốc trái đầu tư trong thương nghiệp. Bạn có thể hỏi rằng: "Tại sao những samurai này không đem sự thành thật mà họ hãnh diện vào trong những liên hệ sự nghiệp mới và quét sạch thói xấu từ trước đến nay trong thương nghiệp". Phần lớn họ là những võ sĩ thanh cao và thẳng thắn. Trong lãnh vực công thương nghiệp mới không quen, họ đã không có đủ tài trí đương đầu với bọn thương nhân khôn ngoan trong việc thương lượng, canh tranh nên đã gây ra nhiều thất bại to lớn không hồi phục được. Vận mệnh của họ, kẻ có mắt nhìn, khóc mấy cũng không đủ, kẻ có

lòng cảm động, có đồng tình đến mấy cũng không đủ. Một quốc gia công nghiệp như Mỹ, cũng có đến tám mươi phần trăm người làm kinh doanh bị thất bại nên chẳng có gì lạ khi chỉ có một trong một trăm samurai làm thương nghiệp thành công trong cái nghề mới này. Tóm lại, việc thử ứng dụng võ sĩ đạo vào trong công việc thương mại đã làm mất mát nhiều tài sản, và cần một khoảng thời gian dài mới có thể biết rõ được là bao nhiêu, nhưng người có óc quan sát sẽ hiểu ngay là con đường làm giàu không phải là con đường danh dự. Vậy họ khác nhau ở chỗ nào?

Lecky (*sử gia người Ireland, 1838-1903, ND*) liệt kê ba yếu tố thúc đẩy người ta phải thành thực là: Yếu tố kinh tế, yếu tố chính trị và yếu tố triết học. Yếu tố thứ nhất hoàn toàn không có trong võ sĩ đạo. Yếu tố thứ hai đã không phát triển được trong xã hội chính trị dưới chế độ phong kiến. Chân thật đã có được địa vị cao trong danh mục đạo đức quốc dân là nhờ ở tính triết học của nó, và như Lecky nói, và nhờ ở biểu hiện tối cao của nó. Với tất cả lòng thành kính đối với đạo đức thương nghiệp cao của dân tộc Anglo-Saxon, tôi đã hỏi lí do và được trả lời rằng: "Chân thật là chính sách tốt nhất". Nghĩa là "chân thật sẽ được đền bù xứng đáng". Vậy, đức tính này chính nó là thù lao phải

không? Nếu đức tính "chân thật" đem đến nhiều tiền bạc hơn giả dối thì tôi sợ rằng võ sĩ đạo có lẽ đã chìm đắm trong giả dối!

Nếu võ sĩ đạo không chấp nhận nguyên lý "vật trả vật" thì những thương nhân khôn lanh sẽ nhanh nhẹn thừa nhận nguyên lý này. Lecky rất đúng khi nói rằng đức tính thành thật trở thành phổ biến nhờ thương công nghiệp. Nietzsche cho rằng chân thật là đức tính non trẻ nhất, nói cách khác, chân thật là con nuôi của kĩ nghệ hiện đại. Không có mẹ nuôi, chân thật như là trẻ mồ côi cao quí chỉ có thể được nuôi dưỡng trong lòng của những người được giáo dục huấn luyện đầy đủ nhất. Lòng chân thật rất phổ thông trong samurai. Nhưng vì thiếu người mẹ nuôi là kĩ nghệ cận đại có tính bình dân và thực dụng cho nên đứa trẻ ngây thơ không quen việc đời này không trưởng thành được. Khi kĩ nghệ phát đạt, thành thật sẽ là đức tính vừa dễ, hay nói đúng hơn là đức tính có lợi khi thực hành. Hãy nghĩ đến việc - vào tháng 11 năm 1880, thủ tướng nước Đức, Bismarck đã phát huấn lệnh truyền tay đến các vị lãnh sự của đế quốc, cảnh cáo rằng "Thật đáng tiếc khi hàng hóa chất trong tàu Đức không có đủ độ tin cậy rõ ràng cả về chất lượng lẫn số lượng". Nhưng nay, chúng ta tương đối ít có dịp nghe về sự bất cẩn hoặc sự thiếu thành thật của thương nhân



Đức. Hai mươi năm qua, cuối cùng thương nhân Đức đã học được rằng thành thực đã được đền bù xứng đáng. Thương nhân Nhật cũng đã hiểu được điều này. Liên quan đến điều này, tôi xin giới thiệu với độc giả hai tác giả với hai quyển sách vừa xuất bản (*Knapp với quyển "Feudal and Modern Japan" và Ransome với quyển "Japan in Transition", ND*) để có được nhận xét xác đáng. Đặc biệt về việc nói rằng thương nhân khi làm giấy mượn tiền đã ghi là sẽ xem trọng danh dự và thành thực, và đó là cách bảo đảm chắc chắn nhất. Trên giấy thường ghi là "Nếu chểnh mảng trong việc trả nợ, tôi sẽ không phản đối việc bị chế nhạo trước quần chúng", hoặc là "Nếu tôi không trả lại được, hãy chửi tôi là đồ trâu bò".

Đôi lúc tôi nghi ngờ không biết thành thật có động cơ nào cao hơn dũng khí hay không? Vì không có lời cảnh cáo tích cực nào đối với việc lập bằng chứng giả mạo nên nói dối không bị phạt như là một cái tội mà chỉ bị bài bác coi đó là sự yếu đuối, như một việc đáng xấu hổ. Đúng là khái niệm thành thật có liên quan mật thiết đến danh dự, và trong tiếng La tinh và tiếng Đức hai từ này có cùng ngữ nguyên với nhau. Đã đến lúc tôi cần phải khảo sát về "Danh dự" trong võ sĩ đạo.

Chương VIII

DANH DỰ

Ý thức danh dự bao gồm tự giác rõ rệt về giá trị và sự tôn nghiêm của nhân cách, phải là đặc tính của võ sĩ, được giáo dục phải xem trọng nghĩa vụ và đặc quyền gắn liền với chức nghiệp của mình. "Danh dự", được dùng để dịch chữ "honour", không phải là tiếng thông dụng. Khái niệm của nó được diễn tả bằng những từ ngữ như "na" (tên tuổi), "menmoku" (thể diện), "gaibun" (tiếng tăm). Những danh từ này khiến chúng ta liên tưởng đến chữ "name" (tên) được dùng trong Kinh thánh, chữ "personality" (nhân cách) tiến hóa từ chữ "mặt nạ" của Hy Lạp, và chữ "fame" (danh tiếng). Tiếng tốt - danh tiếng của một người, là "phần bất diệt của người đó, mất phần này, người ta tựa như loài cầm thú". Đương nhiên, mọi xúc phạm đối với lòng ngay thẳng đều gây ra cảm giác xấu hổ, và cảm giác xấu hổ (Renchishin) được nuôi dưỡng sớm nhất trong giáo dục thiếu nhi. "Thiên hạ cười mày đấy", "Nhục thật", "Mày

không biết xấu hổ à" là những câu trách mắng sau cùng, nhằm khuyên trẻ sửa sai hành động của mình. Khơi dậy lòng biết trọng danh dự của trẻ như thế này đã chạm vào chỗ nhạy cảm nhất trong lòng trẻ, như thể trẻ đã được nuôi dưỡng trong danh dự từ khi còn là thai nhi trong bụng mẹ. Cảm giác danh dự là cảm ứng từ lúc còn là thai nhi, gắn bó mạnh mẽ với ý thức gia đình. Balzac (*nhà văn người Pháp, 1799-1850, ND*) nói rằng: "Sự mất liên đới trong gia đình đã làm cho xã hội mất đi sức mạnh cơ bản mà Montesquieu gọi là danh dự". Thật vậy, ý thức xấu hổ, theo tôi, là dấu hiệu sớm nhất trong ý thức đạo đức của nhân loại. Nhân loại đã ăn trái cấm và bị phạt, nhưng theo tôi, hình phạt đầu tiên và tồi nhất không phải là đau đớn trong việc sinh nở, cũng không phải là đau đớn do chông gai gây ra, mà là việc ý thức được cảm giác xấu hổ. Ít có chuyện nào trong lịch sử cảm động hơn chuyện bà mẹ đầu tiên của nhân loại (Eve) tay cầm kim thô, run rẩy vá từng lá sung mà người chồng đau buồn đã bẻ cho bà. Kết quả của việc bất phục tùng đầu tiên này ngoan cố bám chặt chúng ta hơn bất cứ vật nào. Tất cả kỹ thuật may vá của nhân loại cũng không thể nào thành công trong việc may được một tạp dề che dấu có hiệu quả cảm giác xấu hổ

của chúng ta. Arai Hakuseki (1657-1725) đúng, khi từ chối hạ mình nhượng bộ trước một việc xấu hổ nho nhỏ khi còn trẻ, vì theo ông, "Xấu hổ giống như vết thương trên thân cây, thời gian không làm nó mất mà chỉ làm cho nó lớn rộng ra thôi". Carlyle nói rằng: "Xấu hổ là mảnh đất của mọi đức tính, của hành vi tốt đẹp và phẩm hanh tốt đẹp". Trước đó khoảng hai ngàn năm, Mạnh Tử cũng có một câu nói tương tự như thế.

Tuy không có tài hùng biện bằng Shakespeare qua cái miệng của nhân vật Norfolk (*nhân vật trong vở kịch "Vua John", ND*), nhưng văn học Nhật Bản đã treo nhục nhã lên trên đầu võ sĩ như cây kiếm Damocles[1] vì võ sĩ quá sợ nhục nhã và lòng lo sợ này thường đượm tính chất bệnh hoạn. Lấy tiếng là vì danh dự, võ sĩ có nhiều hành vi vi phạm những điều không thể biện minh được theo

---

[1] Damocles: Nhân vật trong chuyện thần thoại Hi Lạp. Damocles nghĩ vua Dionysius sống giàu sang và hạnh phúc nên đã ước mong được như nhà vua. Nhà vua đã đồng ý để cho Damocles thay mình ngồi ở ngai vàng trong một ngày. Tối có tiệc, khi tiệc sắp hết, Damocles nhìn lên trên thì thấy trên đầu mình có một thanh gươm được treo lửng lờ bằng một sợi chỉ có thể bị đứt vào bất cứ lúc nào (ám chỉ tình cảnh lúc nào cũng phải lo sợ). Damocles kinh hoàng, vội và xin được rời khỏi ngai vàng và không còn muốn được giàu sang, hạnh phúc như vua Dionysius nữa.



qui tắc của võ sĩ đạo. Chỉ vì bị nhục, dầu hết sức nhỏ, nói đúng ra, nhiều khi chỉ bị nhục do tưởng tượng, người nóng nảy, phách lối có thể sẽ nổi giận, rút kiếm gây ra những cãi cọ vô ích và nhiều khi giết mất cả những người vô tội. Chuyện một thường dân tốt bụng, đã chỉ cho một samurai biết có con rận đang bung mình trên lưng anh ta, người thường dân liền bị chém đứt làm đôi, chỉ vì lí do đơn giản và kì quái là rận là giống kí sinh sống trên mình thú vật nên nói có rận có nghĩa là xem võ sĩ cao quí đồng hạng với thú vật, và đó là điều sỉ nhục không thể tha thứ được. Làm sao tin được câu chuyện quá nông nổi như thế này. Việc lưu hành một câu chuyện như thế này có ba ẩn ý. Thứ nhất, chuyện được bày ra để làm cho thường dân run sợ. Thứ hai là nói rằng võ sĩ đã thực sự lạm dụng chức nghiệp danh dự của mình. Thứ ba, cảm giác xấu hổ đã trở nên quá lớn mạnh trong thế giới võ sĩ. Nêu một tỉ dụ bất thường rồi phê phán võ sĩ đạo, điều đó rõ ràng không công bình. Giống như lấy việc sát hại kẻ dị đoan (*tòa án tôn giáo của nhà thờ Cơ đốc, ND*) và hành vi ngụy thiện, sản phẩm của sự cuồng tín và lòng tin thái quá ra để phê phán những lời dạy thật sự của Christ. Thế nhưng, dù cho là cuồng tín tôn giáo đi nữa, khi so sánh với trạng thái mê sảng của kẻ say rượu, có một điều gì

đó cao quí, cảm động. Giống như thế, trong cảm giác cực đoan của võ sĩ đối với danh dự của bản thân, chúng ta không nhận ra cơ sở của một đức tính chân thật hay sao?

Qui phạm kĩ càng và gắt gao về danh dự dễ rơi vào trạng thái quá độ có tính bệnh hoạn. Nhằm ngăn chặn điều đó, võ sĩ được khuyên răn phải có lòng khoan dung và tính nhẫn nại. Chỉ vì bị khiêu khích đôi chút mà đã nổi giận sẽ bị cười là "có tính nóng nảy". Có câu cách ngôn rằng "Chịu nhịn những điều không thể nhịn được mới đúng là chịu nhịn". Người võ sĩ vĩ đại, Ieyasu (*Tokugawa Ieyasu 1542-1616, ND*) đã để lại cho hậu thế nhiều câu cách ngôn trong đó có câu: "Đời người giống như đi trên đường xa, vai mang gánh nặng. Không nên hấp tấp... nhẫn nại là gốc của vô sự trường cửu... đừng trách người mà hãy trách ta". Suốt đời mình, ông đã chứng minh những điều mình đã khuyên bảo. Một nhà thơ hài hước đã để cho miệng của ba samurai trứ danh trong lịch sử châm biếm tính tình của mình. Với Nobunaga, nhà thơ cho Nobugana (1534-82) nói: "Ta sẽ giết nếu chim cúc cu đến giờ gáy mà không gáy". Với Hideyoshi (1536-98): "Nếu chim cúc cu không gáy, ta sẽ bắt nó gáy". Với Ieyasu: "Nếu chim cúc cu không gáy, ta sẽ đợi cho đến lúc nó gáy".

Mạnh Tử khuyến khích mạnh mẽ tính nhẫn nại và chịu đựng. Có chỗ ông viết về việc này: "Dẫu anh có tự lột trần truồng để lăng mạ tôi, nhưng anh là anh, tôi là tôi. Sự lăng mạ của anh không thể làm nhơ nhớp tâm hồn tôi". Ông còn dạy rằng: "Bậc quân tử không nên giận những chuyện nhỏ. Giận vì việc lớn mới là cái giận chính đáng".

Từ những câu nói của nhiều võ sĩ, ta có thể thấy võ sĩ đạo đã cố tìm cách đạt đến mức nhu hoà cao độ, không chiến đấu, không chống đối. Tỉ dụ như lời nói của Ogawa (1649-96): "Người khác có nói xấu ngươi bao nhiêu đi nữa, đừng dùng lời nói xấu trả lại mà tốt hơn là nên tự kiểm lại mình, xem mình đã hết lòng trung thực trong việc thi hành nhiệm vụ hay chưa". Một người khác, ông Kumazawa (1619-91) đã nói rằng: "Người khác có trách ngươi, đừng trách lại họ; người khác có giận ngươi, cũng đừng giận lại họ. Dứt bỏ dục vọng và giận hờn thì lòng mình mới luôn được vui tươi". Thêm một tỉ dụ nữa, đó là di huấn của Saigo (1827-77), người có cái trán cao đến độ bị nói là "Xấu hổ cũng thấy xấu hổ không muốn ngồi lên trên": "Đạo là đạo của thiên địa tự nhiên; con người hành đạo cho nên phải đặt mục đích của đời mình là tôn kính thượng đế. Vì thượng đế thương ta và thương

người như nhau; nên ta cũng phải thương người khác như thương mình. Không phải là con người mà chính thượng đế là đối tượng mà ta phải hết lòng hết dạ. Đừng bao giờ phiền trách ai; phải luôn luôn tự hối rằng mình chưa đủ lòng thành". Những câu nói này khiến chúng ta liên tưởng đến giáo huấn của đạo Cơ đốc, và điều này cho chúng ta thấy về mặt đạo đức thực tiễn, tôn giáo thiên nhiên có thể tiếp cận với tôn giáo thiên khải (Reveled religion). Những lời nói trên không phải chỉ là những lời nói suông, mà là những lời nói được cụ thể hoá trong hành động thực tế.

Phải nhìn nhận rằng rất ít người có những đức tính như khoan dung, nhẫn nại và tha thứ ở mức độ cao siêu. Và đáng buồn thay không có cái gì rõ ràng và tổng quát được diễn tả như là cái cấu thành danh dự của võ sĩ. Chỉ có một số ít người có trí đức cao siêu biết rằng danh dự không phải là "thứ do hoàn cảnh tạo ra" mà là thứ có được khi mỗi cá nhân làm tốt phận sự của mình. Vì đối với thanh niên bận rộn với công việc, không có việc gì dễ hơn việc quên những điều mà mình đã học được từ Mạnh Tử trong thời thơ ấu êm đềm. Mạnh Tử đã nói: "Ai cũng có lòng yêu danh dự. nhưng ít ai nghĩ rằng danh dự thật sự nằm ở trong lòng mình, không ở đâu khác. Danh dự mà người khác



ban cho không phải là danh dự thật sự. Người được Triệu Mạnh phong tước cao quí, có thể sẽ bị Triệu Mạnh làm cho trở thành hèn hạ". Trong nhiều trường hợp, lăng mạ sẽ bị phản ứng ngay bằng phẫn nộ và bị báo thù bằng cái chết, như sẽ thấy ở phần sau. Ngược lại, danh dự đôi khi chỉ là hư vinh hoặc một vài lời bình phẩm tốt của người đời, nhưng thường được quí trọng, xem đó như là việc tốt nhất trong cuộc đời. Mục tiêu mà đa số thiếu niên nhắm tới, không phải là sự giàu có, cũng không phải là trí thức, mà là danh dự. Thiếu niên lập chí, bỏ nhà ra đi thường thề rằng nếu không thành danh, dẫu chết cũng sẽ không trở về nhà; và nhiều bà mẹ háo danh nhất định không chịu gặp con trừ phi con "mặc áo gấm về nhà". Để tránh xấu hổ hay để có được danh phận, những samurai trẻ tuổi có thể chấp nhận cuộc sống thiếu thốn, sẵn sàng chịu đựng mọi khổ đau về tinh thần và thể xác. Họ biết rằng danh dự có được trong thời niên thiếu sẽ trưởng thành cùng với tuổi tác. Trong trận công hãm thành Osaka (*Osaka fuyu no jin: trận đánh vào mùa đông ở Osaka, ND*), một người con trai còn trẻ của Ieyasu (*Tokugawa Yorinobu, ND*) đã hết lòng van nài xin được nhập đội tiên phong, nhưng đã bị đưa vào đội hậu vệ. Khi thành địch bị đánh vỡ, chàng trai trẻ hết sức buồn bã và đã khóc

cay khóc đắng nên một lão gia thần đã cố an ủi và khích lệ chàng ta: "Xin ngài an lòng. Tương lai còn dài. Những năm sắp đến, còn có nhiều cơ hội để lập danh". Cậu bé quắc mắt nhìn lão gia thần rồi nói: "Sao ông lại nói chuyện ngu si như vậy! Tuổi 14 của tôi có quay lại được không nào?". Dầu có mất mạng cũng không tiếc nếu có được danh dự và tiếng tăm. Vì thế cho nên khi có một lí do nào đó được xem như là quan trọng hơn tính mạng, võ sĩ sẽ hết sức bình thản, sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình .

Trong những lí do dẫu có hi sinh tính mạng cũng không tiếc, có nhiệm vụ trung thành đối với chúa quân. Trung nghĩa là nền móng tạo ra phong cách cân đối cho đạo đức phong kiến.

Chương IX

TRUNG NGHĨA

Đạo đức phong kiến có nhiều đức tính giống với những hệ thống đạo đức khác, với những giai cấp khác ngoài võ sĩ. Nhưng đức tính phục tùng và trung thành đối với người trên rõ ràng có đặc sắc. Tôi cũng biết rằng trung thành là đức tính có ở nhiều thứ người, trong nhiều hoàn cảnh. Tỉ dụ, đám móc túi cũng có bổn phận phải trung thành đối với thủ lãnh của mình; thế nhưng trong phạm vi liên quan đến danh dự của võ sĩ, trung thành là đức tính được coi trọng vào bật nhất.

Mặc dù Hegel[1] (*trong "Philosophy of History (Triết học của lịch sử)", bản dịch tiếng Anh của Sibree*) đã phê bình rằng sự trung thành của bồi thần phong kiến là nghĩa vụ đối với một cá nhân,

---

[1] Hegel (1770-1831): Triết gia duy tâm luận người Đức có nhiều tác phẩm có ảnh hưởng sâu rộng đến những văn nhân và triết gia đời sau trong đó có Mark, Nietzsche, Sartre v.v.

không phải là nghĩa vụ đối với quốc gia nên đó là qui phạm được xây dựng trên những nguyên lí hoàn toàn trái với công lí. Người đồng hương vĩ đại của ông, Bismarck lại hãnh diện bảo rằng lòng trung thành đối với cá nhân là đức tính của người Đức. Bismarck có đủ lí do để nói như vậy. Lòng trung thành mà Bismarck hãnh diện không phải là đức tính chỉ có ở tổ quốc của ông ta hoặc chỉ có ở một dân tộc hay một quốc gia nào đó, mà mĩ đức của kị sĩ đạo này đã tồn tại mãi đến sau này trong nhân dân của một quốc gia có chế độ phong kiến tồn tại lâu dài nhất. Ở Mỹ nơi mà "mọi người đều bình đẳng với nhau" và người Ireland còn thêm vào là "và cùng tốt hơn nhau", quan niệm trung thành cao độ đối với quân chủ của người Nhật tuy có thể được xem như tuyệt hảo trong một giới hạn nào đó, nhưng việc khuyến khích có trong nhân dân chúng tôi có lẽ sẽ bị xem như phi lí. Xưa kia, Montesquieu đã than rằng lẽ phải ở bên này núi Pyrenees lại là điều trái ở phía bên kia núi, và vụ án Dreyfus[2] gần đây không những đã chứng minh rằng Montesquieu nói đúng mà còn cho thấy

---

[2] Dreyfus: Đại úy phao binh người Pháp gốc Do Thái, bị bắt vào tháng 10 năm 1884 do bị tình nghi đã bán tài liệu mật về quân sự cho tòa công sứ của Đức ở Paris. Tòa án quân sự kết án tước chức và đày Dreyfus sang Guinea. Sau đó mới biết đây la án oan vì thật ra



rặng Pyrenees (*rặng núi ở biên giới giữa Pháp và Tây Ban Nha, ND*) không phải là ranh giới duy nhất đối với lẽ phải của xứ Pháp. Giống như vậy, quan niệm về trung nghĩa có ở người Nhật có thể không được những người nước khác tán thưởng. Nhưng đây không phải vì quan niệm của chúng tôi sai, mà có lẽ , tôi sợ rằng, vì đã bị quên, hoặc là vì quan niệm mà chúng tôi có đã lên đến độ cao không nước nào khác đạt tới được. Griffis (*người viết lời giới thiệu quyển sách này, trong "Religions of Japan", ND*) hoàn toàn đúng khi bảo rằng ở Trung Quốc Nho giáo xem hiếu hạnh là nghĩa vụ thứ nhất của con người. Ở Nhật, trung quân chiếm vị trí thứ nhất này. Tôi xin kể ra đây một chuyện có lẽ sẽ làm độc giả kinh hoàng hoặc cảm thấy ghê tởm, câu chuyện của một trung thần, như Shakespeare nói "Người đã chịu đựng gian khổ, phò chúa suy vong" và nhờ đó đã "để lại được tên mình trong câu chuyện".

---

thủ phạm là một thiếu tá lục quân khác. Nhưng do ảnh hưởng của tư tưởng bài Do Thái nên lục quân nhất định không công nhận Dreyfus vô tội. Dư luận của Pháp lúc đó chia làm hai một bên bênh vực lục quân, một bên chống đối, tranh cãi nhau dữ dội. Dư luận thế giới cũng lên tiếng phê phán lục quân Pháp. Cuối cùng (năm 1906) tòa án Pháp đã xử lại và công nhận Dreyfus vô tội.

Câu chuyện liên quan đến Michizane (845-903), một nhân vật trong lịch sử Nhật Bản. Bị địch thủ chính trị ghen ghét và vu cáo, Michizane bị tội đày phải rời kinh đô. Dẫu vậy, vẫn chưa được thỏa mãn, kẻ địch tàn nhẫn đã tìm cách tiêu diệt cả gia đình nên đã cho người đi khắp mọi nơi tìm đứa con còn thơ ấu của ông ta. Cuối cùng, địch đã phát hiện đứa trẻ đang được Genzo, một cựu thần của Michizane bí mật giấu trong một trường làng, nên đã ra lệnh cho Genzo phải dâng thủ cấp của đứa trẻ. Nhận được mệnh lệnh, Genzo đã nghĩ ngay đến việc đi tìm một đứa trẻ khác thay thế cho chủ mình. Genzo lật danh sách trẻ đến trường, nhìn kĩ từng đứa, nhưng bọn trẻ nhà quê không có đứa nào giống với ấu chúa. Ông ta đã thất vọng, nhưng, chỉ trong khoảnh khắc. Vừa lúc đó có một bà mẹ dáng người cao quí dẫn một đứa trẻ đến xin nhập học. Đứa trẻ mới đến có cùng dáng dấp và tuổi tác với ấu chúa.

Bà mẹ và chính đứa con đã biết rõ là mình giống hệt với ấu chúa. Cả hai đã đến trước bàn thờ gia đình cầu nguyện, và đã thầm kín quyết định. Đứa con sẽ dâng mạng mình và bà mẹ sẽ dâng lòng mình. Nhưng không có một dấu hiệu nào hiện lên trên sắc mặt của họ. Ông thầy đã đưa ra đề nghị mà không hề biết những chuyện gì đã xảy ra giữa họ.

Đúng là đã bắt được con vật hi sinh! Xin được kể vắn tắt phần còn lại. Đúng ngày đã định, một viên quan được phái đến khám nghiệm và nhận thủ cấp. Viên quan có bị lừa bằng một thủ cấp giả không? Genzo đáng thương đã đặt tay mình lên cán gươm, sẵn sàng tuốt gươm chém viên quan hoặc phải đâm vào thân mình nếu việc bị bại lộ. Quan khám nghiệm nâng thủ cấp ghê rợn ở trước mặt mình lên, tỉ mỉ quan sát từng đặc điểm, rồi thong thả, với một giọng nói hành chánh, tuyên bố là thủ cấp thật. Đêm đó, trong căn nhà xa ngoài thôn xóm, bà mẹ mà chúng ta thấy ở trường học đang ngồi chờ. Bà có biết vận mệnh của đứa con mình không? Bà ta chăm chăm nhìn cánh cửa, chờ cánh cửa mở, nhưng không phải vì đợi con mình về. Cha chồng của bà đã được Michizane ban ơn trong một thời gian dài, nhưng từ khi Michizane bị đày, hoàn cảnh đã bắt buộc chồng bà phải phò kẻ địch của ân nhân. Chồng bà không thể gây chuyện bất trung với chủ nhân tàn nhẫn của mình, nhưng con mình thì có thể phục vụ cho chúa quân của tổ tiên mình. Là người quen biết với gia đình của kẻ bị đày nên người chồng đã được tin tưởng giao cho công việc xác nhận thủ cấp. Và, khi đã hoàn thành công việc đau khổ trong ngày, không, trong đời mình, người chồng trở về nhà và khi vừa bước qua ngạch cửa,

người chồng đã gọi vợ, nói rằng: "Mình ơi, vui lên đi nào. Con mình đã làm được việc có ích!"

"Chuyện sao mà tàn khốc quá!". Tai tôi như nghe được tiếng độc giả kêu la. "Cha mẹ sao lại có thể bình thản hi sinh đứa con vô tội của mình để cứu sinh mạng của kẻ khác!" Nhưng chính đứa trẻ này biết rõ điều này và mong muốn được hi sinh. Đây là câu chuyện nói về việc chết thay, không khác gì với chuyện nói về việc Abraham[3] định đưa con mình, Isaac, ra hi sinh, nên cũng không có gì đáng ghét hơn. Cả hai trường hợp đều là hành vi tuân theo tiếng gọi của nghĩa vụ, chấp nhận mệnh lệnh của tiếng nói từ chỗ cao hơn. Tiếng nói của thiên sứ mắt thường thấy được hay không thấy được, hoặc là tiếng nói nghe được bằng lỗ tai của thể xác hay bằng lỗ tai ở trong lòng; nhưng tôi xin được miễn bàn tiếp về vấn đề này.

Cá nhân chủ nghĩa của Tây phương thừa nhận lợi ích riêng biệt giữa cha con, chồng vợ cho nên

---

[3] Abraham: (Cựu ước Thánh kinh) Theo lệnh của Thượng đế, Abraham đã quyết đem con mình là Isaac ra làm vật tế thần. Abraham lên núi Moria, trói Isaac để trên giàn lửa và châm lửa. Thượng đế nhìn nhận lòng tín ngưỡng của Abraham là thật sự nên đã dập tắt lửa và ra lệnh dừng việc tế sống Isaac. Thay vào đó Thượng đế đã cho một con dê để làm vật tế thần.



nghĩa vụ đối với người khác tất nhiên sẽ nhẹ đi rất nhiều. Nhưng võ sĩ đạo xem lợi ích của gia tộc và thành viên là một, không thể chia riêng ra được. Lợi ích này gắn liền với tình thương yêu gia đình, vừa có tính tự nhiên, vừa có tính bản năng, không thể chống đối được. Từ đó, nếu chúng ta có thể chết cho người mà chúng ta yêu với tình yêu tự nhiên (ngay như thú vật cũng có tình yêu này), thì đó là gì? "Vì dẫu anh có yêu người yêu mình, có báo đáp nào dành cho anh không? Dẫu là quan thu thuế đi nữa, anh không làm y như mọi người hay sao?".

Trong sách "Nhật Bản ngoại sử" đồ sộ của mình, bằng những lời nói cảm động, San-yo (1780-1832) đã kể lại nỗi thống khổ của Shigemori (1138-79) liên quan đến hành động phản nghịch của người cha. "Nếu trung quân ta sẽ thành bất hiếu, nếu hiếu hạnh ta sẽ trở nên bất trung". Shigemori thật đáng tội nghiệp. Sau đó, Shigemori đã cầu nguyện thượng đế, được chết để thoát khỏi trần thế nơi sự thuần khiết và chính nghĩa không có chỗ ở.

Giống như Shigemori, từ xưa cũng đã có nhiều người bị xé nát con tim vì sự xung đột giữa nghĩa vụ và tình cảm. Thật ra, trong Kinh Cựu ước

cũng như trong Shakespeare không có câu văn hay từ ngữ nào tương đương có thể dịch được tự vựng "hiếu thảo", khái niệm về sự tôn kính của con cái đối với cha mẹ, và một khi sự xung đột như thế xảy ra, võ sĩ đạo nhất định sẽ không do dự mà chọn lấy "trung". Phụ nữ cũng nghĩ như vậy, cũng xúi giục con cái mình hi sinh tất cả cho chủ tướng. Vợ của võ sĩ cũng quả quyết không kém gì góa phụ Windham[4] và người chồng nổi tiếng của bà, sẵn sàng hiến dâng con của mình để giữ tròn đạo trung.

Như Aristotle và một vài học giả xã hội học cận đại đã nói, võ sĩ đạo nghĩ rằng quốc gia có trước cá nhân, cá nhân được sinh ra như một phần, một bộ phận của quốc gia, nên cá nhân phải sống hoặc chết cho quốc gia hay cho người cầm quyền có quyền lực hợp pháp. Những độc giả của "Crito" chắc sẽ nhớ lại chuyện Socrates đã đóng vai luật

---

[4] Windham: Bồi thần của vua Charles I (Anh quốc). Trong nội chiến 1642-1648 (giữa quân đội của nhà vua và quân đội của nghị viện) quân của nhà vua đã bị quân của nghị viện do Cromwel thống lãnh đánh bại, bồi thần Windham và ba người con trai đều tử trận. Tuy mất cả chồng và con, nhưng trước lời an ủi của mọi người, vợ của Windham vẫn nói là nếu còn có con thì bà sẽ sẵn sàng dâng con mình cho nhà vua.

pháp của thành Athena, tranh cãi với Crito[5] về vấn đề đào tẩu của mình. Ông đã để cho luật pháp nói: "Vì mày được sinh ra và nuôi nấng dưới tao (luật pháp hoặc quốc gia), mày hoặc tổ tiên mày có dám nói không phải là con cái hay không phải là tôi tớ của tao không?". Chúng tôi hoàn toàn không cảm thấy có cái gì bất thường ở những dòng chữ này, vì võ sĩ đạo đã nói những việc giống như vậy từ lâu. Chỉ khác một chút là ở nước Nhật, luật pháp và quốc gia được tiêu biểu bằng một nhân cách. Trung nghĩa là đức tính được sinh ra từ lí luận chính trị như thế đó.

Không phải tôi không biết Spencer đã nói rằng sự phục tùng chính trị, ở đây là trung nghĩa, được dành riêng cho chức năng có tính quá độ (*trong "Priciples of Ethics", vol.I, pt. ii, ch. X*) . Có lẽ đúng như thế. Nhưng "đức của một ngày đủ cho ngày đó". Chúng tôi thỏa mãn với ý nghĩa đó và sẽ lập lại bao nhiêu lần cũng được. Đối với chúng tôi, một ngày ở đây là một khoảng thời gian dài và quốc ca chúng tôi đã có câu hát cho rằng nó dài đến độ "đá cuội thành đá núi phủ đầy rêu".

[5] Crito: người bạn giàu có của Socrates. Crito đã chuẩn bị tiền bạc định giúp Socrates trốn khỏi ngục, nhưng Socrates đã không đồng ý.

Liên quan đến vấn đề này, gần đây ông Boutmy, công dân của nước Anh, một nước có tiếng là dân chủ, đã nói: "Tình cảm trung thành của một cá nhân đối với một người và con cháu của người đó, là tình cảm mà tổ tiên của cá nhân đó, ở đây là dân tộc German, đã cảm thấy đối với những thủ lãnh của họ, tình cảm này ít nhiều được truyền nối và đã trở thành lòng trung thành sâu xa đối với dân tộc và dòng dõi của chúa quân, được biểu lộ qua sự ái mộ đặc biệt đối với hoàng tộc".

Spencer lại còn tiên đoán rằng sự phục tùng về chính trị rồi sẽ nhường chỗ cho trung nghĩa do mệnh lệnh của lương tâm. Tỉ dụ như suy luận của Spencer có đúng đi nữa, liệu trung nghĩa và bản năng tôn kính có từ đó, có bị biến mất vĩnh viễn không? Chúng ta chuyển lòng trung thành đối với chúa quân mà chúng ta phục tùng đến một chúa quân khác, mà vẫn có thể giữ được lòng thành đối với cả hai: từ việc là thần dân của kẻ thống trị nắm quyền hành thế tục, chúng ta trở thành kẻ nô bộc của quân chủ ngồi trên ngôi vua trong thâm cung của trái tim. Cuộc tranh luận ngu si vài năm trước của các môn đồ lầm đường của Spencer, đã làm cho giới độc giả Nhật Bản hoang mang. Vì quá ủng hộ lòng trung thành bất khả phân đối với quân chủ, những môn đồ này

đã phê phán những tín đồ Cơ đốc là kẻ có khuynh hướng phản nghịch vì đã thề trung thành với chúa. Những người này không có cơ trí của kẻ ngụy biện mà lại bày ra nghị luận như thế là người biết ngụy biện. Những người này thiếu sự tinh tế của học giả mà lại nói quanh co theo kiểu học giả. Bọn họ không biết rằng ở một ý nghĩa nào đó chúng ta có thể cùng một lúc "phục vụ cả hai chúa chứ không phải phụng sự cho chúa này mà coi thường chúa kia". "Hãy trả cho Caesar những cái gì thuộc về Caesar, và cái gì của thượng đế thì hãy nạp lại cho thượng đế". Socrates đã không nao núng khi từ chối trung thành với lương tâm của mình, nhưng đã bình thản phục tùng mệnh lệnh của quốc gia với lòng trung thực không kém. Sống, ông theo tiếng gọi của lương tâm; bằng cái chết, ông phụng sự quốc gia. Ngày nào mà quyền lực của quốc gia trở nên quá mạnh, đòi hỏi cả quyền được đưa ra mệnh lệnh của lương tâm đối với nhân dân thì ngày ấy, ôi thật đáng buồn.

Võ sĩ đạo không yêu cầu chúng tôi bắt lương tâm của mình phải làm nô lệ chúa quân. Thomas Mowbray (*quí tộc Anh, 1366-99, ND*) đúng là người phát ngôn của chúng tôi khi ông nói:

Dâng mình quì mọp dưới chân vương.

Tôi có nghĩa vụ vâng lệnh ngài dẫu hi sinh mạng sống.

Dẫu có chết, danh thơm vẫn sống lâu trên mộ.

Xin ngài đừng dùng tôi vào việc xấu hổ mất danh dự.

Võ sĩ đạo đánh giá rất thấp những người hi sinh lương tâm của mình cho những chúa quân có tính khí bất thường, hay những chúa quân ngông cuồng, không tưởng. Những người hay khúm núm, cái gì cũng nịnh bợ chúa quân, bị gọi là "nịnh thần", hoặc đê hèn theo ý chúa quân để được chúa quân yêu thương, bị gọi là "sủng thần", đều bị khinh khi. Đây là hai loại bồi thần đúng như "Iago"[6] đã diễn tả. Một, là loại người chẳng ra gì, ưa luồn cúi và dễ bảo, say sưa với tính nô lệ tâng bốc của mình, suốt đời cam phận làm thân lừa cho chủ. Hai, là loại người bên ngoài làm ra vẻ trung thành nhưng trong thâm tâm luôn nghĩ đến những việc có lợi cho thân mình. Trong trường hợp bồi thần có ý kiến khác với chúa quân, con đường

[6] Iago: Nhân vật trong bi kịch "Othello" của Sheakespeare. Tướng quân Othello của người Moor (chỉ những người Hồi giáo ở Tây Bắc châu Phi) mắc phải gian kế của Iago, nghi ngờ trinh tiết của vợ nên đã giết vợ mình là Desdemona. Khi biết được sự thật là vợ mình trinh bạch, Othello quá hối hận và đã tự tử.

trung nghĩa mà bồi thần cần phải theo là dùng tất cả mọi thủ đoạn để sửa cái sai của chúa quân giống như Kent[7] đối với vua Lear. Nếu thất bại trong việc này thì hãy xin chúa quân tùy ý đối xử với mình. Trong những trường hợp như thế này, con đường võ sĩ thường theo là dùng lời van nài tối hậu, nhắc nhở đến sự sáng suốt và lương tâm của chúa quân, lấy sự đổ máu của thân thể mình để chứng tỏ sự chân thật của lời nói.

Lấy sinh mạng làm thủ đoạn để phục vụ chúa quân, và lí tưởng được đặt ở danh dư. Mọi giáo dục và huấn luyện võ sĩ được đặt trên nền tảng này.

---

[7] Kent: Bá tước Kent là cận thần của vua Lear trong bi kịch "Vua Lear" của Sheakespeare.

Vua Lear có ba người con gái. Người con gái út là Cordelia ngoan ngoãn không có tà tâm. Nhưng vì nghe lời gièm pha, vua Lear đã đuổi con gái út ra khỏi cung điện. Sau này, vua Lear đã bị trưởng nữ và thứ nữ ngược đãi, tuy được Cordelia cứu giúp nhưng rốt cuộc đã phải chết trong bi thảm. Bá tước Kent là người đã phản đối vua Lear trong việc ngược đãi Cordelia.

Chương X

GIÁO DỤC VÀ HUẤN LUYỆN VÕ SĨ

Giáo dục võ sĩ đặt việc rèn luyện phẩm chất lên hang đầu, và việc đào tạo ra những khả năng trí óc như suy tư, kiến thức hay biện luận đứng hàng thứ hai. Đào tao những tài năng mỹ thuật cũng giữ một vai trò quan trọng trong giáo dục võ sĩ. Những điều cần thiết phải có đối với một người trí thức, sẽ chỉ là những điều phụ thuộc, không phải là thiết yếu trong giáo dục võ sĩ. Tài năng học vấn dĩ nhiên được tôn trọng, nhưng chữ "trí" thường được dùng với nghĩa là trí tuệ và tri thức chỉ có một vai trò khiêm nhường. Trí, nhân và dũng được xem là ba chân giúp võ sĩ đạo đứng vững. Võ sĩ, căn bản là con người của hành động. Học thức không nằm trong phạm vi hành động này. Võ sĩ chỉ lợi dụng khi học thức có liên quan đến chức phận của mình. Tôn giáo và thần học được giao cho tăng lữ và võ sĩ chỉ học khi tôn giáo và thần học tỏ ra có ích trong việc bồi dưỡng dũng khí. Giống như một thi sĩ người Anh, samurai tin

rằng "không phải là tín điều đã cứu người mà là người đã biện minh tín điều".

Triết học và văn học chiếm địa vị chủ yếu trong giáo dục trí tuệ cho võ sĩ, nhưng mục tiêu không nhắm vào bất cứ một chân lý khách quan nào. Văn học được xem như để tiêu khiển thời gian, và triết học giúp lí giải những vấn đề chính trị hay quân sự hoặc để rèn luyện phẩm hạnh của mình.

Cho nên chẳng có gì lạ khi thấy chương trình giáo dục võ sĩ gồm có những môn như kiếm thuật, cung thuật, nhu thuật, mã thuật, thương thuật, binh pháp, thư đạo, đạo đức, văn học, lịch sử v.v. Trong những môn này chắc có lẽ phải giải thích đôi chút về lí do tại sao phải học nhu thuật và thư đạo. Võ sĩ trọng những người "chữ tốt" có lẽ vì "văn - tự - biểu - hiện" của chúng tôi mang tính chất hội họa, có giá trị về mĩ thuật nên bút tích được nhìn nhận là biểu hiện của cá tính. Nhu thuật có thể được định nghĩa ngắn gọn như một ứng dụng những hiểu biết về giải phẫu học vào những đòn tấn công và phòng ngự. Khác với đô vật, nhu thuật không lệ thuộc vào sức mạnh cơ bắp. Và cũng khác với những cách tấn công bằng cách dùng vũ khí, đặc sắc của nhu thuật là chộp hoặc đánh một nơi nào đó trong cơ thể làm cho kẻ địch bị tê liệt, không thể chống cự được nữa. Mục đích

của nhu thuật không đặt ở chỗ giết kẻ địch mà chỉ nhằm làm kẻ địch không dùng được sức mình trong một khoảng thời gian nào đó.

Một môn học hết sức cần thiết trong giáo dục quân sự nhưng lại không có trong giáo dục võ sĩ, là toán học, vì chiến tranh trong thời đại phong kiến không cần sự chính xác của khoa học. Vả lại, giáo dục võ sĩ cũng không thích hợp cho việc bồi dưỡng quan niệm về toán học.

Ventidius (*nhân vật trong kịch "Antony và Cleopatra" của Shakespeare, ND*) đã nói: "Đức tính biết trong danh dự của kị sĩ sẽ chọn lấy thua lỗ hơn là kiếm lời từ việc xấu hổ". Võ sĩ dốt về kinh tế, nhưng kiêu hãnh về sự nghèo khó. Don Quixote[1] kiêu hãnh với cây thương rỉ và con ngựa gầy yếu của mình hơn là với đất đai tiền bạc mình có. Một samurai của Nhật Bản chắc hẳn sẽ đồng tình sâu xa với người kị sĩ La Mancha đầy ảo giác này. Võ sĩ khinh miệt đồng tiền, xem việc làm ra tiền và tích lũy đồng tiền là hạ tiện. Đối với võ sĩ, đúng đây là những lợi lộc

[1] Don Quixote: Tác phẩm của Miguel de Cervantes Saavedra, người Spain. Don Quixote quê quán ở La Mancha, vốn yêu thích chuyện kì sĩ thời trung cổ nên đã tự hoá thân thành kì sĩ lang thang đi tu nghiệp khắp nơi. Don Quixote đã tạo ra những cuộc mạo hiểm ngớ ngẩn, buồn cười.

bẩn thỉu. Có câu nói thường được dùng để diễn tả sự suy đồi của thế gian là "văn thần yêu tiền, võ thần yêu mạng". Người coi trọng đồng tiền hoặc mạng sống bị khinh rẻ và kẻ coi thường, được tán tụng. Tục ngữ có câu: "Không nên ham tiền; giàu sang có hại cho trí tuệ". Vì thế, con cái của võ sĩ được dạy dỗ hoàn toàn không để ý đến kinh tế. Nói chuyện về kinh tế sẽ bị xem là người có sở thích không tốt, không biết giá trị của đồng tiền là dấu hiệu của việc đã được giáo dục tốt. Mặc dầu kiến thức về toán số rất cần trong việc tập hợp quân đội hoặc phân chia bổng lộc, đất đai, nhưng việc tính toán tiền bạc thường được giao cho quan chức cấp thấp. Tài chính công cộng của lãnh địa hầu hết được võ sĩ cấp thấp hoặc tặng lữ quản lý. Võ sĩ có suy nghĩ đều biết đồng tiền tạo ra sức mạnh chiến tranh, nhưng không võ sĩ nào nghĩ đến việc nâng việc tôn trọng đồng tiền lên hàng đức tính. Võ sĩ đạo dạy phải tiết kiệm, đó là sự thật, nhưng không phải vì lí do kinh tế, mà chỉ nhằm mục đích huấn luyện đức tính khắc kỉ. Xa xỉ bị coi là đe dọa lớn nhất đối với con người, võ sĩ phải luôn luôn sống thanh bần. Luật cấm xa xỉ đã nhiều lần được ban hành ở nhiều lãnh địa.

Chúng ta đọc lịch sử và biết rằng trong thời cổ đại La Mã, quốc gia nhìn nhận sự quan trọng của đồng tiền và công việc của các quan sứ thu thuế

và nhân viên tài chính nên đã dần dần nâng đỡ họ lên giai cấp kị sĩ. Chúng ta có thể dễ dàng tưởng tượng được rằng việc tiêu xài phung phí và lòng tham lam không đáy của người La Mã có liên hệ hết sức mật thiết với việc này. Trái lại, võ sĩ đạo đã nhất quán xem sự nghiệp tài chính như một cái gì thấp kém, thấp kém so với những nghề nghiệp có tính cách trí óc và đạo đức.

Nhờ coi nhẹ đồng tiền, ghét việc chắt bóp nên võ sĩ đạo đã tránh được nhiều tệ hại do đồng tiền gây ra. Lí do này đủ giúp quan chức của chúng tôi lâu nay xa lánh được những chuyện mua chuộc, hối lộ. Nhưng, than ôi! Ở thời đại và thế hệ của chúng ta, tư tưởng dựa vào sức mạnh của đồng tiền sao lại bành trướng nhanh chóng như thế này.

Ngày nay, học tập toán số được dùng vào việc luyện tập trí óc, nhưng ngày xưa, giải thích văn học và thảo luận về nghĩa vụ đạo đức được dùng vào việc này. Vì thế ít có những vấn đề trừu tượng khiến cho thiếu niên phải cực lòng suy nghĩ. Như tôi đã trình bày, mục đích lớn nhất trong giáo dục võ sĩ là tạo phẩm hạnh. Người chỉ học rộng biết nhiều không được mọi người kính trọng. Bacon (*triết gia người Anh thời Phục hưng, 1561-1626, ND*) đã chỉ ra ba công dụng của học vấn là đem lại lạc thú, trang sức cho mình và làm cho mình có

năng lực. Võ sĩ đạo coi năng lực là điều tối ưu tiên. Vì năng lực cần trong việc phán đoán và xoay sở công việc. Dẫu để xoay sở công việc hay luyện tập tính khắc kỉ đi nữa, võ sĩ đã đặt mục đích giáo dục ở năng lực thực tế này. Khổng Tử đã nói: "Học mà không suy nghĩ thì không thấm nhuần, suy nghĩ mà không học thì đó là điều nguy hiểm".

Nghề nhà giáo mang màu sắc thiêng liêng khi nhà giáo chọn phẩm hạnh hoặc tinh thần làm đối tượng để huấn luyện, mở mang chứ không phải tri thức hay lí trí. "Cha mẹ sinh ra tôi, nhưng thầy giáo đã dạy tôi nên người". Võ sĩ có quan niệm như thế nên trò luôn hết mực tôn kính và tin yêu thầy. Thầy được trò tôn kính và tin cậy như vậy phải là nhân vật vừa có nhân cách cao cả, vừa có học thức. Người thầy như vậy sẽ như là người cha của những kẻ mất cha, và là người khuyên bảo của những kẻ lầm lỡ. Cách ngôn của chúng tôi có câu: "Cha mẹ như trời đất, chủ thầy như mặt trời, mặt trăng".

Ngày nay mọi công việc đều được trả bằng tiền, chế độ này đã không thịnh hành trong đám môn đồ võ sĩ đạo. Võ sĩ đạo tin rằng có những việc làm không cần phải nghĩ đến giá cả và cũng không cần phải trả tiền. Công việc về tinh thần, dẫu là việc của người thầy hay là việc của tăng lữ, không phải là những công việc không có giá trị mà vì giá trị quá

cao không thể đánh giá được nên không thể trả bằng tiền. Ở điểm này, bản năng hoặc danh dự không có tính cách toán số của võ sĩ đã cho ta một bài học chân chính hơn cả kinh tế chính trị học hiện đại. Bởi vì chỉ có những công việc có kết quả rõ ràng minh bạch, có thể đo lường cụ thể thì mới có thể trả được bằng tiền công và tiền lương. Trong khi công việc tốt nhất trong giáo dục là mở mang trí tuệ của con người (kể cả công việc của tăng lữ) thì lại không rõ ràng minh bạch, và không thể đo lường được. Vì không thể đo lường được nên không thích hợp trong việc dùng tiền, để đo giá trị ngoài mặt được. Phong tục đưa tiền hoặc phẩm vật đến thầy vào những mùa nhất định trong năm, được công nhận. Nhưng đây không phải là để trả tiền cho thầy mà là biếu đồ vật cho thầy. Cho nên những người thầy với tính hạnh nghiêm khắc, tự hào về sự thanh bần, đầy uy nghiêm trong lao động, có lòng tự trọng cao trong việc cầu xin, những người thầy đó đều đã vui lòng đón nhận những phẩm vật học trò đem tặng. Những ông thầy này là những nhân cách uy nghiêm, có tinh thần cao cả không chùn chân trước nghịch cảnh, họ là hiện thân cho những điều được xem như mục đích của học vấn, là mẫu mực sống động của tinh thần khắc kỉ, một huấn luyện nghiêm khắc không thể thiếu trong võ sĩ đạo.

Chương XI

KHẮC KỈ (TỰ KIỀM CHẾ)

Rèn luyện nhẫn nại nhồi nhét vào đầu ta tinh thần chịu đựng không than vãn, mặt khác, giáo dục lễ nghĩa dạy ta không được lộ vẻ buồn rầu và đau khổ, khiến người khác mất vui, mất yên ổn. Tổng hợp của hai việc này tạo ra tâm tính khắc kỉ, cuối cùng hình thành một đặc tính của dân tộc, chủ nghĩa khắc kỉ ngoài mặt. Tôi gọi đó là chủ nghĩa khắc kỉ ngoài mặt vì tôi tin rằng chủ nghĩa khắc kỉ không thể trở thành dân tộc tính được và vì rằng một vài thói quen hoặc cử chỉ của người Nhật có thể bị xem là tàn khốc dưới mắt của người nước ngoài. Nhưng thật ra, chúng tôi cũng rất đa cảm, giống như tất cả mọi dân tộc trên thế giới này.

Tôi còn nghĩ rằng ở một ý nghĩa nào đó người Nhật chúng tôi có thể còn dễ xúc động hơn những dân tộc khác nữa kìa, vì cố gắng kìm hãm những tình cảm tự nhiên chỉ gây ra khổ đau mà thôi. Thử nghĩ trẻ em, nam cũng như nữ, từ thời thơ ấu, đã

được dạy dỗ rằng không được khóc, không được than thở để vơi nỗi lòng. Có lẽ đây là vấn đề của sinh lí học để xác định những nỗ lực như thế này có thể làm thần kinh trở thành sắt đá hay không, hay chỉ làm cho thần kinh trở nên mẫn cảm hơn.

Trong thế giới samurai việc để lộ tình cảm lên mặt bị xem như ra vẻ "không phải nam nhi". "Vui buồn không hiện ra mặt" được dùng để chỉ một tính cách mạnh mẽ. Tình cảm tự nhiên nhất cũng cần phải kìm hãm. Tỉ dụ, cha ôm con sẽ làm tổn thương uy nghiêm của cha; chồng không được hôn vợ, ở trước mặt người khác thì không được, nhưng ở phòng riêng thì được chứ! Có một người trẻ nói kiểu cách, nhưng đôi phần phản ánh được sự thật, rằng "Người Mỹ hôn vợ trước mặt thiên hạ và đánh vợ trong phòng riêng. Người Nhật ngược lại đánh vợ trước mặt thiên hạ nhưng hôn vợ trong phòng riêng".

Có bình tĩnh ở tinh thần, trầm tĩnh trong hành động sẽ không bị bất cứ tình cảm nào chi phối. Tôi còn nhớ trong thời gian chiến tranh với nhà Mãn Thanh (1894-1895), trước nhà ga ở một phố nọ, có một đám người tụ họp để tiễn đưa người chỉ huy và bộ đội của một trung đoàn rời phố. Có một người Mỹ sống ở đó đã đến ga để xem, nghĩ rằng khi từ giã chắc sẽ có những tiếng la hét bùng nổ



tình cảm, vì cả nước đang phấn khởi cao độ và vì trong đám đông có cha, có mẹ, có vợ, có người yêu của những người lính được tiễn đưa. Nhưng người Mỹ đó đã cảm thấy kì dị và thất vọng vì khi tiếng còi thổi và tàu bắt đầu chuyển bánh, hàng ngàn người đã yên lặng lột mũ, cúi đầu tôn kính tiễn chào; không một vẫy khăn, không một tiếng la, chú ý lắm mới nghe được có tiếng khóc thầm trong yên lặng. Đời sống gia đình cũng như thế. Tôi biết chuyện một người cha đã đứng suốt đêm sau cửa kéo nghe tiếng thở của con mình đang nằm trên giường bệnh, nhất định không cho con thấy sự yếu lòng của kẻ làm cha. Chuyện một người mẹ đến lúc lâm chung cũng nhất định không gọi đứa con đang đi học ở xa về vì sợ rằng sẽ khuấy nhiễu việc học hành của con. Lịch sử và đời sống hằng ngày của chúng tôi đầy rẫy những câu chuyện về những phụ nữ anh hùng không kém gì phụ nữ trong những trang sách cảm động nhất của Plutarch (*sử gia, tùy bút gia Hy Lạp, 46-127, ND*). Chắc chắn Ian Maclaren sẽ tìm ra được nhiều Market Howe trong đám nông dân của chúng tôi.

Nhà thờ Cơ đốc giáo ở Nhật Bản ít có những buổi truyền giáo sôi nổi, có thể được lí giải vì tính tự chế này. Nam cũng như nữ, khi thấy linh hồn mình cảm kích, bản năng trước tiên là yên lặng

kiềm chế không cho nó lộ ra bên ngoài. Nhiệt tình và lòng thành có thể lam họ cảm động, không ngăn được tình cảm, trong trường hợp đó họ có thể nói những điều mình nghĩ, nhưng đây là chuyện hiếm có. Kể lại kinh nghiệm tâm linh không chừng mực, sẽ phạm điều cấm thứ ba trong thập giới (*không được nói chuyện không chừng mực trước thượng đế, ND*). Tai của người Nhật sẽ cảm thấy khó chịu khi phải nghe những lời nói thần thánh nhất, những kinh nghiệm thầm kín nhất ở trong lòng, xổ ra trước đám đông hỗn tạp. Một samurai trẻ đã viết trong nhật kí: "Mày không cảm thấy những ý nghĩ thầm kín chuyển mình nhè nhẹ trong mảnh đất linh hồn của mày sao? Đây là lúc hạt giống bắt đầu đâm chồi. Không được nói gì cả, nói ra chỉ quấy rầy thôi. Hãy để nó nẩy mầm thầm lặng".

Dùng miệng lưỡi phát biểu những tư tưởng sâu kín và những tình cảm - đặc biệt về tôn giáo - đối với chúng tôi đó là dấu hiệu rõ ràng của việc thiếu suy nghĩ sâu xa hoặc thiếu thành thật. Tục ngữ có câu "hắn chỉ như trái lựu" để chỉ những người lanh miệng, nhiều lời "mở miệng to để lộ tâm tình của mình".

Khi xúc động, chúng tôi cố câm miệng để che giấu xuc động, nhưng đây nhất định không phải vì lòng dạ người Á Đông bướng bỉnh ngược ngạo.



Nói năng đối với chúng tôi, đúng như một người Pháp đã nói, là "kĩ thuật giữ kín tư tưởng".

Hãy thử đến thăm một người bạn Nhật khi người đó có việc đau buồn nhất đời. Chắc chắn người bạn với cặp mắt đỏ ké hay với đôi má ướt lệ, sẽ mỉm cười đón anh. Thoạt đầu anh sẽ nghĩ chắc người đó bị loạn trí. Ép người bạn giải thích lí do, chắc chắn anh sẽ có được vài câu trả lời hết sức vô vị, tỉ dụ như "Cuộc đời này đầy khổ ải"; "Gặp nhau rồi sẽ phải chia tay nhau"; "Sinh ra sẽ phải chết"; "Tính tuổi của đứa con đã mất là việc ngu si, thế nhưng đàn bà dễ bị lôi kéo vào chuyện ngu si này" v.v và v.v. Nhà quí tộc Hohenzollern có câu nói cao quí là: "Hãy học cách im miệng chịu đựng". Nhiều tư tưởng đối ứng câu nói này đã có ở nước Nhật trước đó khá lâu.

Thật ra, khi sự yếu đuối của nhân tính bị đặt trước những thử thách cam go, người Nhật dễ phì cười. Tôi nghĩ rằng thói quen cười trước thử thách của người Nhật có nhiều lí do chính đáng hơn Democritus[1]. Khi gặp nghịch cảnh, lòng bị hỗn

[1] Democritus (460 trước CN - 370 trước CN): Democritus được mọi người biết như là triết gia cười của cổ đại Hi Lạp vì trong chủ thuyết của ông, ông đề cao giá trị của sự vui tươi. Ngoài ra ông còn được biết là một trong hai người đã dựng lên lí thuyết nguyên tử cũ.

loạn buồn phiền, người Nhật thường cười vì không muốn cho người khác thấy mình đang cố gắng giữ bình tĩnh trong lòng. Cười là cách lấy lại thăng bằng đối với việc đau khổ hay giận dữ.

Vì luôn bị đòi hỏi phải che giấu tình cảm, nên mọi người đã tìm van an toàn cho tình cảm của mình ở những câu thơ ngắn gọn. Một thi sĩ ở thế kỉ thứ 10 nói rằng "Ở Nhật cũng như ở Trung Quốc, khi bị xúc động vì ưu phiền người ta thường bộc lộ những đau buồn đắng cay của mình qua lời thơ. Đau buồn khi nhớ đến đứa con đã mất, bà mẹ đã tưởng tượng cảnh con đang đi bắt chuồn chuồn như lúc còn sống, để an ủi nỗi đau khổ vô bờ bến của mình.

"Bắt chuồn chuồn, hôm nay đi đâu xa quá vậy con".

Tôi xin dừng ở đây không thêm thí dụ nữa, vì tôi nghĩ tôi không đủ sức để dịch ra tiếng ngoại quốc những châu báu của văn học chúng tôi, những suy tư được vắt ra từng giọt từ những trái tim rớm máu để đan thành những lời thơ tuyệt hảo. Thật ra tôi chỉ muốn trình bày những điều thật sự chúng tôi nghĩ ở trong lòng, vì dân tộc tính của chúng tôi thường bị xem hoặc như có vẻ chai cứng, lãnh đạm, hoặc như là một hỗn hợp loạn trí



giữa tươi cười và thất vọng, đôi khi bị nghi như có đầu óc không bình thường.

Lại có thuyết cho rằng vì thần kinh của người Nhật kém nhạy cảm nên họ chịu đựng được đau đớn và không sợ chết. Nghe như có lý trong phạm vi vừa nói. Câu hỏi sau đó là tại sao thần kinh của người Nhật lại kém nhạy cảm? Có thể vì khí hậu của Nhật Bản không có tính kích thích như khí hậu của Mỹ. Có thể vì thể chế quân chủ của chúng tôi không làm cho chúng tôi hứng khởi cuồng nhiệt như thể chế Cộng hòa của Pháp. Hoặc có thể vì người dân chúng tôi đã không sốt sắng đọc Sartor Resartus (*Y thường Triết học, ND*) như người Anh. Cá nhân tôi, tôi cho rằng vì chúng tôi quá nhạy cảm, tình cảm của chúng tôi quá mãnh liệt, chúng tôi cần phải biết và không ngừng kiềm hãm mình; nhưng lí giải thế nào đi nữa cũng sẽ không chính xác nếu không xem xét việc tu dưỡng tính khắc kỉ từ xưa của người Nhật.

Tu dưỡng khắc kỉ dễ đi đến chỗ trở nên quá độ. Khắc kỉ quá độ có thể ngăn chặn dòng chảy lành mạnh của tâm hồn, có thể làm cho người ta trở thành hẹp hòi, kỳ quái, có thể sinh ra tính cuồng tín, ngụy thiện, thiếu ái tình. Một đức tính dầu cao thượng đến mức nào đi nữa, cũng có mặt trái, có giả dối. Chúng ta phải biết chỗ ưu tú tích

cực của mỗi đức tính và theo đuổi lí tưởng tích cực đó. Lí tưởng của khắc kỉ, trong cách nói của người Nhật, là giữ cho lòng mình được bình tĩnh, mượn cách nói của Hy Lạp, là đạt đến trạng thái euthymia, theo Democritus, đó là trạng thái tốt lành tối cao.

Khắc kỉ đạt đến cực điểm, hiện ra rõ nhất trong chế độ tự sát, chế độ đầu tiên trong hai chế độ mà tôi sẽ trình bày ở phần sau, được gọi là tự sát và phục thù.

Chương XII

CHẾ ĐỘ TỰ SÁT VÀ CHẾ ĐỘ PHỤC THÙ

Hai chế độ này (được gọi là harakiri và katakiuchi) đã được nhiều văn nhân nước ngoài bàn khá đầy đủ.

Trước tiên tôi xin nói về vấn đề tự sát nhưng xin được hạn chế những quan sát của mình trong giới hạn seppuku hay là kappuku, thường được biết với chữ harakiri, có nghĩa là tự sát bằng cách mổ bụng mình. "Mổ bụng? Sao lại làm chuyện phi lý đến thế!" Chắc hẳn sẽ có người la lên như thế khi nghe tiếng này lần đầu. Với tai người ngoại quốc, thoạt đầu, đây có lẽ là chuyện hết sức kì quái. Nhưng, với những người đã đọc qua tác phẩm của Shakespeare, thì đây không phải là chuyện lạ. Shakespeare đã để cho Brutus nói rằng "Linh hồn của ngươi (Caesar) hiện ra, quay ngược mũi kiếm của ta đâm vào ruột ta". Một thi sĩ cận đại người Anh, trong tác phẩm "Light of Asia" (Ánh sáng của Châu Á), đã có câu thơ tả lưỡi kiếm đâm vào bụng

nữ hoàng, nhưng không có ai chê tiếng Anh của ông ta thô tục hoặc phạm thượng cả. Một thí dụ nữa, hãy nhìn bức tranh của Guercino trưng bày ở Palazzo Rossa, thành phố Genoa (*thành phố ở Tây bắc nước Ý, ND*), vẽ về cái chết của Cato[1]. Ai có đọc bài thơ Cato ngâm khi lâm chung do Addison (*tùy bút gia người Anh, ND*) viết, chắc chắn sẽ không chế giễu thanh gươm đã đâm quá nửa vào bụng ông ta. Trong thâm tâm người Nhật, chết bằng cách mổ bụng là câu chuyện của những hành vi cao quí nhất, câu chuyện của đau thương đầy cảm động, cho nên không có gì ghê tởm, không có gì đáng chế giễu, không có gì khiến người Nhật phải cảm thấy xấu xa. Sức mạnh biến sự việc thành đức tính, thành sự vĩ đại, thành tình thương thật là huyền diệu cho nên một cách chết khó coi đã thành một việc tuyệt vời, tượng trưng cho một sinh mạng mới. Nếu không thì cái dấu hiệu (*thập tự giá, ND*) mà Đại đế Constantine[2] đã thấy sẽ không thể nào chinh phục được thế giới!

---

[1] Cato (95TCN-46TCN): Cato Uticensis, triết gia phái Stoa (được sáng lập vào khoảng 400 trước CN, luận về luận lí, thiên nhiên, luân lí) thời La Mã, giữ chức quan "hộ dân" dưới thời Ceasar nhưng đã chống Ceasar và sau đó đã tự tử.

[2] Đại đế Constantine (280-337): Hoàng Đế La Mã đầu tiên theo đạo Cơ đốc. Ông có công lớn trong việc phát triển đạo Cơ đốc ở châu Âu.

Seppuku không khiến chúng tôi cảm thấy phi lí, không phải chỉ vì chúng tôi có những liên tưởng không có dính dáng gì đến chuyện đó. Việc chọn một chỗ đặc biệt trong cơ thể để cắt, căn cứ vào những gì người ta tin ở phép giải phẫu cổ đại, thì nơi đó là nơi trú ngụ của linh hồn và tình ái. Moses (*trong "Cựu ước", ND*) đã viết "ruột của Joseph đau đớn xót xa vì em mình", hoặc, David đã cầu nguyện Thượng đế đừng quên ruột mình, hoặc, Isaiah, Jeramiah, và những đồng bóng khác trong "Cựu ước" cũng nói "ruột kêu" hay "ruột đau". Tất cả những điều này đã ủng hộ tín ngưỡng lưu hành trong người Nhật rằng ở bụng có linh hồn trú ngụ. Người Semites (*những người có ngôn ngữ thuộc hệ Semite gồm người Ả rập, người Do thái, người Ethiopia v.v., ND*) cho rằng sinh mệnh và tình cảm trú ngụ ở gan, thận và mỡ ở xung quanh. Chữ "hara" có ý nghĩa bao quát hơn chữ "phren" hoặc "thumos" trong tiếng Hy Lạp, và người Nhật cũng giống như người Hy Lạp, nghĩ rằng linh hồn của con người trú ngụ ở chỗ nào đó trong bụng. Ý tưởng đó không nhất thiết chỉ có ở những người cổ đại. Người Pháp có triết gia Descartes[3] nổi tiếng

---

[3] Descartes (1596-1650): Một trong những triết gia quan trọng nhất ở phương Tây. Ông cũng là nhà vật lí, sinh lí học và toán học nổi tiếng.

với thuyết linh hồn trú ngụ ở từng quả tuyến, vẫn nhất định dùng từ "ventre" để diễn tả lòng dạ, một từ hết sức mập mơ trong giải phẫu học, nhưng có ý nghĩa trong sinh lý học. Giống như thế, từ "entrailles" (bộ lòng) được dùng để chỉ tình thương, lòng thương hại. Không phải vì mê tín mà tin như vậy, ngược lại việc này còn có vẻ khoa học hơn, nếu so sanh với quan niệm phổ thông cho rằng con tim là trung khu của tình cảm. Không cần phải hỏi thầy dòng, người Nhật biết rõ hơn cả Romeo (trong bi kịch *"Romeo và Juliet" của Shakespeare, ND*) nói rằng "ở chỗ vô cùng xấu xa của thây người chết có tên họ người ta". Những học giả thần kinh học cận đại nói về não bộ của phần bụng hoặc phần xương chậu, cho rằng ở đó có trung khu của thần kinh giao cảm, chịu ảnh hưởng của những tác dụng tâm linh rất lớn. Khi đã thừa nhận thuyết sinh lí học thần kinh này, thì dễ dàng lập ra một tam đoạn luận về "seppuku". "Tôi sẽ mở chỗ ngồi của linh hồn của tôi để cho anh xem nó ra sao. Hãy nhìn bằng chính mắt anh xem nó dơ hay sạch".

Tôi không muốn bị hiểu lầm rằng tôi thừa nhận việc tự sát, trên lập trường tôn giáo lẫn lập trường đạo đức. Nhưng việc việc tôn trọng danh dự được đánh giá cao đã là lí do đủ để cho nhiều võ sĩ phải tuyệt mệnh. Có không biết bao nhiêu

người đã đồng thuận với tấm tình do Garth (*thi sĩ người Anh, ND*) diễn tả.

"Chết là cứu tinh khi danh dự bị mất

Là căn nhà bình yên để khỏi bị khổ nhục"

Đồng cảm với tình cảm này, nhiều người đã mỉm cười đưa linh hồn của mình vào cõi chết. Võ sĩ đạo chấp nhận cái chết liên quan đến danh dự như một lợi khí để giải quyết nhiều vấn đề phức tạp. Vì thế cho nên, với những võ sĩ trọng công danh, cái chết tự nhiên, ngược lại, bị xem như vô vị, không phải là cái chết mà nam nhi mong muốn. Tôi dám nói rằng chỉ cần thật sự thật thà thì chắc chắn nhiều người sùng đạo Cơ đốc sẽ thú nhận rằng họ cảm thấy say mê, nếu không phải là tán thưởng tích cực, sự điềm tĩnh tuyệt vời mà Cato, Brutus, Petronius[4] và nhiều vĩ nhân thời cổ đại đã có khi kết liễu mạng sống của mình. Có quá trơ tráo hay không khi nói bóng nói gió rằng cái chết của triết gia thủy tổ (*Socrates, ND*) có phần nào đó có thể nói là tự sát. Từ những câu chuyện do đệ tử kể lại cặn kẽ, chúng ta có thể biết được rằng thầy của họ sẵn sàng chấp nhận mệnh lệnh của quốc gia, mặc dầu ông ta biết rằng về mặt đạo đức, đó

---

[4] Petronius (27-66): Văn sĩ trào phúng La Mã. Tuy bị kết tội phải chết bằng cách tự tử nhưng trong quá trình tự tử Petronius đã điềm nhiên ăn uống và làm thơ.

là lầm lỗi, và tuy ông ta có thể chạy trốn, nhưng ông ta đã tự tay mình cầm lấy chén thuốc độc, rưới vài giọt tế thần. Qua toàn thể hành động và thái độ của ông ta, chúng ta không thể nhận ra được rằng đây là hành vi tự sát hay sao? Không có cưỡng bách xác thịt ở đây như những trường hợp xử hình thông thường. Đúng, phán quyết của quan tòa có tính cách cưỡng chế. "Nhà ngươi phải chết, và chết bằng chính tay ngươi". Nếu tự sát có nghĩa là chết bằng chính tay mình thì trường hợp của Socrates rõ ràng là tự sát. Nhưng không ai có thể buộc tội ông về chuyện đó; Platon, ghét việc tự sát, nên không muốn gọi thầy mình là kẻ tự sát.

Bây giờ độc giả chắc đã hiểu rằng seppuku không phải chỉ là một hành vi tự sát. Seppuku là một chế độ, có tính luật pháp và tính nghi lễ. Đây là một sáng kiến của thời trung cổ, một phương pháp để võ sĩ chuộc tội, nói lên lời xin lỗi, tránh khỏi nhục nhã, chuộc lại tình bạn, và chứng minh lòng thành của mình. Seppuku được thực thi với nghi thức trang trọng khi bị đem ra thi hành như một hình phạt theo luật pháp. Đây là sự điêu luyện của tự sát, không ai có thể mổ bụng mình nếu không trấn tĩnh được tình cảm hoặc không giữ được điềm tĩnh trong thái độ. Vì thế seppuku là hình thức hết sức phù hợp với võ sĩ.

Tôi cũng muốn miêu tả ở đây nghi thức đã bị bãi bỏ này chỉ vì lòng hiếu kì thích chuyện cổ của mình. Biết rằng có một tác giả ngày nay ít có người đọc, ưu tú hơn tôi nhiều, đã miêu tả việc này, tuy hơi dài nhưng tôi xin được trích dẫn ra đây. Trong trước tác "Những câu chuyện Nhật Bản xưa" (Tales of Old Japan), sau bài dịch một khái luận liên quan đến seppuku từ một quyển sách hiếm của Nhật Bản, Mitford đã miêu tả một cuộc xử hình thật sự do chính mắt mình thấy.

"Chúng tôi (bảy người đại diện ngoại quốc) được mời đi theo sau những người làm chứng vào "hondo", gian phòng chánh trong chùa nơi thi hành nghi lễ. Quang cảnh thật trang nghiêm. Hondo có mái cao, cột trụ đen. Trần nhà treo lủng lẳng những đèn lồng phết vàng to lớn và những trang trí chỉ có ở chùa Phật. Trước bàn thờ Phật cao, trên sàn lót chiếu trắng đẹp, có một sạp được phủ bằng nỉ đỏ, cao chừng khoảng một tấc. Những cây nến cao sắp hàng đều đặn, tỏa ánh sáng lờ mờ thần bí, vừa đủ để cho thấy mọi việc xảy ra. Bảy người chứng Nhật Bản ngồi ở phía trái trên sàn cao, và bảy người ngoại quốc ngồi ở bên phải. Ngoài ra không có ai khác.

Sau vài phút chờ đợi lo lắng bất an, Taki Zenzaburo (1837-68), một người đàn ông cường tráng,

ba mươi hai tuổi, với vẻ cao quí, trong lễ phục bằng chỉ gai đặc biệt, bước vào phòng. Một kaishaku và ba quan chức mặc jimbaori (áo khoác chiến trận) có luồn chỉ vàng cùng vào. Kaishaku ở đây cần nên biết là không có nghĩa là kẻ hành hình (executioner) như trong tiếng Anh. Đây là công việc của một người có địa vị chững chạc, trong nhiều trường hợp, nhiệm vụ này được giao cho người bà con thân tộc hay bạn bè của người bị án, và quan hệ giữa họ không phải là quan hệ của tử tù với người hành hình, mà là quan hệ của người giữ vai chính với người trợ giúp. Trong trường hợp này, người kaishaku là môn đệ của Taki Zenzaburo, một người rất giỏi kiếm thuật nên được số đông bạn bè lựa chọn.

Với người kaishaku ở bên trái, Taki Zenzaburo chậm rãi bước về phía những người chứng Nhật Bản. Cả hai cùng cúi đầu chào, sau đó họ tiến gần đến phía những người ngoại quốc, và giống như trước, họ càng tỏ ra tôn kính cúi đầu chào chúng tôi. Hai bên người chứng đều trịnh trọng đáp lễ. Cuối cùng Zenzaburo bước lên sạp seppuku, chậm rãi và trang nghiêm đến trước bàn thờ Phật lạy hai lạy, sau đó quì xuống xếp chân ngồi trên thảm nỉ, quay lưng sang bàn thờ Phật. Người kaishaku nép mình ở phía bên trái. Một trong ba quan chức phục

dịch tiến ra phía trước, tay dâng khay cúng Phật, có để một "wakizashi" bao giấy trắng. Wakizashi là đoản kiếm của người Nhật, dài khoảng ba tấc, có mũi nhọn và lưỡi bén như dao cạo. Người phục dịch cúi đầu lạy đưa khay đến kẻ tử tù. Kẻ tử tù nhận khay, cung kính dùng hai tay nâng khay lên ngang đầu rồi để xuống trước mặt mình.

Sau một lần cúi đầu thật sâu, Taki Zenzaburo, với giọng nói biểu lộ tình cảm ngập ngừng, đầy xúc động của một người đang thú tội đau đớn, nhưng trên vẻ mặt và thái độ không có một dấu hiệu nào lộ ra.

"Tôi, một mình tôi, đã phạm lỗi không thể bào chữa, tôi đã ra lệnh bắn người ngoại quốc ở Kobe, và khi nhìn thấy họ chạy trốn, tôi lại ra lệnh bắn tiếp. Tôi sẽ mổ bụng vì đã phạm tội này. Cầu xin quí vị làm ơn chứng kiến cho tôi việc này".

Nói xong, Zenzaburo cúi đầu chào thêm một lần nữa rồi lột áo mình xuống đến dây thắt lưng để lộ phần trên thân thể ra. Theo đúng với cách thức, Zenzaburo đã cẩn thận nhét hai cánh tay áo xuống dưới gối mình để thân khỏi bị ngã ngửa ra phía sau; vì người Nhật cho rằng, một võ sĩ có địa vị, khi chết, phải ngã về phía trước. Chậm rãi và với cánh tay vững vàng, Zenzaburo cầm lấy thanh đoản

kiếm đặt ở trước mặt mình lên, nhìn vào đó như gởi gắm tấm lòng của mình, gần như là yêu thương, và trong giây khắc, hắn dường như đang tập trung mọi suy tư của mình cho giây phút cuối cùng này, bỗng hắn đâm lưỡi kiếm sâu vào dưới bụng trái, chầm chậm rạch lưỡi kiếm sang bên phải, lật lưỡi kiếm lại trong vết thương rồi kéo lưỡi kiếm lên trên một chút. Trong suốt thời gian làm động tác đau đớn kinh hoàng này, bắp thịt trên mặt hắn không có một cử động. Hắn rút đoản kiếm, rồi khom mình đưa cổ ra. Nỗi đau đớn lần đầu tiên hiện lên trên mặt hắn, nhưng không có một tiếng rên la. Người kaishaku đứng nép bên cạnh, chăm chăm nhìn từng hành động của hắn, đúng vào lúc đó đã bình tĩnh tiến lên, trong phút chốc đã vung một đường kiếm lên không. Một ánh sáng loé, một tiếng soạt nặng nề, ghê rợn, một tiếng rơi vỡ; trong khoảnh khắc cái đầu đã lìa khỏi cổ.

Trong bầu không khí yên lặng nghẹt thở, chỉ có tiếng máu phun từng đợt, rùng rợn từ đống thịt bất động trước mặt chúng tôi. Chỉ một phút trước đó, đống thịt này đã là một võ sĩ mạnh mẽ, dũng cảm. Thật là một quang cảnh khủng khiếp.

Sau khi gập mình cúi đầu, người kaishaku rút một tờ giấy trắng đã chuẩn bị sẵn ra lau lưỡi kiếm và xuống sạp seppuku. Đoản kiếm nhuộm máu,

chứng cớ đẫm máu của vụ xử hình, đã được trịnh trọng mang đi.

Hai quan chức đại diện cho Mikado (*Thiên hoàng, ND*) sau đó đã rời chỗ ngồi đến trước mặt các nhân chứng ngoại quốc yêu cầu chúng tôi chứng thực án tử hình đối với Taki Zenzaburo đã được thi hành đúng đắn. Nghi thức chấm dứt ở đây, và chúng tôi đã rời khỏi ngôi chùa".

Cảnh seppuku được ghi lại khá nhiều trong văn học hoặc trong những mẩu chuyện của những người có dịp chứng kiến, nhưng có lẽ chỉ cần đưa ra thêm một chuyện nữa cũng đã đủ.

Chuyện của hai anh em Sakon và Naiki. Người anh hai mươi bốn tuổi và người em mười bảy tuổi đã tìm cách giết Ie-yasu để trả thù cho cha mình, nhưng đã bị bắt giữ trước khi len lỏi được vào dinh trại. Ông tướng già khen hai anh em có lòng can đảm, dám mưu sát mình nên đã ra lệnh cho phép họ được chết trong danh dự. Tất cả đàn ông trong gia tộc bị tuyên án tử hình. Người em út, Hachimaro, một đứa trẻ mới tám tuổi cũng bị tội chết, và ba người đã được đưa đến một tịnh xá để thi hành án. Một y sĩ được dịp chứng kiến đã ghi lại trong nhật kí của mình cảnh tượng như sau.

"Khi ba anh em đến ngồi xếp hàng chờ giờ hành hình, Sakon quay sang hướng người em út nói: "Hachimaro, mày mổ bụng trước đi. Có gì tao sẽ giúp mày làm đúng cách". Người em nhỏ trả lời rằng vì nó chưa bao giờ được thấy seppuku, nên nó muốn xem cách làm của người anh, và sau đó nó sẽ làm theo. Hai người anh mỉm cười trong nước mắt. "Giỏi. Mày thật là mạnh dạn, không hổ thẹn là con của cha". Rồi hai người để Hachimaro ngồi ở giữa, Sakon đâm đoản kiếm vào bụng trái của mình rồi nói: "Hachimaro, nhìn kĩ đây. Thấy rồi chưa? Đừng rạch dao quá sâu, không thì sẽ bị ngã ngửa đấy. Úp về phía trước, không được động đậy hai đầu gối". Giống như thế, Naiki vừa rạch bụng mình, vừa nói với thằng bé. "Này, phải mở mắt, không được nhắm, không thì mặt mày sẽ giống như mặt đàn bà chết. Nếu lưỡi kiếm bị chậm lại, hay không còn sức nữa, thì hãy đem hết can đảm ra, cố rạch cho hết". Thằng bé nhìn cách làm của hai anh, và khi cả hai tắt thở, nó lặng lẽ cởi áo, mổ bụng mình theo đúng những điều hai anh đã dạy".

Xem việc được mổ bụng là điều danh dự làm nảy sinh ra nhiều lạm dụng. Nhiều người trẻ thiếu suy nghĩ đã vội vàng tìm đến cái chết như con thiêu thân, chỉ vì những lí do không đáng chết



hoặc vì những chuyện hoàn toàn không phù hợp với đạo lí. Số võ sĩ chết vì những động cơ không rõ ràng, khó hiểu nhiều hơn số phụ nữ đi tu. Sinh mạng rẻ mạt - rẻ mạt khi được đo bằng tiêu chuẩn danh dự của thế gian. Điều đáng buồn nhất là danh dự luôn luôn giữ được lãi trong việc đổi chác, nhưng thật ra danh dự ở đây không phải luôn luôn là một loại vàng ròng, mà là một thứ hợp kim với nhiều kim loại hèn mọn. Dante (*nhà thơ vĩ đại người Ý, 1265-1321, ND*) đã giam tất cả những người tự sát vào lao ngục thứ bảy trong phiên bản "địa ngục" của mình, nhưng chắc không ai có thể khoe rằng con số người đó nhiều hơn con số người Nhật đã tự sát.

Thế nhưng, đối với một võ sĩ chân chính, việc vội chết hoặc liều chết bị xem như đồng nghĩa với nhút nhát. Một võ sĩ tiêu biểu (*Yamanaka Shikanosuke 1740?-78, ND*), khi bị thất trận liên tục, bị truy kích từ đồng lên núi, từ rừng vô hang, cuối cùng bị đói lả, phải ẩn náu trong bộng cây, gươm cùn, cung gãy, tên cũng không còn mũi nào ... trong hoàn cảnh giống như thế, chiến binh La Mã (Brutus, ND) cao quí nhất đã không phải tự vẫn bằng chính thanh gươm của mình ở Philippi hay sao? Nhưng, võ sĩ này đã nghĩ rằng nếu chết đi thì quả là nhút nhát nên đã ngâm câu thơ sau

đây với tâm trang chịu đựng gần với tinh thần của người Cơ đốc tuẫn đạo để an ủi mình.

"Đến đi! Cứ đến

Kinh hoàng, khổ nhục, buồn đau.

Nặng nề cứ chất

Thử xem sức mình còn được bao lâu".

Đây là điều võ sĩ đạo dạy. Nhẫn nhục, đối đầu với khốn khổ và nghịch cảnh bằng tấm lòng trong sạch và sự nhẫn nại của mình; vì Mạnh Tử dạy rằng: "Khi Thượng đế muốn giao việc lớn cho người ta, trước hết Thượng đế sẽ làm khổ người đó cả linh hồn lẫn thể xác, đặt người đó trong hoàn cảnh đói khổ, làm đảo lộn mọi dự định của người đó". Danh dự thật sự chỉ có được khi làm tròn nhiệm vụ Thượng đế giao cho, và chết vì nhiệm vụ đó, nhất định không phải là điều nhục nhã. Ngược lại chết để tránh những gì Thượng đế mong muốn, quả thật là việc khiếp nhược. Trong quyển sách kì quái "Religio Medici" (Tôn giáo của bác sĩ) của Thomas Brown (*bác sĩ y khoa người Anh, 1605-82, ND*), có một đoạn văn hoàn toàn giống với điều võ sĩ đạo chỉ dạy. Tôi xin trích dẫn ra đây. "Coi thường cái chết là điều can đảm. Nhưng nếu sống còn khủng khiếp hơn cả chết, dám sống mới thật là can đảm vậy". Một danh tăng (*Tenkai 1536-1643,*



ND) ở thế kỉ thứ 17 có nói: "Bình sinh dẫu có ăn nói không khéo thế nào đi nữa, kẻ sĩ chưa có chết lần nào, trong những lúc cần phải chết thường hay lách tránh. Kẻ sĩ đã một lần chết trong tim, thì thương của Sanada (*danh tướng thời chiến quốc của Nhật Bản, ND*) hay tên của Tametomo cũng không đâm thủng được." Thật là gần với chỉ dạy của Chúa rằng: "Người bị mất mạng vì ta, sẽ tìm được sinh mạng". Có người cố tìm cách giải thích về sự khác biệt giữa người theo đạo Cơ đốc với người khác đạo, nhưng thí dụ trên cho thấy nhân loại, về đạo đức, đều có điểm trùng hợp với nhau.

Chế độ tự sát của võ sĩ đạo thoạt nhìn có lẽ chúng ta sẽ ngạc nhiên về sự lạm dụng của nó, thế nhưng nhất định đây không phải là một chế độ bất hợp lí, cũng không phải là dã man. Sau đây chúng ta thử xem chế độ anh em với seppuku, được gọi là "phục thù" có điểm nào tốt hay không. Hy vọng tôi có thể trình bày gọn ghẽ trong vài chữ, vì chế độ như thế này, hay hãy gọi là phong tục, có trong tất cả mọi dân tộc, và hiện nay cũng chưa được bãi bỏ hoàn toàn, được minh chứng bằng việc ngay bây giờ cũng vẫn còn tồn tại những trận quyết đấu hay những cuộc xử hình cá nhân. Tại sao một quân nhân người Mỹ đã đòi quyết đấu với Esterhazy (*điệp viên, thủ phạm*

trong scandal Dreyfus, ND)? Vì muốn trả thù cho việc Esterhazy đã đổ tội oan cho Dreyfus phải không? Trong một bộ tộc lạc hậu không có chế độ hôn nhân, gian thông không phải là một cái tội, sự ghen tuông của người yêu đã bảo vệ phụ nữ khỏi bị lợi dụng, giống như vậy, trong thời đại không có toà án hình sự, sát nhân không phải là tội, việc người thân của kẻ bị hại trả thù, đã duy trì trật tự xã hội. (Trong thần thoại Ai Cập) Osiris[5] hỏi Horus: "Trên thế giới này, cái gì đẹp nhất?" Horus trả lời: "Đó là việc trả thù kẻ đã giết cha mẹ mình". Đối với người Nhật thì chắc phải thêm vào "... và kẻ đã giết chúa quân mình... "

Trong hành vi trả thù, có một điều gì đó làm cho lòng tôn trọng chính nghĩa được thoả mãn. Lí lẽ của người trả thù như thế này: "Cha tôi là người hiền lương, không có lí do nào để phải chết. Kẻ giết cha tôi đã làm một điều xấu xa gớm ghiếc. Cha tôi, nếu sống, nhất định sẽ không tha thứ cho những hành vi như thế đó. Trời cũng ghét những việc ác đức. Không cho kẻ ác làm điều xấu là ý chí của cha tôi và cũng là ý chí của trời. Hắn phải chết bằng bàn tay của tôi; vì hắn đã làm cho cha tôi đổ máu,

[5] Osiris: Con của thần trời và thần đất, bị em là thần sa mạc Set giết. Con là Horus đã trả thù cho cha.

tôi, là huyết nhục của cha tôi, tôi phải làm cho kẻ giết cha tôi đổ máu. Tôi không thể đội trời chung với hắn". Lí lẽ này đơn thuần và ấu trĩ (mặc dầu chúng ta biết rằng Hamlet[6] cũng không có lí do nào sâu xa hơn). Dẫu thế, qua lí lẽ này, ta thấy bẩm sinh con người có cảm giác quân bình chính xác và cảm giác công lí như nhau. "Mắt đổi mắt, răng đền răng". Cảm nghĩ của chúng tôi về phục thù chính xác như toán số, và khi hai vế của phương trình này chưa bằng nhau, thì chúng tôi vẫn còn có cảm giác như quên làm một điều gì đó.

Trong đạo Do Thái, nơi người ta đặt niềm tin ở Thượng đế ganh tị, hoặc trong thần thoại Hy Lạp nơi có thần Nemesis (*nữ thần phục thù, ND*), việc phục thù có thể nhường cho những sức mạnh siêu nhân. Thế nhưng, võ sĩ đạo đã lập một chế độ phục thù dựa vào thường thức, với tính cách như một tòa án về đạo đức để người ta xử những sự

---

[6] Hamlet: Nhân vật trong bi kịch Hamlet của Shakespeare. Hoàng tử Hamlet xứ Đan Mạch thề trước vong linh của vua cha, nguyện phục thù người giết cha mình là chú và người mẹ đã kết hôn với chú khi cha vừa mới mất. Vì tính tình hay suy tư dằn vặt, Hamlet trách móc trọng thần Polinius, cha của người yêu Ophelia. Hamlet giết Polinius và bỏ Ophelia khiến Ophelia đau khổ, tự tử. Hamlet sau đó tuy trả được thù nhưng đã phải chết trong khổ đau.

kiện không thể xử được bằng luật pháp thông thường. Chúa quân của bốn mươi bảy võ sĩ bị xử tội chết. Không có toà án để cho họ kháng cáo, nên họ đã sử dụng chế độ phục thù, một toà án tối cao duy nhất thời đó. Và như thế đến phiên họ, họ phải chịu hình phạt tử hình bằng luật thông thường, nhưng bản năng của dân chúng đã có phán quyết khác và nhờ vậy tên tuổi của họ luôn được ghi nhớ, mồ mả họ ở chùa Sengaku vẫn còn hương khói. Tuy nhiên, Lão Tử đã dạy báo oán bằng đức, và Khổng Tử đã nói rõ hơn là oán phải được đáp lại bằng chính nghĩa. Phục thù vì thế chỉ được xem là đúng khi đó là hành vi vì người trên hay vì người ơn. Đối với những tổn hại của mình hay của vợ con mình thì cần phải nhẫn nhịn và tha thứ. Vì thế võ sĩ hoàn toàn cảm thông với lời thề của Hannibal[7] (*mãnh tướng của Carthago, ND*) báo thù cho tổ quốc của mình, nhưng lại khinh miệt James Hamilton (*nhân vật trong chiến tranh giữa England và Scotland vào thế kỉ thứ 16, ND*) vì

[7] Hannibal (247 trước CN - 183 trước CN): Mãnh tướng Hannibal của Carthago (đô thị thuộc Tunisia nay) năm lên chín, đã cùng cha thề trước tế đàn, quyết hi sinh vì tổ quốc đánh đuổi quân La Mã. Vì lời thề này mà Hannibal đã phải chiến đấu với quân La Mã suốt đời.

đã để trong thắt lưng của mình một nắm đất lấy từ mộ vợ để luôn thúc giục mình trả thù những việc ác của nhiếp chính Regent Murray.

Cả hai chế độ tự sát và phục thù đều không còn lí do để tồn tại trong bộ hình luật hiện đại. Chúng ta không còn dịp nghe được chuyện mạo hiểm lãng mạn của một cô gái trẻ đẹp giả trang đi tìm dấu kẻ giết cha mẹ mình. Kiếm khách Miyamoto (1584-1645) bây giờ đã thành "chuyện nay đã xưa". Ngày nay, cảnh sát có tổ chức hẳn hoi sẽ điều tra, tìm bắt phạm nhân cho người bị hại và pháp luật sẽ thực thi chính nghĩa. Toàn thể quốc gia và xã hội sẽ sửa phạt những điều sai trái. Có chính nghĩa xã hội, việc phục thù sẽ trở thành không cần thiết. Nếu phục thù là sự đói khát của con tim chỉ muốn được thỏa mãn bằng máu sống của người để cúng như học giả thần học người New England đã diễn tả thì một vài điều trong luật hình đã không thể chấm dứt hoàn toàn việc phục thù được như thế này.

Tuy seppuku không còn được cho phép tồn tại trong pháp chế, thế nhưng thỉnh thoảng vẫn còn nghe có. Có lẽ khi kí ức của quá khứ vẫn còn tồn tại thì vẫn còn tiếp tục nghe thấy. Khi con số người muốn tự sát trên khắp thế giới gia tăng với tốc độ đáng sợ thì cách tự sát không mất nhiều thì

giờ, không đau đớn lắm sẽ được hoan nghênh. Nhưng giáo sư Morselli (*tác giả "Tự sát luận", ND*) đã đặc ân cho seppuku địa vị quí tộc trong các phương pháp tự sát. Giáo sư cũng đã chủ trương "trong một trăm trường hợp tự sát bằng phương pháp đau đớn nhất, hoặc cần nhiều thời gian, thì chín mươi chín trường hợp có thể coi như là hành vi của cuồng tín, hoặc phát điên, hoặc cuồng loạn tinh thần do những kích thích bệnh hoạn gây ra". Nhưng, seppuku bình thường không có một dấu hiệu nào cho thấy có vẻ cuồng tín, phát điên hay mê loạn, và để làm được việc này việc cần nhất là phải có một thái độ trầm tĩnh cao độ. Tiến sĩ Strahan (trong "Suicide and Insanity" (*Tự sát và hỗn loạn tinh thần), ND*) chia tự sát ra thành hai loại "tự sát một cách hợp lí hay là tự sát một cách hoài nghi" và "tự sát một cách bất hợp lí hay là thật sự tự sát". Seppuku là tỉ dụ tốt nhất cho loại hình đầu tiên.

Từ chế độ có mùi máu cũng như từ khuynh hướng tổng quát của võ sĩ đạo, ta có thể suy ra dễ dang rằng thanh kiếm giữ vai trò quan trọng trong sinh hoạt và qui luật xã hội, đến nỗi đã có câu cách ngôn nói rằng "thanh kiếm là linh hồn của võ sĩ".

Chương XIII

THANH KIẾM, LINH HỒN CỦA VÕ SĨ

Trong võ sĩ đạo, thanh kiếm là tượng trưng cho sức mạnh và dũng khí. Khi Mahomet (*khoảng 571-632, khai tổ của đạo Hồi (Islam), ND*) đã tuyên bố rằng "thanh kiếm là chìa khóa của thiên đàng và địa ngục", ông ấy chỉ phản ánh tình cảm của người Nhật. Cậu bé samurai học múa kiếm từ lúc còn ấu thơ. Đến năm tuổi, cậu bé được cho phép mang ở thắt lưng một cây kiếm thật thay cho cây kiếm ngắn mà cậu từng dùng làm đồ chơi, được mặc lễ phục của võ sĩ, được đứng trên bàn cờ vây và từ đó cậu bé sẽ được nhìn nhận là có tư cách võ sĩ. Sau nghi thức đầu tiên nhập môn võ sĩ, cậu bé sẽ không bao giờ ra khỏi cổng nhà mình mà không mang theo thanh kiếm như một phần của thân thể mình, mặc dầu trong sinh hoạt hằng ngày, thường thì cậu sẽ mang một thanh kiếm bằng cây sơn bạc thay thế cho kiếm thật. Vài năm sau, đứa trẻ đó sẽ được mang kiếm thật ở thắt lưng, dẫu là kiếm lụt, nhưng với lòng hân hoan nhận được kiếm mới,

đứa trẻ thường ra khỏi nhà, dùng kiếm mới chặt thử cây, đá. Khi đến tuổi thành niên, khoảng mười lăm tuổi, đứa trẻ được tự do hành động, đứa trẻ bây giờ sẽ hãnh diện vì được sở hữu thanh kiếm đủ bén nhọn cho mọi công việc. Việc sở hữu một dụng cụ nguy hiểm đã khiến đứa trẻ có cảm giác và dáng điệu tự trọng, có trách nhiệm. "Thanh kiếm không để cho kẻ kiêu ngạo mang". Cái mà đứa trẻ mang theo mình là biểu tượng của những gì mà người mang nó cảm thấy và nghĩ đến, ... đó là trung nghĩa và danh dự. Võ sĩ mang hai thanh kiếm, một dài và một ngắn, ... được gọi là "daito" và "shoto" hoặc "katana" và "wakizashi", và hai thanh kiếm này không bao giờ rời khỏi mình võ sĩ. Khi ở nhà, võ sĩ thường đặt kiếm ở chỗ dễ thấy nhất trong phòng sách, ban đêm, đặt ở gần gối nơi lúc nào cũng có thể với tay đến. Thanh kiếm là bạn đời, được yêu thương, được đặt tên, được tôn trọng gần như sùng bái. Ông tổ của lịch sử (*Herodotos, người Hy Lạp, ND*) có ghi lại chuyện lạ là người Scythia cúng vật hi sinh cho mã tấu lưỡi liềm sắt. Ở Nhật, đình và gia đình có nhiều nơi giữ kín thanh kiếm để làm đối tượng lễ bái. Ngay như một thanh đoản kiếm tầm thường cũng đáng được tôn kính. Khinh rẻ thanh kiếm của ai tức là lăng nhục người chủ của nó. Thật không may cho ai đó vô ý bước chân ngang qua thanh kiếm để ở sàn nhà.



Thanh kiếm là vật quí giá như thế nên nó đã trở thành điểm nhắm của sự quan tâm và sự khéo tay của các nghệ nhân, hoặc sự phù hoa của kẻ sở hữu, đặc biệt trong thời bình, khi mà nó chỉ được xem như pháp trượng của vị giám mục, hay quyền trượng của một vị vua. Cán kiếm được bọc bằng da cá mập, có chỉ lụa buộc chặt, chắn kiếm được cẩn vàng và bạc, bao kiếm được sơn mài với nhiều màu sắc, làm giảm phần nào sự ghê rợn của một vũ khí chết người. Nhưng tất cả những trang trí này chỉ là đồ chơi so với lưỡi kiếm.

Thợ rèn kiếm không chỉ là thợ thủ công mà là một nghệ nhân cảm được sự linh thiêng và nơi làm việc của ông ta là nơi tôn nghiêm. Nghiêm ngặt với kiêng cữ, mỗi ngày khi bắt đầu công việc, ông đều tắm rửa sạch sẽ và khấn vái thần Phật, hoặc có thể nói là "đem hết tâm hồn của mình vào trong việc trui rèn thanh thép". Mỗi nhát búa, mỗi động tác nhúng nước, mỗi động tác mài dũa, tất cả đều là những hành vi nghiêm túc, mang tính chất tôn giáo. Kiếm Nhật được cho là như có linh hồn, có lẽ là do tâm hồn của nghệ nhân hay khí thiêng của thần phật nhập vào. Ngoài việc là một sản phẩm mĩ thuật hoàn hảo không thua gì danh kiếm Toledo (*cố đô của Spain, ND*) và Damascus (*thủ đô của Syria, ND*), kiếm Nhật còn có một điều gì

đó hơn là một sản phẩm mỹ thuật. Khi rút ra khỏi vỏ, hơi nước bỗng chốc tích tụ trên mặt kiếm lạnh như băng, lấp lánh xanh loè không một gợn mây. Lịch sử và tương lai ẩn mình trong lưỡi kiếm sắc bén vô song. Đường cong của lưng kiếm là kết hợp của sức mạnh cùng với vẻ đẹp siêu đẳng. Tất cả tạo cho chúng ta cảm giác hỗn hợp giữa sức mạnh và vẻ đẹp, giữa tôn kính và sợ sệt. Nếu thanh kiếm chỉ là dụng cụ của vẻ đẹp và sự vui tươi thì đó đúng là vật hoàn toàn vô hại. Thế nhưng khi thanh kiếm còn để ở chỗ mà tay có thể chạm đến thì việc lạm dụng nó không phải là ít. Đôi khi vì muốn thử độ bén của kiếm mới mà nhiều sinh vật vô hại đã bị mất đầu.

Nhưng vấn đề chúng ta quan tâm là liệu võ sĩ đạo có thừa nhận việc sử dụng đao kiếm bừa bãi như thế đó không? Câu trả lời rõ ràng là, không. Võ sĩ đạo xem trọng việc sử dụng thích đáng đao kiếm, nhưng phản đối và thù ghét việc lạm dụng nó. Vung kiếm không phải lúc là hành vi của kẻ hèn nhát hoặc của kẻ kiêu ngạo. Một samurai làm chủ được mình biết được lúc nào nên dùng kiếm và những lúc như vậy rất hiếm. Hãy lắng nghe lời nói của bá tước Katsu Kaishu (1823-99), nhân vật sống qua thời đại hỗn loạn nhất trong lịch sử Nhật Bản, khi mà những sự kiện đẫm máu như ám sát

hoặc tự sát xảy ra hằng ngày. Có thời kì, ông là người có quyền quyết định nhiều chính sách, vì thế đã nhiều lần ông đã trở thành mục tiêu của ám sát. Thế nhưng chưa có lần nào ông để cho thanh kiếm mình nhuộm máu. Có lần cũng với giọng nói bình dân đặc biệt, ông đã kể câu chuyện thời ấy cho bạn mình nghe.

"Tôi rất ghét chuyện giết người cho nên tôi chưa có giết ai bao giờ cả. Tôi đã thả ngay cả những người đáng bị chặt đầu. Có lần một người bạn của tôi (*Kawakami Gensai, người ám sát Sakuma Zozan, ND*) đã nói. "Anh không chịu giết ai cả. Thế là không được. Chắc anh ăn bí rợ hay cà dái dê rồi chớ gì? (*bản Nhật ngữ ghi lại nguyên văn lời nói của Katsu là : "chắc anh thờ cúng bí rợ hay cà dái dê rồi chớ gì?" Bọn nó là những thứ như thế đó", ND*). Ừ, anh ta tệ thật. Nhưng anh bạn đó rồi cũng bị giết. Tôi không bị giết chắc cũng là do tôi ghét việc giết chóc. Tôi đã buộc cán kiếm thật chặt vào vỏ để cho khó có thể rút ra được. Tôi đã quyết rằng dẫu mình có bị chém tôi cũng sẽ không chém trả. Ừ, Thật đấy! Cứ nghĩ đó là rận, là muỗi thì có sao đâu, nên dẫu có bị cắn thì chỉ bị ngứa thôi, có quan hệ gì đến sinh mạng đâu?" Đây là câu nói của người được huấn luyện võ sĩ đạo trong thời đại đầy rẫy tai ương và

thắng lợi. Có câu tục ngữ "bại là thắng" có nghĩa là kẻ thắng thật sự không chống đối lại kẻ địch cuồng bạo, cũng có câu tục ngữ "không đổ máu mà thắng là cách thắng thượng đẳng" và nhiều câu nói giống như thế, cho thấy lý tưởng tối hậu của võ sĩ đạo là hòa bình.

Nhưng tiếc rằng việc giảng giải lí tưởng cao đẹp này đã được dành riêng cho tăng lữ và các nhà đạo đức, còn võ sĩ thì cứ mải miết luyện tập và tán dương đặc chất võ nghệ. Và võ sĩ còn đi quá xa, cố tình tạo ra một hình ảnh lí tưởng của phụ nữ với tính tình như những phụ nữ Amazon[1], không thua kém gì đàn ông. Sau đây tôi xin nói về vấn đề giáo dục và địa vị của phụ nữ.

---

[1] Amazon: Trong thần thoại Hi Lạp, xứ Amazon là xứ của những võ tướng phụ nữ. Nghĩa bóng dùng để chỉ những người phụ nữ can cường, mạnh bạo như đàn ông.

Chương XIV

GIÁO DỤC VÀ ĐỊA VỊ CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ, một phần nửa của nhân loại, đôi khi bị gọi là tiêu biểu của mâu thuẫn, vì tâm lý của phụ nữ thường được vận dụng theo trực giác vượt qua tầm hiểu biết có tính số học của đàn ông. Trong Hán tự, chữ diệu (妙) có nghĩa là kì diệu, không thể biết được, được tạo ra bằng cách ghép chữ nữ (女) và chữ thiếu (少) có nghĩa là trẻ, vì dung mạo dễ thương và tư duy tinh tế của phụ nữ không thể nào lí giải được bằng tâm lý thô lỗ của đàn ông.

Thế nhưng người phụ nữ lí tưởng trong võ sĩ đạo không có chỗ nào có vẻ kì lạ và có chăng chỉ là vẻ mâu thuẫn ở bên ngoài. Tôi có nói vẻ bên ngoài đó giống như của đàn bà Amazon (can đảm như đàn ông) nhưng chỉ trúng được có phân nửa. Chữ "phụ" (婦) trong hán tự có nghĩa là người vợ được tạo ra từ chữ nữ (女) và chữ trửu (帚) ghép lại chỉ người đàn bà cầm cây chổi. Nhất định đây không phải là cây chổi dùng để tấn công chồng

hay để phòng thủ, cũng không phải dụng cụ để phù thủy hóa phép (thương xuất hiện trong chuyện cổ tích *(Tây phương, ND)*), mà đây là chổi được dùng theo cách vô hại có từ xưa. Khái niệm về chữ "phụ" giống như chữ "wife" của tiếng Anh được phái sinh từ chữ weaver (*người dệt vải, ND*) và chữ "daughter" được phái sinh từ chữ duhitar (*người vắt sữa, ND*), đều có tính cách gia đình. Hình ảnh lí tưởng của người phụ nữ trong võ sĩ đạo có tính cách gia đình nhiều hơn, không giới hạn trong ba phạm vi hoạt động như hoàng đế nước Đức đã nói là nhà bếp, nhà thờ và con cái. Vừa là phụ nữ đảm đang, vừa can đảm như đàn ông, hai đặc tính có vẻ trái ngược nhau, nhưng với giáo huấn của võ sĩ đạo thì chúng ta sẽ thấy là không có gì mâu thuẫn cả.

Võ sĩ đạo là những giáo huấn căn bản dành cho đàn ông, nên những đức tính mà võ sĩ đạo đòi hỏi ở phụ nữ rõ ràng khác xa với tính cách của phụ nữ. Winckelman (*sử gia mỹ thuật người Đức, 1728-79, ND*) đã lưu ý rằng "vẻ đẹp tối cao của nghệ thuật Hi Lạp không phải là ở chỗ có tính đàn bà mà là ở chỗ có tính đàn ông" và Lecky (*trong "History of European morals", ii, p. 383*) thêm rằng điều này cũng có trong quan niệm đạo đức của người Hi Lạp, giống như trong quan niệm nghệ

thuật của họ. Giống như vậy, võ sĩ đạo tán dương những người phụ nữ "thoát khỏi sự mềm yếu của giới tính, hành động cương cường không thua gì những người đàn ông mạnh mẽ, dũng cảm nhất". Vì thế, phụ nữ từ lúc còn thơ đã được huấn luyện để có một thần kinh sắt đá, trấn áp tình cảm, sử dụng võ khí, đặc biệt là cách sử dụng "nagi-nata" (dao găm cán dài) để giữ thân khi gặp tình huống bất trắc. Tuy nhiên, võ nghệ của phụ nữ không nhằm mục đích chiến đấu, mà chỉ nhằm để giữ thân và giữ gia đình. Giống như việc chồng mình bảo vệ chúa quân, phụ nữ nhiệt thành bảo vệ sự tôn nghiêm của mình bằng võ khí của mình. Võ nghệ của phụ nữ được sử dụng trong việc giáo dục con trai như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Kiếm thuật và những tập luyện tương tự, tuy thực tế ít có dịp để dùng nhưng có công dụng trong việc giữ gìn sức khỏe, bổ túc cho tập quán ít cử động của phụ nữ. Nhưng võ nghệ này không chỉ rèn luyện với mục đích giữ gìn sức khỏe mà thực sự là để sử dụng khi cần thiết. Thiếu nữ khi đến tuổi trưởng thành sẽ được ban cho một dao găm, gọi là kaiken (*kiếm đựng trong bọc, ND*), giắt ở ngực dùng để đâm vào ngực kẻ tấn công mình hoặc để đâm vào ngực mình khi cần thiết. Trường hợp sau rất thường xảy ra, nhưng ở đây tôi không

muốn xét xử nghiêm khắc những người này vì việc này. Chắc đạo Cơ đốc cũng sẽ không phê phán họ dữ dội, dẫu theo lương tâm của đạo thì việc tự sát là việc đáng ghét. Pelagia[1] và Dominina[2] đã tự sát nhưng cả hai đã được phong thánh vì sự trong sạch và lòng thành kính của họ. Virginia[3] Nhật Bản sẽ không đợi lưỡi dao của cha mình khi biết sự trinh bạch của mình bị đe dọa. Vũ khí luôn được giắt ở trong ngực và nếu không biết cách tự giết mình thì đó là điều nhục nhã đối với nàng. Nàng không có học về giải phẫu học nhưng nàng phải biết chính xác chỗ cần phải đâm ở cổ họng; và trước khi chết dẫu có đau đớn đến mấy nàng cũng cần phải biết cách dùng dây lưng của mình

---

[1] Pelagia: Trinh nữ Pelagia 15 tuổi của xứ Antioch (nay thuộc Thổ Nhĩ Kì) đã chọn cái chết bằng cách nhảy từ nóc nhà xuống biển để khỏi bị lính hãm hiếp nhục nhã.

[2] Dominina: Dominina đã cùng với hai con gái dìm mình xuống sông tự tử để khỏi bị lính hãm hiếp nhục nhã.

[3] Virginia: Nhà độc tài Claudius (La Mã) thấy Virginia đẹp nên muốn bắt làm nô lệ và tì thiếp cho mình. Cha của Virginia vì quá phẫn nộ trước hành vi bạo ngược của kẻ độc tài, đã to giọng "Con ơi. Cha sẽ cứu con". và ông đã đâm chết con mình trước mặt công chúng để giữ gìn trinh tiết cho con.

buộc hai bắp chân lại để xác mình được phát hiện trong tư thế đàng hoang nhất với hai chân vẫn được khép kín. Sự cẩn thận như thế này không xứng đáng để so sánh với hành vi của tín đồ Cơ đốc Perpetua[4] hay của trinh nữ Corneria[5] hay sao? Bất ngờ, tôi đặt ra câu hỏi như thế này là vì có người hiểu lầm là ở xứ chúng tôi không có quan niệm trinh tiết khi nhìn thấy một vài chuyện nhỏ nhoi như phong tục tắm chung[6] của chúng tôi. Ngược lại, trinh tiết là đức tính quan trọng nhất của vợ samurai, được coi trọng hơn cả sinh mạng. Có một người đàn bà trẻ bị địch bắt, biết mình sẽ

[4] Perpetua: Phụ nữ người châu Phi theo đạo Cơ đốc. Trong chiến dịch đàn áp đạo Cơ đốc, Perpetua bị bắt và bị dẫn đến La Mã cho thi đấu với thú dữ. Theo lệ thì phải lột y phục, nhưng Perpetua đã van xin quan hiến và với sự đồng tình của quần chúng, nàng đã được giữ nguyên y phục khi thi đấu. Bị thú dữ vồ chụp nhưng nàng vẫn cố gắng kéo y phục rách nát che thân. Cuối cùng Perpetua đã bị thú dữ cào chết.

[5] Cornelia: Một trong sáu trinh nữ được phái đến cung điện của nữ thần Vesta (nữ thần La Mã) để giữ lửa trong lò thánh được cháy mãi. Trinh nữ Cornelia đã phạm phải điều cấm nên bị xử tử hình bằng cách chôn sống. Cornelia đã cố giữ y phục của mình được chỉnh tề khi bị chôn sống.

[6] Phong tục tắm chung của người Nhật (cha con hoặc vợ chồng tắm chung với nhau trong cùng một phòng tắm, hoặc bồn tắm), ngày nay vẫn còn.

bị bọn võ sĩ thô bạo làm nhục, nói rằng nàng sẽ nghe theo ý muốn của họ nếu họ cho phép viết vài hang gởi đến cho các chị em bị li tán do chiến tranh. Khi viết xong bức thơ, nàng liền chạy đến một giếng nước gần đó và gieo mình xuống giếng để giữ danh dự cho mình. Trong bức thơ để lại có dòng chữ sau đây.

"Đường trần thế, sợ rằng có ngày bị mây che lấp.

Chỉ còn cách lẩn dưới vầng trăng thanh vắt ngang đồi".

Thật là không có công bằng một chút nào nếu tôi đã để cho độc giả nghĩ rằng chỉ phụ nữ có tính cách đàn ông mới là lí tưởng cao cả nhất của chúng tôi. Hoàn toàn trái ngược! Những điều cần có ở phụ nữ là học thức cùng với tài nghệ và sự thanh nhã, uyển chuyển trong cuộc sống. Không coi thường âm nhạc, vũ múa, văn học. Trong những bài thơ haiku hay, điêu luyện, có nhiều bài diễn tả tâm tình phụ nữ và họ đã giữ một vai trò quan trọng trong lịch sử văn học Nhật Bản. Vũ múa *(tôi nói về con cái của samurai chứ không phải nói về geisha (kĩ nữ Nhật Bản, ND))* chủ yếu giúp dáng điệu trở nên dịu dàng, thanh nhã. Âm nhạc dùng để uy lao chồng, cha. Co nghĩa là không nhầm

mục đích vì nghệ thuật, mục đích tối hậu của nghệ thuật, của âm nhạc ở đây là tạo ra sự thanh khiết trong lòng vì nếu lòng không bình thản thì âm nhạc tự nó sẽ loạn điệu. Trong việc giáo dục thiếu niên, như đã nói ở phần trước, tài nghệ luôn ở vị trí phụ thuộc so với những giá trị đạo đức. Trường hợp của phụ nữ cũng giống như vậy. Vũ múa, âm nhạc chỉ nhằm làm cho cuộc sống trở nên thanh nhã, tươi sáng, và chỉ có thế, nhất định không nhằm mục đích nuôi dưỡng lòng kiêu căng và lãng phí. Tôi đồng tình với hoàng tử Ba Tư khi được mời nhảy trong buổi tiệc khiêu vũ ở London, đã thẳng thắn nói: "Ở nước tôi, chúng tôi dành thứ công việc này cho bọn gái đặc biệt làm".

Phụ nữ học tập tài nghệ không nhằm mục đích để biểu diễn hay để đạt địa vị trong xã hội. Tài nghệ chỉ được dùng vào việc mua vui trong gia đình và dẫu có dịp phô trương trong tiệc xã giao thì đó cũng chỉ là công việc của bà chủ nhà, nói một cách khác đó chẳng qua chỉ là một cách tiếp đãi khách của gia đình. Vấn đề quan trọng nhất trong giáo dục phụ nữ là giữ gìn gia đình (*trị gia, ND*) và có thể nói rằng tài nghệ của phụ nữ Nhật Bản xưa, chủ yếu nhằm vào việc gia đình, bất kể văn hay võ. Phụ nữ dẫu có xa nhà đến mấy, họ cũng không bao giờ quên cảnh gia đình xúm xít

quanh lò sưởi và để duy trì danh dự và sự tôn nghiêm cho gia đình họ sẵn sàng làm việc vất vả, và hi sinh cả đời mình. Vì tổ ấm của mình, ngày cũng như đêm , họ tiếp tục hát những bài ca lúc mạnh lúc yếu, lúc hùng dũng lúc bi ai. Phụ nữ hi sinh đời mình cho cha, cho chồng, cho con. Từ thời thơ ấu, phụ nữ được dạy phải quên mình. Cuộc đơn của phụ nữ không phải là một đời sống độc lập mà là một đời sống phụng sự có tính phụ thuộc. Là người nội trợ, nếu sự hiện diện của mình có lợi cho chồng thì phải cùng chồng lên khán đài, nếu sự hiện diện của mình cản trở công việc của chồng thì phải rút ra phía sau màn. Tỉ dụ có một thanh niên yêu một cô gái và cô gái đáp lại bằng cả nhiệt tình của mình. Nhưng nếu cô gái biết được vì yêu mình mà người thanh niên kia quên mất nhiệm vụ thì sao? Chắc hẳn cô gái sẽ tìm cách làm mất sức quyến rũ bằng cách hủy hoại nhan sắc của mình và đó không phải là chuyện hiếm có. Azuma (*khoảng thế kỉ 12-13, Azuma có pháp danh là Kesa, lấy chồng lúc 14 tuổi, chồng là Minamoto Wataru, ND*), người đàn bà lí tưởng của những cô gái samurai, biết kẻ tìm cách hãm hại chồng mình yêu thương mình, đã giả vờ tham gia âm mưu giết chồng, nhưng sau đó đã lợi dụng đêm tối thay chồng để lưỡi kiếm của kẻ thích khách yêu mình

chặt lấy đầu mình. Dưới đây là bức thơ của vợ một daimyo (*lãnh chúa Kimura Shigenari 1593-1615, ND*) trẻ tuổi gởi lại cho chồng trước khi kết liễu đời mình. Chắc không cần phải chú giải.

"Thiếp nghe rằng mọi việc đều suôn sẻ, không có bất cứ tai nạn hoặc rủi ro làm hỏng những việc đã định. Cùng ở dưới một bóng cây, cùng uống nước một dòng sông, giống như mọi chuyện đã được sắp đặt từ kiếp trước. Tính ra cũng gần được hai năm, từ ngày thiếp có duyên thành vợ thành chồng với chàng, thiếp đã sống dựa vào chàng như hình với bóng. Vừa rồi thiếp có nghe chàng sắp phải đánh trận chiến cuối cùng trong đời. Ngày xưa ở Trung Quốc, võ sĩ dũng mãnh nhất thế gian, Hạng Vũ trên đường cùng, vẫn tưởng nhớ hình bóng của Ngu Cơ. Dũng sĩ Yoshinaka của chúng ta cũng đã mềm lòng khi phải từ giã vợ mình (*tên là Matsu, ND*). Thế nên thiếp, kẻ không còn có mong muốn gì trong cuộc đời này nữa, ít ra cũng phải quyết thực hành việc cuối cùng thiếp cần phải làm trong lúc chàng còn sống, và hẹn sẽ đợi chàng trên con đường vào cõi chết. Xin chàng đừng bao giờ quên, đừng bao giờ quên ơn nghĩa như trời biển của chúa quân Hideyori đã ban cho chúng ta".

Phụ nữ đường đường, vui lòng xả thân vì chồng con, và gia tộc giống như nam nhi xả thân vì

chúa quân, và xứ sở. Từ bỏ bản ngã - không một bí ẩn nào của nhân sinh được giải quyết nếu thiếu điều này - là điều chủ yếu của tính gia đình của phụ nữ, tương tự như việc trung nghĩa của nam giới. Phụ nữ không bao giờ là nô lệ của đàn ông giống như chồng họ không bao giờ là nô lệ của chúa quân. Vai trò của phụ nữ có tính cách "naijo" có nghĩa là "trợ giúp bên trong". Trên bậc thang cao dần của việc phụng sự, phụ nữ xả thân vì nam giới, từ đó nam giới có thể bỏ mình cho chúa quân và trên cơ sở đó chúa quân có thể vâng theo ý trời. Tôi biết khuyết điểm của việc giáo huấn như thế này và tôi cũng biết điểm ưu việt nổi bật nhất của Cơ đốc giáo là đòi hỏi trách nhiệm trực tiếp của mọi người đối với đấng tạo hóa. Tuy nhiên, giáo nghĩa của việc phục vụ - có nghĩa là hi sinh cá tính của mình để phục vụ cho một mục đích cao hơn mục đích của bản thân, là lời chỉ dạy lớn lao nhất của đức Jesus, tạo thành điểm chính thần thánh trong sứ mệnh của ngài - dựa vào điều này thì có thể nói là võ sĩ đạo cũng đã đặt cơ sở trên chân lí vĩnh viễn.

Chắc độc giả sẽ không chỉ trích rằng tôi có thiên kiến thiên vị càn bậy, thừa nhận sự phục tùng có tính cách nô lệ của ý chí. Trên đại thể, tôi chấp nhận thuyết mà Hegel, triết gia học rộng nghĩ sâu, đã chủ trương và biện hộ rằng "lịch sử

là sự phát triển và thực hiện của tự do". Điều mà tôi muốn nói rõ ở đây là giáo huấn của võ sĩ đạo, tất cả đều thấm nhuần tinh thần hi sinh cá nhân, không phải chỉ đòi hỏi ở phụ nữ mà ở cả nam giới. Vì thế, ngày nào mà ảnh hưởng của võ sĩ đạo vẫn còn, xã hội chúng tôi sẽ không tán thành quan điểm khinh suất của người Mỹ chủ trương nữ quyền, kêu gọi "tất cả phụ nữ Nhật Bản, hãy đứng lên chống lại những tục lệ cũ xưa". Liệu một cuộc phản nghịch như thế này có thể thành công? Và rồi, địa vị của phụ nữ có được nâng cao? Quyền lợi dễ dàng giành được như thế này có đủ để đền bù lại sự mất mát của những hành động dịu dàng, tính nết nhu mì mà phụ nữ đã kế thừa hôm nay không? Sự băng hoại đạo đức đã xảy ra khi một số phụ nữ La Mã không còn thiết tha gì với gia đình, trầm trọng đến nỗi không thể tả phải không? Những người Mỹ chủ trương cải cách có thể làm cho chúng tôi hiểu và nhìn nhận rằng sự phản nghịch của phụ nữ đúng là con đường phát triển của lịch sử cần phải theo không? Đây là vấn đề hết sức quan trọng. Biến đổi phải và sẽ xảy ra không cần phải qua những phản kháng. Hãy thử xem địa vị của phụ nữ dưới chế độ võ sĩ đạo có thật là tồi tệ đến độ cần phải thừa nhận một sự phản kháng?

Chúng tôi có nghe nhiều về sự tôn kính ngoài mặt mà kị sĩ Âu châu dành cho "Thượng đế và quí bà". Sự không cân đối của hai từ ngữ này đã làm cho Gibbon (*sử gia, nghị viên người Anh, 1737-94, ND*) đỏ mặt. Vả lại, theo Hallam (*sử gia người Anh, 1777-1859, ND*), đạo đức của kị sĩ đạo rất thô tục, rằng sự chiều chuộng phụ nữ tiềm ẩn tình yêu bất chính. Ảnh hưởng của kị sĩ đạo đối với phụ nữ là đề tài suy ngẫm cho các triết gia. Guizot (*sử gia người Pháp, 1787-1874, ND*) cho rằng chế độ phong kiến và kị sĩ đạo đã tạo ra những ảnh hưởng lành mạnh, trong khi đó Spencer nói rằng trong xã hội quân sự (và xã hội phong kiến nếu không phải là xã hội quân sự thì là gì?) địa vị của phụ nữ đương nhiên sẽ thấp, và chỉ được cải thiện khi xã hội có công nghiệp phát đạt hơn. Thuyết của Guizot hay của Spencer đúng đối với Nhật Bản? Tôi nghĩ rằng cả hai đều đúng. Giai cấp quân nhân ở Nhật Bản giới hạn trong phạm vi samurai, gồm khoảng hai triệu người. Ở trên họ là những quí tộc quân nhân, những "daimyo", những quí tộc triều đình, những "kuge". Những quí tộc có địa vị cao, sống an dật này chỉ là những võ nhân trên danh nghĩa. Dưới võ sĩ là đám thường dân, nông, công, thương, suốt đời chuyên làm những công việc yên bình. Những điều mà Herbert Spencer đưa ra xem

như là những hình thái đặc biệt của xã hội quân sự, có thể nói rằng tất cả chỉ có ở giai cấp võ sĩ. Trong khi đó những hình thái đặc biệt của xã hội công nghiệp lại chỉ có thể thấy được ở những giai cấp trên và dưới giai cấp võ sĩ. Nhìn vào địa vị của phụ nữ thì sẽ thấy rõ được điều này. Nghĩa là, phụ nữ ít được hưởng tự do nhất ở giai cấp samurai. Lạ lùng thay, ở giai cấp càng thấp - tỉ dụ như giai cấp thợ thủ công - địa vị vợ chồng càng trở nên bình đẳng hơn. Ở hàng quí tộc địa vị cao hơn, cũng giống như vậy, sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới không đáng kể, chủ yếu vì sinh hoạt của quí tộc nhàn rỗi đúng là đã bị phụ nữ hóa. Vì vậy thuyết của Spencer đã được minh chứng trong xã hội Nhật Bản cũ. Còn thuyết của Guizot, những người đã đọc những quan niệm về xã hội phong kiến của ông này chắc sẽ nhớ rằng đối tượng khảo sát đặc biệt của Guizot là những quí tộc có địa vị cao, do đó có thể áp dụng thuyết của ông vào giai cấp daimyo và kuge.

Nếu những giải thích của tôi khiến ai đó nghĩ rằng địa vị của phụ nữ rất thấp trong võ sĩ đạo, thì tôi đã phạm lỗi thiếu công chính lớn lao đối với sự thật của lịch sử. Tôi sẽ không do dự mà nói rằng phụ nữ không được đối xử bình đẳng với nam giới. Nhưng nếu không biết nhận rõ sự khác nhau giữa

dị đồng và bất bình đẳng thì thường khó tránh khỏi hiểu lầm về vấn đề này.

Khi nghĩ rằng ngay cả đối với nam giới, nam giới cũng chỉ được bình đẳng với nhau trong một vài trường hợp hiếm hoi như ở tòa án hay trong lúc bầu cử, thì việc thảo luận về bình đẳng giới là điều vô ích chỉ gây phiền hà. Tuyên ngôn độc lập của Mỹ có câu nói mọi người được tạo ra đều bình đẳng, nhưng không có nghĩa là bình đẳng về năng lực thể xác hay tinh thần. Đây chỉ muốn nhắc lại lời nói của Ulpian (*luật gia người La Mã, ?-228, ND*) xưa kia, rằng "mọi người đều bình đẳng trước pháp luật". Trong trường hợp này, quyền lợi về pháp luật là thước đo của sự bình đẳng. Nếu pháp luật là một thước đo duy nhất đo được địa vị của phụ nữ trong xã hội thì việc nói lên sự cao thấp của địa vị phụ nữ cũng dễ dàng như việc đo trọng lượng của họ. Thế nhưng vấn đề là: Có tiêu chuẩn chính xác để so sánh địa vị tương đối trong xã hội giữa nam và nữ hay không? So sánh giá trị giữa nam và nữ rồi đưa ra một tỉ lệ bằng một con số giống như là so sánh giá trị giữa vàng và bạc, và như vậy có đúng và đầy đủ không? Phương pháp tính toán như thế đó sẽ để một thứ giá trị quan trọng nhất của con người là giá trị nội tại ra ngoài việc khảo sát. Nếu nghĩ rằng để hoàn thành sứ mệnh trong cõi đời,



nam nữ cần rất nhiều thứ năng lực khác nhau, thì thước đo dùng để đo địa vị tương đối giữa nam nữ phải là một thứ có tính chất phức hợp. Hoặc nếu dùng từ ngữ kinh tế thì đó phải là một "tiêu chuẩn đa nguyên". Võ sĩ đạo có tiêu chuẩn của riêng mình, và đó là tiêu chuẩn của phương trình có hai số hạng. Giá trị của phụ nữ được đo bằng hai số hạng là chiến trường và gia đình. Ở số hạng đầu phụ nữ bị đánh giá rất nhẹ, nhưng ở số hạng sau thì là tuyệt hảo. Đối đãi dành cho phụ nữ tương ứng với sự đánh giá hai tầng này. Nghĩa là, thấp với tư cách là đơn vị chính trị, xã hội, trong khi nếu là mẹ và là vợ, phụ nữ được thương yêu và kính trọng vào bậc nhất. Tại sao ngay giữa những quốc dân nghiêng về quân sự như người La Mã xưa, phụ nữ vẫn được kính trọng hết mức? Vì họ là những "matronae", có nghĩa là những bà mẹ phải không? Không phải vì là chiến sĩ, cũng không phải vì là chính trị gia mà vì là những bà mẹ của họ nên người La Mã đã cúi mình trước phụ nữ. Chúng tôi cũng như thế. Trong những lúc cha hoặc chồng ra chiến trường, việc quản lí gia đình được giao cho người mẹ hoặc người vợ. Những người phụ nữ này được giao phó việc giáo dục con trẻ, kể cả việc bảo vệ chúng. Như tôi đã trình bày ở phần trước, việc luyện tập võ nghệ của phụ nữ chủ yếu nhằm mục

đích tạo cho họ khả năng sáng suốt hướng dẫn và theo dõi việc giáo dục con cái.

Trong những người ngoại quốc có kiến thức nửa vời về người Nhật, một số thấy người Nhật gọi vợ mình là "gusai" (con vợ ngu của tôi), từ cái nhìn bề ngoài, đã cho đây là bằng chứng người vợ bị khinh miệt, ít được kính trọng. Nhưng chỉ cần nói những chữ như "gufu" (người cha ngu của tôi), "tonji" (thằng con như heo của tôi), "sessha" (kẻ ngốc này, để xưng "tôi") cũng được dùng trong đối thoại hằng ngày, thì câu trả lời đã đủ rõ.

Tôi nghĩ rằng quan niệm kết hôn của người Nhật, ở một điểm nào đó, tiến bộ hơn những người được gọi là tín đồ Cơ đốc. "Trai và gái hợp lại thành một thể xác". Chủ nghĩa cá nhân của Anglo - Saxon không thể thoát ra khỏi quan niệm chồng và vợ là hai nhân cách khác nhau. Vì thế khi vợ chồng bất hòa, họ thừa nhận quyền lợi của nhau, và khi họ đằm thắm, họ dùng mọi thứ từ ngữ ngọt ngào vô nghĩa để nịnh hót nhau. Thế nhưng vẫn chưa đủ, đối với người ngoài, họ nói người bạn đời của mình nào là tử tế, là thông minh, là dễ thương - thật sự tốt hay xấu, không biết - những điều nghe hết sức trái tai. Khi nói tới mình mà cứ bảo là "thằng tôi thông minh" hoặc "thằng tôi dễ thương" thì thử hỏi nghe có được không? Chúng tôi nghĩ rằng khen vợ mình

đồng nghĩa với khen một phần nào đó của mình. Và chúng tôi cũng xem việc khen mình ít nhất cũng là một sở thích không tốt. Tôi hi vọng trong những dân tộc Cơ đốc cũng có cách nghĩ như thế ! Gọi vợ mình một cách lễ phép nhưng xấu miệng là cách gọi quen thuộc trong hàng ngũ võ sĩ. Vì thế tôi đã rẽ ngang lâu lắc để bàn về vấn đề này.

Người dân tộc Teuton (*tiền thân của dân tộc Đức, ND*) bắt đầu cuộc sống của bộ lạc mình trong nỗi kinh sợ có tính cách mê tín đối với phụ nữ (*trên thực tế, việc này mất dần ở nước Đức*), và người Mỹ bắt đầu cuộc sống xã hội của mình với nhận thức đau đớn của sự thiếu nhân số phụ nữ (ngày nay, nhân số phụ nữ gia tăng nên tôi sợ rằng đặc quyền mà người mẹ có được trong thời kỳ thực dân sẽ nhanh chóng mất đi) nên trong văn minh Tây phương sự kính trọng của nam giới đối với nữ giới đã trở thành tiêu chuẩn đạo đức chính yếu. Nhưng đạo đức của võ sĩ đạo đã tìm ngã rẽ của thiện ác ở một nơi khác. Ngã rẽ nằm dọc theo con đường nghĩa vụ nối linh hồn thiêng liêng của mình với linh hồn của người khác dựa theo đạo ngũ luân mà tôi đã nói ở phần trước. Trong đạo ngũ luân, tôi đã giải thích "trung nghĩa", quan hệ của một người với tư cách là thần hạ đối với người có tư cách là chúa

quân. Những điểm còn lại, tôi chỉ đề cập đến khi có cơ hội vì đó không phải là những đặc chất của võ sĩ đạo. Đó là những điều đặt căn bản trên tình ái tự nhiên của con người, là điểm chung cho tất cả nhân loại. Tuy nhiên một vài điểm đặc biệt đã được nhấn mạnh tùy theo tình huống được rút ra từ giáo huấn của võ sĩ đạo. Liên quan đến điều này, tôi nghĩ đến nét đẹp và sức mạnh cố hữu có trong tình bằng hữu giữa nam giới với nhau. Tình bằng hữu như thế này nhiều lúc tạo ra lòng yêu mến lãng mạn trong việc thề nguyền kết nghĩa anh em. Và chắc chắn là lòng yêu mến này trở thành sâu đậm hơn bởi tập quán khi còn trẻ nam nữ phải ở riêng. Việc nam nữ ở riêng đã bít kín con đường lưu thông tự nhiên của tình ái có trong kị sĩ đạo của châu Âu, hay có trong việc giao tế tự do của nam nữ ở những vùng đất Anglo - Saxon. Chúng tôi có thể dùng nhiều giấy mực kể những chuyện ở Nhật Bản giống như chuyện của Damon và Pythias[7] hay của Achilles

---

[7] Damon và Pythias: Damon là bạn thân của Pythias. Pythias vì có tội nên bị bạo chúa Dionusios tuyên án tử hình. Trước khi thụ hình, Pythias xin được về quê thu xếp việc nhà. Damon đã đứng ra bảo lãnh cho bạn. Damon vào ngục và sẽ thay bạn nhận án tử hình nếu bạn không trở lại. Đúng như lời hứa, sau khi thu xếp việc nhà, Pythias đã trở lại. Dionusios cảm kích tình bạn của hai người nên đã tha tội cho Pythias.



với Patroclos[8], và những câu chuyện của võ sĩ đạo về tình bằng hữu sâu đậm, không thua gì tình bằng hữu giữa David và Jonathan[9].

Mặt khác, đạo đức và những chỉ dạy độc đáo của võ sĩ đạo không chỉ giới hạn trong giai cấp võ sĩ. Điều này khiến tôi phải gấp rút khảo sát sự cảm hóa của võ sĩ đạo trong phạm vi toàn quốc dân.

---

[8] Achilles và Patroclos: Trong trận đánh ở thành Troia (cổ Hi Lạp), Achilles là dũng sĩ có sức mạnh vô địch, nhưng qua cuộc tranh luận với nguyên soái Agamemnon, Achilles đã rút quân khỏi chiến tuyến. Quân Hi Lạp sau đó đã bị người Troia tập kích đốt chiến thuyền. Bạn của Achilles là Patroclos thay Achilles mặc áo giáp ra trận nhưng đã bị tướng của Troia là Hector giết chết. Achilles đem quân trở lại đánh và đâm chết Hector, trả thù cho bạn mình.

[9] David và Jonathan: David là thần hạ của vua Saul (vua của Israel) và Jonathan là con của Saul. Hai người kết bạn thâm giao. Trong trận chiến với người Perisite, Jonathan bị giết chết, David đã làm "Bài hát của cây cung" để tế bạn mình.

Chương VX

SỰ CẢM HÓA CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Đạo đức của võ sĩ đạo cao hơn mức tổng quát trong đời sống của quốc dân rất xa và trước nay tôi cũng chỉ khảo sát một vài đỉnh cao nổi bật trong số đó. Khi mặt trời mọc, trước tiên, đỉnh núi cao nhất nhuộm hồng, rồi từ từ ánh sáng mới bắt đầu chiếu xuống thung lũng. Giống như thế, hệ thống luân lí trước tiên soi sáng giai cấp võ sĩ, theo dòng chảy của thời gian, một số người trong đám dân thường bắt đầu chú ý và noi theo. Chủ nghĩa dân chủ dựng người vương giả trời ban thành người lãnh đạo và chủ nghĩa quí tộc truyền bá tinh thần vương giả ra trong khắp mọi người. Đạo đức cũng truyền nhiễm không kém gì tội ác. Emerson có nói rằng: "Trong cùng một bọn, chỉ cần có một người khôn thì cả bọn đều khôn. Sự truyền nhiễm nó nhanh như thế đó". Không có bất cứ giai cấp nào của xã hội có thể ngăn chặn sức truyền bá của cảm hóa về đạo đức.



Chúng tôi có thể kể thao thao bất tuyệt cuộc tiến quân giành thắng lợi cho tự do của dân Anglo - Saxon, nhưng việc này ít khi được đại chúng thúc đẩy. Đằng nào đây cũng chỉ là sự nghiệp của các hương sĩ và gentlemen phải không? Taine rất đúng khi cho rằng: "Ba âm được dùng ở phía bên kia eo biển có thể tóm tắt lịch sử của xã hội nước Anh". Đối với phát ngôn như thế đó, chủ nghĩa dân chủ sẽ đưa ra phản biện đầy tự tin, và chắc hẳn sẽ hỏi lại như sau: "Lúc Adam bới đất, Eve dệt vải, thì gentlemen ở đâu nhỉ?" Thật là đáng buồn vì gentleman không có ở Eden. Tổ tiên của nhân loại phải chịu đau khổ và phải trả giá đắt cho sự vắng mặt của gentleman. Nếu gentleman có ở đó thì thiên đường không những đầy hương vị, tổ tiên chúng ta không cần phải chịu đau khổ mà vẫn có thể học hỏi được rằng việc bất phục tùng đối với Jehovah (*Thượng đế, ND*) có nghĩa là bất trung và nhục nhã, là phản bội và phản nghịch.

Nhật Bản của quá khứ có được là nhờ ơn của võ sĩ. Võ sĩ không những là cành hoa của quốc gia mà còn là gốc rễ nữa. Tất cả mọi ân huệ của Thượng đế đều thông qua họ đến với mọi người. Về mặt xã hội, võ sĩ đã tách mình ra khỏi quần chúng, nhưng họ đã lập ra tiêu chuẩn đạo đức cho quần chúng, tự mình thành mô phạm, hướng

dẫn quần chúng. Tôi thừa nhận trong võ sĩ đạo có giáo huấn nội bộ và công khai. Giáo huấn công khai nhằm vào lợi ích chung, giữ gìn an ninh và hạnh phúc cho xã hội, giáo huấn nội bộ có tính đạo đức thuần túy, nhấn mạnh việc thực hành hành vi đạo đức.

Thời kì kị sĩ đạo thịnh hành nhất ở Âu châu, kị sĩ cũng chỉ là một phần nhỏ trong dân số. Nhưng như Emerson đã nói "phân nửa kịch và tất cả tiểu thuyết trong văn học Anh quốc, từ thời Philip Sidney (*thi sĩ thế kỉ 16, ND*) đến thời Walter Scott (*tiểu thuyết gia thế kỉ 18, ND*) đều nhằm miêu tả nhân vật này (gentleman)". Nếu thay Sidney và Scott bằng Chikamatsu (1653-1724) và Bakin (1767-1848), các bạn sẽ thấy rõ đặc tính chủ yếu của văn học sử Nhật Bản.

Dân chúng được giải trí và học hỏi qua nhiều hình thái - diễn kịch, kí tịch (*tiếng Nhật là "Yose": Nghệ thuật kể chuyện gồm chuyện cười, chuyện vũ dũng v.v., ND*), kịch búp bê Joruri, tiểu thuyết - lấy chủ đề từ những câu chuyện của võ sĩ. Nông dân quây quần quanh bếp nghe kể đi kể lại chuyện của trung thần Benkei đối với chủ tướng Yoshitsune (1159-89), hoặc chuyện vũ dũng của hai anh em Soga (1172-93; 1174-93) mà không bao giờ thấy chán. Bên cạnh bếp, bọn trẻ nghịch ngợm há

miệng, lắng tai nghe cho đến khi củi trong lò cháy hết mà lòng vẫn cứ rạo rực. Trong tiệm buôn, người giữ tiệm, thằng bé bán hàng, sau khi hết công việc trong ngày, đóng cửa tiệm, cùng nhau quây quần, nghe kể chuyện về Hideyoshi (1536-98), về Nobunaga (1534-82) cho đến khuya, mệt mỏi lim dim trong giấc mơ thoát khỏi những nỗi khổ nhọc của công việc hàng quán, và đưa họ vào cảnh đi tìm công danh trên chiến trường. Trẻ mới chập chững còn nói đớt, cũng được dạy kể lại chuyện mạo hiểm cổ tích Momo Taro đi chinh phạt đảo ông kẹ. Ngay cả những đứa con gái ái mộ sâu sắc lòng dũng cảm và đức độ của võ sĩ, cũng ham nghe những câu chuyện của võ sĩ, tựa như nàng Desdemona (*trong bi kịch Othello của Shakespeares, ND*).

Võ sĩ đã trở thành lí tưởng cao đẹp của toàn thể dân tộc. Trong quần chúng có câu hát rằng "Hoa thì phải là hoa anh đào, con người thì phải là võ sĩ". Giai cấp võ sĩ bị cấm tham gia thương nghiệp nên đã không trực tiếp giúp đỡ thương nghiệp. Thế nhưng không có phương thức hoạt động nào, không có cách suy nghĩ nào, trong một chừng mực nào đó, đã không nhận kích thích từ võ sĩ đạo. Võ sĩ đạo đã trực tiếp hay gián tiếp hun đúc nên tri thức và đạo đức của Nhật Bản.

Ông Mallock (*nhà văn người Anh, 1849-1923, ND*), trong tác phẩm "Chủ nghĩa quí tộc và sự tiến hóa" có rất nhiều ám thị, đã hùng biện nói rằng "sự tiến hóa xã hội, chừng nào còn khác với sự tiến hóa của sinh vật, có thể được định nghĩa là kết quả không dự định, có được do ý chí của vĩ nhân". Và ông còn nói rằng sự tiến bộ của lịch sử không phải do sự canh tranh sinh tồn của toàn thể xã hội, mà có được do sự cạnh tranh giữa một thiểu số người trong cộng đồng trong việc chỉ đạo, chi phối, mướn số đông đại chúng làm việc bằng cách làm tốt nhất. Không phải là không có chỗ để phê phán về sự thích đáng của nghị luận này nhưng những gì mà võ sĩ đã đóng góp cho sự tiến bộ xã hội của đế quốc chúng tôi, đủ để chứng thực cho lời nói trên.

Tinh thần võ sĩ đạo đã thâm nhập vào mọi giai cấp trong xã hội như thế nào, điều này có thể thấy được qua sự phát triển của một giai cấp đặc biệt, được gọi là "otoko-date", giai cấp của những đầu lãnh thiên phú của chủ nghĩa dân chủ. Họ là những con người cương nghị, hào hùng, thân thể tràn đầy sức mạnh. Đồng thời họ cũng là người đại biện bảo vệ quyền lợi của tầng lớp thứ dân. Họ có trong tay hằng trăm, hằng ngàn bộ hạ sẵn sàng hiến dâng thể xác cùng sinh mệnh, tài sản cũng

như danh dự có trên đời, để phục vụ thủ lãnh, giống như những samurai phục vụ daimyo. Được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng lao động hung hăng và liều lĩnh, những đầu lãnh thiên phú này đã tạo ra được một lực lượng đáng sợ, đủ sức ngăn chặn sự hoành hành của giai cấp cắm hai kiếm (*để chỉ giai cấp võ sĩ, ND*).

Võ sĩ đạo bắt nguồn từ một giai cấp xã hội, chia ra nhiều ngả chảy xuống, tác dụng như một thứ gây men trong đại chúng, cung cấp tiêu chuẩn đạo đức cho toàn thể nhân dân. Võ sĩ đạo khởi đầu như là vinh quang của tầng lớp ưu tú (*tầng lớp élite, tầng lớp được chọn lọc, ND*), dần theo thời gian, võ sĩ đạo đã trở thành khát vọng và cảm ứng linh thiêng của toàn thể quốc dân. Quần chúng đã không thể đạt đến mức độ đạo đức cao của võ sĩ, nhưng "yamato-damashi", có nghĩa là "hồn Yamato" (*Yamato là tên cũ của nước Nhật, ND*) đã trở thành từ ngữ tượng trưng cho tinh thần của dân tộc. Nếu tôn giáo, như Matthew Arnold định nghĩa, là "đạo đức phát sinh từ những cảm động do tình tự mang đến" thì ít có hệ thống đạo đức nào ngoài võ sĩ đạo được liệt vào hạng tôn giáo. Moto-ori (1730-1801) đã ngâm câu thơ sau đây, để biểu hiện lời nói không thành tiếng của dân tộc chúng tôi.

"Hồn Yamato của đảo quốc

Người lạ hỏi ở đâu

Hoa anh đào dại

Thơm mùi trong sáng sớm".

Vâng, "sakura" (*anh đào, ND*) là hoa mà quốc dân Nhật Bản yêu thích từ ngàn xưa, là tượng trưng cho khí chất dân tộc Nhật Bản. Hãy đặc biệt để ý câu thơ "Hoa anh đào dại, Thơm mùi trong sáng sớm".

Yamato-damashi không phải là một thứ hoa mềm yếu, đó là một thứ hoa dại - vơi ý nghĩa là tự nhiên, là loài hoa đặc hữu của đất nước chúng tôi. Ở nước khác cũng có thể có những loài hoa giống như vậy, nhưng về bản chất, nhất định đây là loại hoa tự sinh, chỉ có ở đất nước chúng tôi. Nhưng không phải chỉ vì được sinh ra đầu tiên ở nước Nhật mà chúng tôi yêu thích đâu. Không có loại hoa nào có vẻ đẹp tác động đến cảm giác thẩm mỹ của chúng tôi bằng vẻ đẹp cao nhã của hoa anh đào. Người Tây phương yêu thích hoa hồng, nhưng chúng tôi khác. Hoa hồng thiếu vẻ đơn thuần của hoa anh đào. Ngoài ra, còn nữa, hoa hồng giấu gai dưới vẻ đẹp dịu ngọt, cố bám víu vào cuộc sống, tựa như ghét sợ cái chết, thà tàn úa trên cành chứ nhất định không chịu rụng khi

còn đang nở, màu sắc rực rỡ cùng mùi thơm nồng nàn - tất cả đều là những đặc chất khác hẳn với hoa anh đào. Hoa anh đào của chúng tôi không mang dao găm hay chất độc dưới vẻ đẹp của mình, lúc nào cũng sẵn sàng lìa đời theo tiếng gọi của tự nhiên, màu sắc không hoa lệ, mùi thơm dịu nhẹ không bao giờ chán. Vẻ đẹp của màu sắc và hình dạng giới hạn trong cái nhìn bề ngoài và đó là tính chất cố hữu của thực thể. Trong khi đó, mùi thơm bồng bềnh, nhẹ bay lên trời tựa như hơi thở của cuộc sống. Vì lẽ đó nên hương thơm, vị thuốc của nó có vai tro quan trong trong tất cả mọi nghi thức tôn giáo. Có một cái gì đó linh thiêng trong mùi hương của hoa anh đào. Khi mặt trời mọc, chiếu sáng hòn đảo cực đông này, hoa anh đào tỏa mùi hương thơm dịu trong không khí ban mai, không có cảm giác nào thanh khiết, sảng khoái bằng cảm giác khi hít đầy ngực mùi thơm của một ngày tươi đẹp.

Sau khi ngửi được mùi thơm ngọt dịu, ngay như đấng Tạo Hóa cũng đã có được quyết định mới ở trong lòng (*"Cựu ước" - Sáng thế kí viii.21*). Thế nên không có gì lạ khi hoa anh đào nở, thời tiết thơm tho kêu gọi tất cả nhân dân trong đất nước chúng tôi ra khỏi căn nhà chật hẹp của mình. Trong một thời gian ngắn, dẫu tay chân họ

có quên mất khổ nhọc, dẫu lòng họ có quên mất đau buồn, thì cũng đừng quở trách họ. Khi niềm vui ngắn ngủi chấm dứt, họ sẽ quay lại với công việc hằng ngày với sức mạnh và quyết tâm mới. Với những lí do này, anh đào đúng là hoa của dân tộc chúng tôi.

Thế nhưng, đẹp và dễ rụng, hoa bay theo chiều gió, tỏa một làn hương rồi tiêu tan vĩnh viễn. Hoa này tiêu biểu cho "hồn Yamato" hay hồn Yamato mỏng manh dễ tiêu tan giống như hoa?

Chương XVI

TINH THẦN VÕ SĨ ĐẠO VẪN CÒN SỐNG MÃI?

Sự xâm nhập như vũ bão của văn minh phương Tây trên đất nước chúng tôi đã quét sạch mọi tàn tích của qui phạm có từ xưa hay không?

Thật là đau buồn nếu linh hồn của một dân tộc có thể mất nhanh. Nếu quá dễ dàng ngã quỵ trước ảnh hưởng ngoại lai như thế, thì quả thật đó là linh hồn nghèo nàn.

Hình thể tập hợp của những yếu tố tâm lí tạo nên dân tộc tính dính chặt với dân tộc tính giống như "vi cá, mỏ chim, răng của động vật ăn thịt, những thứ không thể tách rời khỏi những loài vật đó". Trong quyển sách gần đây (*The Psychology of People, p.33*), đầy những khái quát hoa mĩ và những quả quyết nông cạn, ông Le Bon đã viết: "Những khám phá dựa vào trí thức, là di sản chung của nhân loại, nhưng sở trường hay sở đoản trong đặc tính của mỗi dân tộc là di sản chỉ có ở dân tộc đó. Những di sản này cứng như nham

thạch, dẫu có dùng nước rửa ngày rửa đêm hằng mấy thế kỉ đi nữa, cũng chỉ có thể làm mòn được những chỗ gồ ghề ở mặt ngoài". Đây là câu nói mạnh mẽ và đáng được suy nghĩ nếu thật sự có những sở trường và sở đoản của đặc tính tạo nên di sản riêng biệt cho mỗi dân tộc. Trước khi Le Bon bắt đầu viết sách khá lâu, những học thuyết có tính cách công thức loại này, được trình làng nhưng đã bị Theodor Waitz (*học giả về tâm lí và nhân chủng người Đức, 1821-64, ND*) và Hugh Murray làm cho cứng họng. Trong quá trình nghiên cứu những đức tính lần lượt được võ sĩ đạo chỉ dạy, chúng tôi đã lấy những điển cố châu Âu ra để so sánh và kiểm chứng, nhưng chúng tôi không thấy có đặc tính nào là di sản riêng biệt chỉ có ở võ sĩ đạo. Đúng là khi những đặc tính của đạo đức kết hợp lại, nó sẽ cho ra một hình thể hết sức độc đáo. Đó là tập hợp mà Emerson gọi là "kết quả phức hợp mà các phần tử toàn là những sức mạnh vĩ đại". Thế nhưng ông triết gia Concord (*ở đây chỉ Emerson vì Emerson xuất thân ở Concord, (tiểu bang Philadelphia Mỹ), ND*) này đã không xem đó là di sản riêng của một dân tộc, hay của một quốc dân như Le Bon đã nói, mà cho rằng "đó là yếu tố liên kết những nhân vật có thế lực nhất trong mỗi quốc gia, làm cho họ hiểu nhau và đồng cảm lẫn nhau; và yếu tố đó rành



mạch đến độ mọi người không cần phải dùng những phù hiệu kiểu Mason mà vẫn có thể cảm nhận được ngay tức khắc".

Những đặc tính mà võ sĩ đạo đã đóng ấn lên trên dân tộc chúng tôi, đặc biệt đối với samurai, tuy không thể nói là đã thành "yếu tố không thể thiếu được đối với chủng tộc," nhưng sức sống mà nó có thì thật rõ ràng. Giả thử cho dầu võ sĩ đạo chỉ là một sức mạnh vật lí, nhưng vận động lượng mà nó tích tụ được trong khoảng thời gian bảy trăm năm qua, có muốn chặn lại gấp cũng không được. Và cho dù võ sĩ đạo chỉ được thừa kế do di truyền đi nữa, ảnh hưởng của nó chắc chắn đã lan tràn rộng rãi. Theo cách tính của M. Cheysson, nhà kinh tế học người Pháp, giả thử trong một thế kỉ có ba thế hệ thay đổi thì "trong mạch máu của mỗi người chúng ta ít ra cũng có máu huyết của hai mươi triệu người sống ở năm 1000 Tây lịch". Người nông phu nghèo nàn đào xới đất đai, "còng lưng vì gánh nặng của thế kỉ", có trong huyết quản của mình máu huyết của nhiều thời đại, và hắn không chỉ là anh em của trâu ngựa mà cũng là anh em của chúng ta.

Võ sĩ đạo đã thôi thúc dân tộc và cá nhân chúng tôi bằng một sức mạnh vô hình, khó cưỡng. Yoshida Shoin (1830-59), một trong những

người tiên phong oanh liệt nhất của Nhật Bản hiện đại, trong đêm trước ngày bị xử hình, đã ngâm hai câu thơ dưới đây, như một tự thú chân thành của dân tộc.

"Biết việc mình làm sẽ dẫn đến tử lộ.

Hồn Yamato nào dừng lại được đâu".

Võ sĩ đạo, tuy không được trang bị về hình thức, đã và hiện nay vẫn là tinh thần hoạt động và là động lực của dân tộc.

Ông Ransome (*thi nhân người Mỹ, ND*) có nói: "Hiện nay ở nước Nhật có ba Nhật Bản cùng tồn tại cạnh bên nhau, - một Nhật Bản cũ xưa chưa hoàn toàn biến mất; một Nhật Bản mới, về mặt tinh thần, chỉ vừa mới được sinh ra; và một Nhật Bản ở thời kì quá độ, đang phải kinh qua những thống khổ quyết định vận mạng của mình". Nhiều điểm trong câu nói này rất đúng đối với những chế độ cụ thể, rõ rệt, nhưng cần phải sửa đổi đôi chút khi áp dụng vào những quan niệm đạo đức căn bản; vì võ sĩ đạo, kẻ tạo lập và là sản phẩm của Nhật Bản cũ, vẫn là nguyên lí có tính chỉ đạo đối với Nhật Bản trong thời quá độ và sẽ cho thấy đó là sức mạnh tạo ra một thời đại mới.

Những chính trị gia đang lèo lái Nhật Bản trong trận cuồng phong phục cổ vương triều và

trong cơn lốc duy tân quốc gia, là những người chỉ biết những giáo huấn đạo đức của võ sĩ đạo. Gần đây có một vài tác giả ngoại quốc đã tìm cách chứng minh rằng những nhà truyền giáo Cơ đốc đã có những đóng góp to lớn trong việc kiến thiết một Nhật Bản mới. Tôi vui lòng trao tặng danh dự cho những ai có danh dự đó; nhưng thật ra khó có thể trao danh dự này cho những người truyền giáo tốt lành. Tôi nghĩ những người truyền giáo nên tuân thủ giáo huấn trong thánh thư rằng "hãy quy danh dự về người khác" thì có lẽ sẽ hợp với chức vụ của họ hơn là mang ra những đòi hỏi không có bằng chứng làm hậu thuẫn. Đối với tôi, tôi tin rằng những người truyền giáo Cơ đốc đang tận lực cho những sự nghiệp to lớn của Nhật Bản trong lãnh vực giáo dục, đặc biệt trong việc giáo dục đạo đức, nhưng những hoạt động về tâm linh tuy đích xác nhưng có vẻ thần bí và vẫn còn ẩn mình trong vòng bí mật của thần thánh. Những sự nghiệp của các nhà truyền giáo chỉ có ảnh hưởng gián tiếp. Không, cho đến nay, hầu như không thấy các nhà truyền giáo Cơ đốc có cống hiến vào việc hình thành tính cách của một Nhật Bản mới. Không, dẫu sao đi nữa, chính võ sĩ đạo, thuần túy và đơn thuần, đã kích thích chúng tôi. Hãy nhìn thử tiểu sử của những nhân vật đã tạo ra nước Nhật Bản mới như

Sakuma (1811-64), Saigo (1827-77), Okubo (1830-78), hay Kido (1833-77), và cũng không cần phải nói đến những chuyện do những nhân vật hiện còn sống kể lại, như Ito (1841-1909), Okuma (1838-1922), Itagaki (1837-1919) v.v. các bạn sẽ thấy những người này suy nghĩ và hành động do sự thúc giục của võ sĩ đạo. Henry Norman, sau khi quan sát và nghiên cứu Viễn đông, đã nói rõ rằng Nhật Bản có một điểm duy nhất khác với các quốc gia chuyên chế Á đông là "những điều nghiêm khắc nhất, cao cả nhất, chính xác nhất trong những qui tắc về danh dự mà nhân loại đã nghĩ ra được từ trước đến nay, có uy thế chi phối trong quốc dân". Đây là câu nói đề cập đến nguyên động lực kiến thiết nước Nhật Bản mới như ngày nay và cũng là nguyên động lực đưa Nhật Bản đạt đến số phận được định trong tương lai.

Sự biến hình của Nhật Bản là sự thật mà tất cả thế giới đều biết. Đương nhiên có rất nhiều động lực thúc đẩy trong việc làm nên sự nghiệp to lớn này, nhưng nếu được hỏi đâu là động lực chính, thì chắc mọi người sẽ không do dự mà bảo rằng đó là võ sĩ đạo. Khi đất nước chúng tôi mở cửa thông thương với ngoại quốc, khi chúng tôi cải thiện sinh hoạt ở mọi mặt, khi chúng tôi bắt đầu học hỏi chính trị và khoa học phương Tây, nguyên động

lực mang tính chỉ đạo của chúng tôi không phải là việc khai thác tài nguyên vật chất, cũng không phải là việc làm tăng của cải, và không cần phải nói đó cũng không phải là việc bắt chước một cách mù quáng những phong tục phương Tây.

Người đã quan sát tường tận các dân tộc và chế độ ở Á Đông đã viết:

Chúng ta luôn nghe việc châu Âu đã ảnh hưởng đến Nhật Bản như thế nào mà quên mất rằng sự thay đổi của đảo quốc này là điều hoàn toàn có tính tự phát. Không phải châu Âu đã chỉ dạy Nhật Bản, nhưng chính Nhật Bản đã tự mình học hỏi phương pháp tổ chức của châu Âu, về dân sự cũng như về quân sự, và điều này đã tạo ra thành công cho đến ngày hôm nay. Mấy năm trước đây, người Thổ Nhĩ Kỳ đã nhập khẩu đại bác của châu Âu, giống như vậy, người Nhật đã nhập khẩu khoa học cơ khí của châu Âu. Nói đúng ra đó không phải là ảnh hưởng". Và ông Townsend (*nhà báo, 1831-1911, trong "Asia and Europe", p.28, ND*) viết tiếp, "và nếu không thể nói là Anh quốc đã chịu ảnh hưởng của Trung Quốc vì đã nhập khẩu trà từ Trung Quốc thì tôi xin hỏi những tông đồ, những triết gia, những chính trị gia, hoặc những kẻ giật dây nào của châu Âu, kẻ nào đã cải tạo Nhật Bản?".

Ông Townsend đã có một nhận thức trác tuyệt rằng nguyên động lực tạo ra sự biến đổi của Nhật Bản nằm trong người Nhật Bản; và nếu ông đi sâu hơn trong việc quan sát tâm lí của người Nhật, với sự quan sát sắc bén của ông, chắc chắn ông sẽ dễ dàng nhận ra rằng nguyên động lực đó chính là võ sĩ đạo. Nghĩa là lòng trọng danh dự đã khiến người Nhật không thể chịu đựng được việc bị coi rẻ như một thế lực nhược tiểu - và đó là động cơ mạnh mẽ nhất. Những đắn đo về tiền bạc hay về công nghệ hóa lần lần được đánh thức trong quá trình chuyển đổi của quốc gia.

Tác động của võ sĩ đạo ngày nay vẫn còn rõ ràng mà người không chú tâm cũng có thể biết được. Chỉ cần liếc nhìn sinh hoạt của người Nhật cũng đã rõ. Nếu đọc những tác phẩm của Hearn (*tên Nhật là Koizumi Yagumo, ND*), người diễn giải trung thực nhất và hùng biện nhất về tâm tình của người Nhật, thì sẽ biết được rằng những hoạt động trong con tim người Nhật mà ông miêu tả chính là hoạt động của võ sĩ đạo. Lễ nghĩa phổ biến trong dân gian được mọi người biết đó là di sản của võ sĩ đạo, không cần phải nói lại. "Bọn Nhật lùn" (*tuy ngày nay đã cao lớn, ND*) nhưng có sức chịu đựng về thể xác, có nghị lực và dũng cảm, điều này đã được chứng minh đầy đủ trong

chiến tranh Nhật - Thanh. "Có dân tộc nào có lòng trung quân ái quốc hơn người Nhật không?" là câu hỏi được nhiều người hỏi; và chúng tôi có thể hãnh diện trả lời là "Không có". Chúng tôi phải cảm ơn võ sĩ đạo.

Mặt khác, phải công bình nhìn nhận rằng võ sĩ đạo có trách nhiệm lớn về những khuyết điểm và sở đoản có trong tính cách của người Nhật. Dân tộc chúng tôi thiếu một triết học sâu xa - mặc dù trong lãnh vực nghiên cứu khoa học có một số người trẻ nổi danh trên thế giới, nhưng không có ai có cống hiến trong lãnh vực triết học - vì chế độ giáo dục của võ sĩ đạo lơ là với việc huấn luyện về hình nhi thượng. Cảm giác về danh dự có trách nhiệm đối với tình cảm cực đoan và tính chất dễ trở thành quá khích của dân tộc chúng tôi. Nếu dân tộc chúng tôi có tính tự tôn tự đại như một số người ngoại quốc phê phán, thì đó cũng là do ở sự quá trớn, có tính cách bệnh hoạn của lòng trọng danh dự.

Khách ngoại quốc khi đi du lịch Nhật Bản thường thấy có nhiều người trẻ đầu tóc bù xù, ăn mặc lếch thếch, tay cầm sách hay gậy to, đi nghênh ngang ngoài đường phố với vẻ chẳng để ý gì đến việc thế tục. Đó là thư sinh. Trái đất này quá nhỏ và vòm trời này cũng không đủ cao đối với hắn ta.

Hắn có thuyết của riêng mình về vũ trụ và nhân sinh. Hắn sống trong lâu đài lơ lửng trên không trung và thường ăn những câu nói sâu xa về trí tuệ. Ánh mắt hắn sáng ngời ánh lửa của tham vọng; lòng hắn khát khao trí thức. Nghèo túng chỉ là kích thích đẩy hắn tiến tới, của cải trong thế gian dưới mắt hắn chỉ là những thứ trói buộc phẩm tính. Hắn là hoá thân của lòng trung quân ái quốc, là người tự cho mình có trách nhiệm giữ gìn danh dự quốc gia. Hắn là một mảnh vỡ cuối cùng của võ sĩ đạo với tất cả mĩ đức và khuyết điểm.

Ảnh hưởng của võ sĩ đạo vẫn còn mạnh và cắm rễ rất sâu, nhưng như tôi đã trình bày, sự cảm hóa này đã trở thành câm lặng và vô ý thức. Khi những quan niệm mà chúng tôi đã kế thừa bị đánh động, con tim của dân tộc chúng tôi sẽ phản ứng ngay tức khắc, với bất kì lí do gì. Vì thế, quan niệm về đạo đức dẫu có giống nhau nhưng nếu được diễn tả bằng một thuật ngữ mới sẽ có hiệu lực khác hẳn với trường hợp được diễn tả bằng một từ ngữ có trong võ sĩ đạo cũ. Có một tín đồ Cơ đốc xa lánh con đường tín ngưỡng, mục sư đã cố gắng khuyên bảo hắn nhưng vẫn không thể cứu hắn ra khỏi khuynh hướng sa ngã. Khi mục sư nói đến lòng trung nghĩa, nghĩa là lòng thành mà hắn đã thề với chúa quân, hắn đã cải tâm quay về với tín ngưỡng.

Chữ "trung nghĩa" đã làm sống lại tất cả những tình cảm cao quí mà hắn có, được trở thành ấm áp. Có một đám học sinh bướng bỉnh ở một trường cao đẳng nọ, đã tiếp tục gây ồn ào không chịu học trong một thời gian dài vì bất mãn đối với một thầy giáo, nhưng những học sinh này đã giải tán với hai câu hỏi đơn giản của thầy hiệu trưởng. "Thầy của các em có phải là một nhân vật có phẩm giá hay không? Nếu phải, các em phải tôn trọng thầy và giữ thầy ở lại trường. Hay, thầy của các em là một con người yếu đuối? Nếu vậy thì việc đẩy một người đang ngã, nào phải là việc làm của đấng mày râu đâu". Việc phiền hà này bắt đầu từ việc thầy giáo thiếu khả năng về khoa học, nhưng nếu so sánh với vấn đề đạo đức mà thầy hiệu trưởng đã đưa ra, việc đó không còn quan trọng nữa. Sự cách tân đạo đức ở cường độ lớn có thể được thành tựu bằng cách kích thích những tình cảm đã được võ sĩ đạo hàm dưỡng.

Một nguyên nhân của sự thất bại trong việc truyền giáo là phần đông những người truyền giáo hoàn toàn không biết lịch sử của chúng tôi. Có người nói "cần gì phải để ý đến lịch sử của bọn dị giáo". Kết quả là họ đã tách tôn giáo của họ ra khỏi những cách thức suy tư mà chúng tôi và tổ tiên chúng tôi đã quen thuộc hàng mấy thế kỉ. Chế

nhạo lịch sử của một quốc gia à? Họ không biết rằng, quá trình của bất cứ dân tộc nào, ngay những thổ dân lạc hậu nhất không có kí lục ở châu Phi, cũng có một trang trong lịch sử tổng quát của nhân loại, do chính tay thượng đế viết. Đó là trang giấy cũ đầy ám hiệu mà con mắt thông thái có thể đọc và lần mò ra được những dấu tích của ngay cả những chủng tộc đã bị diệt vong. Trong con tim có triết lí và sùng đạo, nhân chủng là những kí hiệu mà thượng đế đã vẽ một cách rõ ràng, bằng màu trắng hoặc màu đen giống như màu da của họ. Nếu cách so sánh có thể chấp nhận được, thì giống người da vàng đã tạo ra được một trang quí báu viết bằng chữ tượng hình bằng vàng. Không cần để ý đến qua trình của dân tộc, những nhà truyền giáo chủ trương rằng Cơ đốc giáo là một tôn giáo mới, trong khi đó, theo tôi, đó chẳng qua là một câu chuyện xưa, rất xưa. Nếu câu chuyện này được diễn tả bằng những từ ngữ dễ hiểu, nghĩa là bằng những tự vựng hợp với sự phát triển về đạo đức của một dân tộc, thì chắc chắn sẽ dễ dàng có được chỗ ngụ trong con tim của mọi người, bất kể chủng tộc hay quốc tịch của họ. Đạo Cơ đốc dưới hình thức Mỹ hay Anh - nghĩa là Cơ đốc giáo mang nhiều không tưởng và thị hiếu của chủng tộc Anglo - Saxon hơn là thánh sủng và sự tinh khiết

của đức Jesus - chỉ là mầm cây èo uột khó ráp vào gốc cây võ sĩ đạo. Nhà truyền bá đạo mới có nên nhổ cả gốc, rễ, cành lá để gieo hạt giống phúc âm lên mảnh đất đã bị tàn phá hay không? Phương pháp anh hùng này có thể áp dụng được - ở Hawaii. Nơi đó, một giáo hội có tinh chiến đấu được cho là đã thành công hoàn toàn trong việc cướp bóc của cải và tiêu diệt thổ dân. Nhưng phương pháp này nhất định hoàn toàn không thể áp dụng được ở Nhật Bản. Không, đó là phương pháp mà chính đức Jesus nhất định không bao giờ áp dụng trong việc kiến thiết vương quốc của ngài trên trái đất này.

Tôi xin đưa ra những lời nói sau đây của một thánh đồ sùng đạo, đồng thời cũng là một học giả uyên thâm (*ông Jowett trong "Sermons on Faith and Doctrine", ND*).

"Người ta đã chia thế giới này ra thành người dị giáo và tín đồ Cơ đốc mà không để ý rằng có không biết bao nhiêu điều thiện giấu mình trong kẻ trước và không biết bao cái ác trộn lẫn với người sau. Họ đem chỗ tốt nhất của mình ra so sánh với chỗ xấu nhất của người bên cạnh, so sánh lí tưởng của đạo Cơ đốc với cái hủ bại của Hy Lạp hoặc của Á đông. Họ không muốn vô tư, ngược lại họ vui lòng gom góp tất cả những gì được xem như là điểm tốt của

tôn giáo của họ và tất cả những gì có thể dùng để phỉ báng mọi hình thức của tôn giáo khác".

Tuy có nhiều lỗi lầm về mặt cá nhân, nhưng có điều không thể nghi ngờ được là nguyên lí căn bản của tôn giáo mà họ tin, có một sức mạnh to lớn mà chúng ta cần phải nghiên cứu khi nghĩ đến tương lai của võ sĩ đạo. Thời gian dành cho võ sĩ đạo hình như chẳng còn bao nhiêu. Có những điềm xấu ở trên không, báo trước tương lai của võ sĩ đạo. Không phải chỉ có điềm xấu, nhiều thế lực ghê gớm đang dần dần có hành động hăm dọa võ sĩ đạo

Chương XVII

TƯƠNG LAI CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Ít có so sánh lịch sử chí lí giữa kị sĩ đạo của Âu châu và võ sĩ đạo của Nhật Bản. Nếu những gì xảy ra trong lịch sử sẽ được lập lại, thì số phận của võ sĩ đạo chắc chắn sẽ giống hệt như số phận của kị sĩ đạo. St. Palaye cho rằng vì đặc biệt và có tính địa phương nên kị sĩ đạo đã suy vi. Dĩ nhiên những lí do này không thích ứng với điều kiện của Nhật Bản. Thế nhưng, những lí do rộng lớn hơn và tổng quát hơn trong thời trung cổ và hậu trung cổ đã khiến kị sĩ và kị sĩ đạo dần dần diệt vong, chắc chắn cũng là nguyên nhân đang dần dần làm võ sĩ đạo suy vi.

Sự khác biệt rõ ràng giữa kinh nghiệm lịch sử của Âu châu và của Nhật Bản là ở Âu châu khi kị sĩ đạo bị chế độ phong kiến dứt sữa, và được giáo hội Cơ đốc nuôi nấng, kị sĩ đạo đã có một đời sống mới. Ngược lại, Nhật Bản không có tôn giáo to lớn đủ để nuôi nấng võ sĩ đạo. Vì vậy khi mẹ đẻ, tức là

chế độ phong kiến mất đi, võ sĩ đạo bị bỏ lại thành cô nhi, phải tự mình lo liệu. Tổ chức quân sự ngày nay với đầy đủ trang bị có thể đặt võ sĩ đạo dưới sự bảo hộ của mình, nhưng như chúng ta biết, chiến tranh ngày nay hầu như không có chỗ để võ sĩ đạo tiếp tục lớn mạnh. Thần đạo, vú nuôi của võ sĩ đạo khi còn thơ ấu, nay đã già. Thánh hiền của Trung Quốc cổ đại lần lần nhường chỗ cho những trí thức mới lên, kiểu như Bentham và Mill[1]. Những lí thuyết đạo đức có khuynh hướng khoái lạc được phát minh và đưa ra dùng, theo gót khuynh hướng bài ngoại và háo chiến của thời đại, được nghĩ là theo đúng yêu cầu ngày nay. Nhưng ngay ngày nay chúng ta chỉ nghe có những tiếng nói chat chúa vọng lại qua những cột báo hạng nhì.

Nhiều thế lực và quyền lực đã cùng nhau dàn trận chống lại võ sĩ đạo. Ông Veblen nói: "Dưới con mắt của những người mẫn cảm, sự suy vi của lễ nghĩa - hay nói một cách khác, sự tầm thường hóa đời sống - trong giai cấp lao động, đã trở thành một trong những tệ hại chính của văn minh đương đại". Trào lưu không ngăn cản nổi của chủ nghĩa dân chủ đắc thắng, không cho phép hình thức hay

---

[1] Bentham và Mill: Jeremy Bentham (1748-1832) là triết gia chủ trương chủ nghĩa thực dụng. James Mill là người cộng tác và là thư kí của Bentham.

hình thái nào của liên hiệp độc lập về tinh thần tồn tại. Và võ sĩ đạo lại là một liên hiệp độc lập về tinh thần, quyết định đẳng cấp và giá trị của tính chất đạo đức, do những người độc chiếm kho vốn liếng về văn hóa và trí tính, tổ chức. Vì thế trào lưu của chủ nghĩa dân chủ, một mình nó cũng có thể làm chìm mất mọi dấu tích của võ sĩ đạo. Những thế lực hiện tại của xã hội không dung dưỡng tinh thần giai cấp hẹp hòi, và kị sĩ đạo, như Freeman phê bình sắc bén, là một tinh thần giai cấp. Xã hội hiện đại, nếu muốn tiến đến một sự thống nhất nào đó, sẽ không thể chấp nhận "bày ra những nhiệm vụ hoàn toàn có tính cách cá nhân dành cho lợi ích của giai cấp đặc quyền (*trong "Norman Conquest", vol. V, p.482*)". Thêm vào đó là sự phát triển của giáo dục phổ thông, của kĩ thuật công nghiệp, của giàu sang và đời sống đô thị, - giờ đây, chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng những lần chém sắc bén nhất của samurai, những mũi tên nhọn nhất bắn từ những cây cung mạnh nhất của võ sĩ đạo, tất cả đều trở thành vô dụng. Quốc gia được xây dựng trên hòn đá "danh dự", được danh dự bảo vệ - không biết nên gọi bằng cách nào đây, "quốc gia danh dự" hay là "quốc gia anh hùng" theo như cách gọi của Carlyle? - quốc gia này bây giờ đang nhanh chóng rớt vào tay của những luật

sư chuyên cãi bướng, và những chính trị gia miệng lưỡi được võ trang bằng võ khí lí sự cùn. Một tư tưởng gia vĩ đại, liên quan đến Theresa[2] và Antigone[3], đã nói: "Môi trường sản sinh ra những hành vi mãnh liệt của họ đã vĩnh viễn mất rồi". Câu nói này cũng có thể nói được đối với võ sĩ đạo.

Ôi! Đạo đức của võ sĩ. Ôi! niềm kiêu hãnh của võ sĩ. Đạo đức ngày xưa được đón tiếp vào thế gian bằng tiếng trống tiếng kèn, giờ đây có số mệnh phải biến mất như "tướng cũng mất, và vua cũng mất".

Nếu lịch sử có thể dạy cho chúng ta mọi điều thì lịch sử sẽ nói với chúng ta rằng quốc gia được kiến thiết trên đạo đức thượng võ - dù đó là quốc gia đô thị Sparta, hay đế quốc La Mã đi nữa - không bao giờ tạo được một "đô thị vĩnh viễn"

---

[2] Theresa (1515-82): Thánh Theresa, người đã tận lực trong việc cải cách tu viện.

[3] Antigone: Con gái của vua Oidipus xứ Thebai. Vua cha vì bị mù nên đã bị cướp ngôi. Antigone đã cùng cha phiêu lãng ra nước ngoài. Khi cha chết, Antigone đã trở về Thebai. Anh của Antigone là Polynices với sự trợ giúp của lân bang, đã đánh Thebai để giành lại ngôi vua, nhưng đã bại trận và bị giết. Antigone đã lén vua chôn thi thể anh mình nên bị buộc tội tử hình. Antigone đã xin vua Creon chôn sống mình cùng với tro xương của người anh.

trên trái đất này. Bản năng đấu tranh có trong con người, có tính phổ biến và tự nhiên, dầu có sản sinh ra những cảm tính cao thượng, hay những đức tính ra vẻ nam nhi, cũng không thể hình thành một nhân cách trọn vẹn. Còn có một bản năng khác thần thánh hơn núp dưới bản năng đấu tranh - đó là tình thương. Thần đạo, Khổng Tử, Vương Dương Minh tất cả đều dạy điều đó rõ ràng; nhưng võ sĩ đạo và tất cả những hệ thống đạo đức của hình thái vũ lực khác vì phải đối phó với những vấn đề thực tế trước mắt nên thường quên đi việc cần phải xem nặng vấn đề tình thương một cách thích đáng. Đời sống đã trở nên rộng lớn hơn trong thời gian gần đây. Ngày nay, điều đòi hỏi chúng ta phải chú ý là sứ mệnh cao cả hơn, rộng lớn hơn sứ mệnh của võ sĩ. Với cách nhìn rộng lớn về cuộc sống, với sự lớn mạnh của chủ nghĩa dân chủ, với sự hiểu biết tốt hơn về quốc gia khác, về dân tộc khác, tư tưởng nhân đức của Khổng Tử - chắc cũng cần phải thêm tư tưởng từ bi của Phật giáo, phải không? - sẽ nhân rộng ra, đi đến khái niệm về tình thương của Cơ đốc giáo. Con người đã vượt qua thần dân, tiến đến địa vị của công dân; không, còn cao hơn công dân nữa - là con người. Dẫu có những đám mây chiến tranh đang bao phủ nặng nề trên khắp bầu trời, nhưng tôi tin rằng những cánh chim của thiên sứ hoà bình có thể

quat tan chung. Lịch sử của thế giới xác nhận lời tiên đoán "kẻ ôn hòa sẽ thừa kế trái đất". Quốc gia bán chác quyền được hưởng hòa bình của trời cho, rút lui khỏi mặt trận công nghiệp hóa để chuyển sang hàng ngũ xâm lược, thật sự là đã làm một cuộc đổi chác chẳng ra gì.

Tình trạng xã hội đã thay đổi nhiều, không chỉ phản đối mà trở thành thù nghịch đối với võ sĩ đạo. Đúng đây là lúc cần phải chuẩn bị một đám tang danh dự cho nó. Khó nói rõ khi nào võ sĩ đạo sẽ chết mất, giống như đã không biết rõ nó được sinh ra từ hồi nào. Tiến sĩ Miller có nói "kị sĩ đạo đã chính thức bị bãi bỏ vào năm 1559, khi hoàng đế Henri thứ hai của Pháp bị giết trong trận đấu võ". Với Nhật Bản, sắc lệnh "bỏ phiên lập huyện" (*bãi bỏ lãnh thổ của lãnh chúa, thành lập đơn vị hành chính mới là "tỉnh", ND*) được ban bố vào năm 1870 là tín hiệu đánh dấu sự cáo chung của võ sĩ đạo. Năm năm sau, sắc lệnh cấm mang kiếm đã rung chuông tiễn đưa thời đại cũ đi, thời đại của "ân điển không phải trả tiền, quốc phòng với giá rẻ, bảo hộ tình cảm ra vẻ nam nhi và việc làm anh hùng", và là hồi chuông chào đón thời đại mới vào, thời đại của "những nhà ngụy biện, những kinh tế gia, và những kẻ tính toán".

Có người bảo rằng Nhật Bản thắng chiến tranh với Trung Quốc (chiến tranh Nhật - Thanh) được là nhờ có súng trường Murata và đại bác Krupp; cũng có người nói chiến thắng này là thành quả của hệ thống trường học cận đại. Nhưng những điều này không đúng được phân nửa sự thật. Có bao giờ một chiếc đàn dương cầm, cho dầu nó đã được những tay nghề khéo léo như Ehrbar hoặc Steinway làm ra, cũng không thể diễn tấu hay ho những bài Rhapsody của Liszt hoặc những bài Sonata của Beethoven mà không cần bàn tay của người diễn tấu? Hoặc, nếu súng có thể thắng trận thì tại sao Louis Napoleon lại không có thể thắng Prussia với những cây súng Mitrailleuse của mình, hay người Tây Ban Nha với những cây súng Mauser lại không thể thắng người Philipine chỉ được vũ trang bằng những cây súng Remington cũ kỹ? Không cần phải lặp lại câu nói quá xưa - chính tinh thần đã tạo ra hoạt lực, và những dụng cụ tốt nhất cũng trở thành vô ích nếu không có tinh thần. Súng và đại bác tốt nhất cũng không tự mình bắn được; hệ thống giáo dục hiện đại nhất cũng không thể biến kẻ nhút nhát thành anh hùng. Không! Kẻ thắng những trận đánh ở Áp Lục Giang, ở Triều Tiên, ở Mãn Châu là hồn ma của cha ông chúng tôi, đã dẫn dắt chúng tôi và đánh nhịp trong con

tim chúng tôi. Những hồn ma này là những vong hồn hùng dũng của tổ tiên chúng tôi, đã không chết mất. Đối với những người có mắt để nhìn, họ hiện lên rõ ràng. Một người Nhật có tư tưởng tiến bộ nhất đi nữa, khi bị cào da, sẽ lộ nguyên hình là một samurai. Danh dự, dũng cảm và những đức tính khác của võ sĩ là di sản vĩ đại, như giáo sư Cramb đã diễn tả thích đáng là "tài sản mà chúng tôi chỉ được quyền gìn giữ, nó là bổng lộc vĩnh viễn của tổ tiên đã mất và của con cháu về sau mà không ai có thể cướp mất được". Vì thế sứ mệnh hiện tại của chúng tôi là giữ gìn di sản này, không để tinh thần cổ lai mất đi, dẫu chỉ một chữ hay một nét; và sứ mệnh trong tương lai là mở rộng phạm vi ứng dụng tinh thần này vào trong mọi hành động, mọi quan hệ của đời sống.

Hệ thống đạo đức của Nhật Bản phong kiến đã sụp đổ thành tro giống như những thành quách và vũ khí của nó. Nhưng, có dự đoán rằng hệ thống đạo đức mới sẽ nổi lên như chim phượng hoàng, dẫn dắt Nhật Bản đến con đường tiến bộ. Và dự đoán này đã được chứng minh bằng những việc xảy ra trong nửa thế kỉ vừa qua. Tôi tin rằng sự thành tựu của lời dự đoán này vừa là điều mong muốn và cũng là điều có thể thực hiện được. Nhưng không nên quên rằng chim



phượng hoàng được sinh ra và bay lên từ đống tro tàn của mình, nó không phải là chim di cư, cũng không phải nó bay bằng cách mượn cánh của kẻ khác. "Xứ trời ở trong lòng người". Xứ trời, không phải là chỗ đến được bằng cách lăn xuống núi, dẫu núi có cao mấy, và cũng không thể đến được được bằng cách vượt qua biển dẫu biển có rộng mấy. Kinh Coran có nói "Thượng đế ban cho mỗi dân tộc một đấng dự ngôn (đấng tiên tri) nói tiếng của dân tộc đó". Những hạt giống của xứ trời có ở trong lòng người Nhật và được người Nhật hiểu rõ, đã khai hoa trong võ sĩ đạo. Nhưng buồn thay, trước khi kết trái đầy đủ, giờ đây thời đại của võ sĩ đạo lại sắp chấm dứt. Và chúng tôi quay sang mọi hướng để tìm kiếm những nguồn khác của vẻ xinh tươi và sự sáng chói, của sức mạnh và sự an ủi, nhưng giờ đây không tìm ra được thứ nào có thể thay chỗ cho võ sĩ đạo. Triết lí được, thua của những người theo chủ nghĩa thực dụng hay của những người theo chủ nghĩa vật chất được những người cãi bướng mất hết nửa linh hồn yêu thích. Cơ đốc giáo là một hệ thống đạo đức khác duy nhất, đủ sức đương đầu với chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa vật chất. Nếu đem việc này ra so sánh, phải thú nhận là, võ sĩ đạo giống như một tim đèn cháy lờ mờ sắp tắt.

Nhưng đức cứu thế đã tuyên bố là không dập tắt nó mà sẽ quạt cho nó thành lửa. Giống như những nhà dự ngôn tiền nhiệm Hebrew, đặc biệt giống với Isaiah, Jeremiah, Amos, và Habakkuk, võ sĩ đạo đã đặt trọng điểm ở hành vi đạo đức của những người thống trị, cũng như công chức và của dân tộc. Ngược lại, đạo đức của Cơ đốc giáo hầu như chỉ đặt trọng điểm ở cá nhân và những gì liên quan đến tín đồ nên phạm vi ứng dụng trong thực tế sẽ rộng lớn hơn khi cá nhân chủ nghĩa bành trướng thế lực, với tư cách là một yếu tố của đạo đức. Cái gọi là đạo đức chủ nhân có tính tự kỉ trung tâm của Nietzsche có nhiều điểm giống với võ sĩ đạo, nhưng nếu tôi nghĩ không lầm thì đó là một hiện tượng có tính quá độ hoặc là sự phản động nhất thời đối với cái ông ta gọi, với sự méo mó bệnh hoạn, là đạo đức nô lệ có tính khiêm tốn và tự kỉ phủ định của người Nazarene.

Cơ đốc giáo và chủ nghĩa vật chất (kể cả chủ nghĩa thực dụng) - hoặc, tương lai sẽ đưa chúng về lại hình thái cũ xưa hơn của chủ nghĩa Hebrew và chủ nghĩa Hy Lạp hay không? - hai chủ nghĩa này sẽ chia thế giới ra làm hai. Hệ thống đạo đức nhỏ hơn sẽ liên kết với một trong hai để tồn tại. Võ sĩ đạo sẽ liên kết với bên nào đây? Trong võ sĩ đạo, không có một giáo lí hay một hình thức nào cần

phải cố thủ, vì thế một ngày nào đó, thực thể của nó có thể sẽ biến mất. Giống như hoa anh đào, rơi rụng theo luồng gió đầu tiên buổi sáng. Nhưng sự tiêu mất hoàn toàn nhất định không phải là số phận của nó. Có ai dám nói chủ nghĩa khắc kỉ đã mất rồi không? Là một hệ thống, đúng là nó đã mất, nhưng nó vẫn còn sống như một đức tính. Sức mạnh và sức sống của nó vẫn còn thấy được ở mọi ngõ ngách của đời sống - trong triết học của những quốc gia phương Tây, trong pháp luật của thế giới văn minh. Không những thế, nơi nào con người còn phấn đấu để nâng cao mình lên, nơi nào mà linh hồn còn cố gắng để làm chủ thể xác, thì ở đó chúng ta sẽ thấy qui luật bất diệt của Zeno còn hoạt động.

Là một qui định luân lí độc lập, võ sĩ đạo có thể sẽ tiêu tan, nhưng sức mạnh của nó sẽ còn mãi trên trái đất. Trường dạy về vũ dũng, về danh dự công dân có thể sẽ bị phá hủy; nhưng sự sáng chói và vinh quang sẽ vượt qua đổ nát để tồn tại lâu dài. Giống như hoa anh đào, tượng trưng của võ sĩ đạo, dầu có bị gió bốn phương làm rơi rụng, nó sẽ ban phước cho con người với hương thơm của nó, làm đời sống con người phong phú hơn. Ngàn đời sau, khi tập quán của nó bị chôn vùi và tên tuổi của nó bị quên lãng, "đứng lại mà ngắm" sẽ thấy

mùi hương của nó bồng bềnh trong không khí trên ngọn đồi xa xôi mút mắt, như câu thơ của một thi sĩ Quaker.

"Du khách cảm mùi thơm
Không biết từ đâu đến
Dừng chân bên mé lộ.
Trời cao, một lời nguyền".

HẾT

NITOBE INAZO

VÕ SĨ ĐẠO

LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

(Lê Ngọc Thảo *dịch*)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15, Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (04) 62872348 * Fax: (04) 62871730

Chịu trách nhiệm xuất bản: **BÙI VIỆT BẮC**
Biên tập: Nguyễn Thế Vinh
Vẽ bìa: Bảo Linh
Sửa bản in: Thúy Thúy
Chế bản: Hoàng Tú

In 1.000 cuốn, khổ 12x20 cm,
tại Công ty in và DVTM Phú Thịnh
Giấy phép xuất bản số: 242-2010/CXB/60-70/TĐ
In xong và nộp lưu chiểu năm 2011

LIÊN KẾT XUẤT BẢN



Quảng Văn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG QUẢNG VĂN
Địa chỉ: 244A, tổ 9, đường K3, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 04.37633303 * **Fax:** 04.37633303
Email: publicationqvg@gmail.com
Website: www.quangvanbooks.com

"... Bushido: The Soul of Japan là một cuốn sách có sức tác động và tạo ra những cảm xúc mạnh với những ý tưởng dù xuất hiện từ 100 năm trước đây nhưng vẫn còn phù hợp đến ngày nay..."

Midwest Book Review

"... Bushido (võ sĩ đạo) - Con đường Chiến binh - là một trong những đặc trưng kỳ thú, độc đáo của văn hóa Nhật Bản và vẫn còn có ý nghĩa quan trọng trong thế giới hiện đại. Tác phẩm này đã trở thành nguồn cảm hứng cho rất nhiều cuốn sách trong vài thế kỷ qua..."

wiredweird "wiredweird" (một nơi nào đó trên Trái Đất)

BUSHIDO
the soul of Japan

"... Sống ở Nhật một thời gian tương đối dài ai cũng nhận thấy tính cách độc đáo của người Nhật về lối giao tiếp, về nghi lễ, về cách xử thế... Tính cách độc đáo ấy là sự tuyệt hảo của các quy phạm đạo đức Đông phương như nhân, nghĩa, lễ, dũng, tín..., những đức tính truyền thống cao đẹp đã trở thành con đường (đạo) được xây dựng từ giới võ sĩ thời phong kiến..."

"... Ta có thể đặt câu hỏi là tại sao ở mọi tình huống của lịch sử Nhật đều có những con người biểu hiện một cách sâu sắc, mạnh mẽ những quy phạm đạo đức rất cao đẹp và những đạo đức đó do đâu mà có? Tôi nghĩ ta có thể tìm câu trả lời qua cuốn sách *"Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản"*. *"Võ sĩ đạo, linh hồn của Nhật Bản"* đúng là một cuốn sách kinh điển về văn hóa Nhật Bản.

(Trần Văn Thọ, Giáo sư kinh tế học, Đại học Waseda, Tokyo)

"... Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã tự mình đọc quyển sách này và đã cho phân phát bản in đến bạn bè của ông..."



5

VÕ SĨ ĐẠO...





CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG QUẢNG VĂN
Địa chỉ: 244A, tổ 9, đường K3, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04.37653303 * Fax: 04.37653903
Email: publicationqvg@gmail.com * Website: www.quangvanbooks.com

Giá: 49.000đ

NITOBE INAZO

VÕ SĨ ĐẠO, LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

